

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 367 – Chúa nhật 01.12.2019

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

MỘT VÀI ĐƯỜNG HƯỚNG RIÊNG - Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS (QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI).....	CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II
BA LẦN THIÊN CHÚA ĐẾN VỚI CON NGƯỜI	Phó-tế Giuse Nguyễn Xuân Văn
HẠT SỐNG	Maria Hồng Hà CMR
VỊ LINH MỤC VIỆT NAM RẤT ĐẶC BIỆT VÌ CÓ CHA THUỘC ĐẠO CAO ĐÀI VÀ CÓ MẸ THUỘC ĐẠO PHẬT	Giuse Kích
ĐẸP	Lm. Jos.Tuấn Việt,O.Carm
TỪ ĐẠO NGAY TRONG LÒNG MẸ GIÁO HỘI.....	Jorathe Năng Tím
TẠI SAO THIÊN CHÚA LẠI GIẾT CÁC CON ĐÀU LÒNG CỦA NGƯỜI AI CẬP?.....	Lm. Ngô Tôn Huân,
Doctor	of
Ministry	
Nhìn lại Hội thảo Văn Hóa - Bốn trăm năm hình thành và phát triển Chữ Quốc Ngữ trong lịch sử loan báo Tin Mừng tại Việt Nam	Lm. Giuse Trịnh Tín Ý, Thư Ký Ủy Ban Văn Hóa
HẬU QUẢ CỦA VIỆC TIN VÀO BÓI TOÁN!.....	Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt
CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ NGÔN NGỮ CƠ THỂ TRONG BỨC TRANH “BỮA TỐI CUỐI CÙNG” CỦA LEONARDO DA VINCI	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
CHẤT ĐẠM.....	Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD
NỖI LO CỦA TUỔI GIÀ	Chuyện phiếm của Gã siêu

MỘT VÀI ĐƯỜNG HƯỚNG RIÊNG

LTS. Đặc San GSVN đã phổ biến rộng rãi bản dịch DoCat của UBCL&HB, HĐGMVN. Nay chúng con xin lần lượt phổ biến tất cả các thông điệp của các Đức Thánh Cha, từ thời Đức Lêô XIII (1891), với thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) cho tới Đức Thánh Cha Phanxicô (2015), với thông điệp Chúc tụng Chúa (Laudato Si). Tất cả các văn kiện này

chính là "nền" cho Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. Xin chân thành cảm ơn các trang mạng đã cung cấp cho Dân Chúa và Dân Chúng Việt Nam những tư liệu rất quý báu này, đặc biệt xin chân thành cảm ơn các dịch giả đã thực hiện các bản dịch Việt Ngữ.

**Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS
(QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI)
CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II
*Nhân dịp kỷ niệm 20 năm thông điệp
POPULORUM PROGRESSIO
CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHAOLÔ VI***

bản dịch của Lm. Fx. Hoàng Đình Mai

Nguồn: <https://daminhtamhiep.net/2012/06/thong-diep-sollicitudo-rei-socialis-quan-tam-den-van-de-xa-hoi/>

(Tiếp theo)

VI- MỘT VÀI ĐƯỜNG HƯỚNG RIÊNG

41- Giáo hội không có những giải đáp kỹ thuật dành cho vấn đề chậm phát triển như Đức Thánh Cha Phaolô VI đã tuyên bố trong thông điệp của mình (69). Thực vậy, Giáo hội không đưa ra những hệ thống hay những chương trình kinh tế và chính trị, Giáo hội không tỏ ra thiên về hệ thống này hay hệ thống kia, miễn sao phẩm giá con người được tôn trọng một cách chính đáng và được cổ vũ cũng như thấy mình có được không gian cần thiết để chu toàn tác vụ của mình giữa trần gian.

Thế nhưng Giáo hội vốn “am tường về nhân loại” (70) và điều đó thúc đẩy Giáo hội cần phải mở rộng sứ mạng tôn giáo của mình tới những lãnh vực khác nhau, trong đó người nam và người nữ đang hoạt động để tìm kiếm hạnh phúc, luôn tương đối, có thể ở trần gian, một cách phù hợp với phẩm giá con người của họ.

Theo gương những vị tiền nhiệm, tôi phải lặp lại rằng những gì liên quan tới phẩm giá của con người và của các dân tộc, chẳng hạn như việc phát triển đích thực, không thể được thu gọn chỉ vào vấn đề “kỹ thuật”. Thu gọn như thế, việc phát triển sẽ mất đi nội dung đích thực của nó và người ta sẽ phản bội con người và các dân tộc mà mình phải phục vụ.

Đó là lý do tại sao Giáo hội ngày hôm nay, cũng như cách đây hai mươi năm, và trong tương lai vẫn còn phải lên tiếng nói về bản chất, về những điều kiện, những đòi hỏi và những mục đích của việc phát triển đích thực, cũng như về những trở ngại ngăn chặn việc phát triển. Làm như thế, Giáo hội chu toàn sứ mạng phúc âm hóa của mình, vì Giáo hội góp phần đầu tiên vào việc giải quyết vấn đề cấp bách của việc phát triển khi công bố chân lý về Đức Kitô, về Giáo hội và về con người, bằng cách áp dụng chân lý ấy vào một hoàn cảnh cụ thể (71).

Phương tiện Giáo hội dùng để đạt được mục đích chính là học thuyết xã hội của mình. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay để giúp trình bày những vấn đề một cách đúng đắn, cũng như để tìm ra giải pháp tốt đẹp nhất, thì rất cần phải có một sự hiểu biết chính xác hơn và cần phải quyết tâm phổ biến sâu rộng hơn “tồn bộ những nguyên tắc suy tư và những tiêu chuẩn phê phán cũng như những hướng dẫn cho hành động” được đề ra qua lời giảng dạy của mình (72). Như vậy, người ta sẽ thấy ngay rằng những vấn đề phải đối phó trước hết có tính cách luân lý và ngay cả việc phân tích chính vấn đề phát triển cũng như những phương tiện để vượt qua những khó khăn hiện nay đều không thể loại trừ chiều kích chính yếu này.

Học thuyết xã hội của Giáo hội không phải là một “con đường thứ ba” giữa “chủ nghĩa tự bản tự do” và “chủ nghĩa “tập thể Marxiste”, cũng không phải là một giải pháp khả thi trong số những giải pháp mang tính cách ít triệt để hơn; học thuyết ấy tự bản chất làm thành một loại riêng. Đó không phải là một ý thức hệ, nhưng là việc trình bày chính xác những kết quả suy tư nghiêm chỉnh về những thực tại phức tạp của đời sống con người trong xã hội và trong bối cảnh quốc tế, dưới ánh sáng đức tin và truyền thống của Giáo hội. Mục tiêu chính yếu của học thuyết này là giải thích những thực tại ấy, bằng cách xét xem chúng có phù hợp hay trái ngược với đường hướng giáo huấn của Tin Mừng về con người và về ơn gọi, vừa có tính cách trần thế lại vừa có tính cách siêu việt; như vậy học thuyết này có mục đích hướng dẫn cách cư xử của người Kitô hữu. Vì thế nó không đi vào lãnh vực ý thức hệ, nhưng đi vào lãnh vực thần học và đặc biệt là thần học luân lý.

Việc giảng dạy và phổ biến học thuyết xã hội là một phần trong sứ mạng phúc âm hóa của Giáo hội. Và vì là một học thuyết nhằm hướng dẫn cách cư xử của con người, nên đương nhiên cũng đòi hỏi mỗi người phải “dấn thân cho công lý” tùy theo vai trò, ơn gọi và hoàn cảnh của mình.

Việc chu toàn tác vụ phúc âm hóa trong lãnh vực xã hội là một phần trong chức vụ tiên tri của Giáo hội, cũng bao gồm cả việc tố giác những tội ác và những bất công. Tuy nhiên, nên nhấn mạnh việc loan báo bao giờ cũng quan trọng hơn việc tố giác và việc tố giác này không thể loại trừ việc loan báo vốn đem lại cho việc tố giác một nền tảng đích thực và một sức cổ vũ mạnh mẽ nhất.

42- Học thuyết xã hội của Giáo hội, ngày nay hơn cả trong dĩ vãng, có bốn phận mở ra một viễn tượng quốc tế theo chiều hướng của Công Đồng Vaticanô II (73), của các thông điệp gần đây (74) và cách riêng của thông điệp chúng ta đang mừng kỷ niệm trong lúc này (75). Vậy không phải là việc thừa nếu chúng ta xét lại và đào sâu dưới sự soi dẫn ấy về những chủ đề, những đường hướng đặc biệt mà Huấn Quyền đã lập lại trong những năm gần đây.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến một trong những điểm ấy: sự chọn lựa hay tình yêu thương dành cho những người nghèo. Đó là một chọn lựa, hay một hình thức đặc biệt dành ưu tiên trong việc thực thi đức ái Kitô giáo mà tất cả truyền thống Giáo hội đã minh chứng. Điều đó liên quan tới đời sống của mỗi Kitô hữu, với tư cách là người bắt chước đời sống của Đức Kitô, nhưng cũng được áp dụng cho những trách nhiệm xã hội của chúng ta và như vậy cho cách chúng ta sống, cho những quyết định chúng ta đưa ra một cách đúng đắn về vấn đề tư hữu và sử dụng của cải.

Thế nhưng ngày nay, vì vấn đề xã hội mang chiều kích thế giới (76), thì tình yêu thương được ưu tiên, cũng như những quyết định mà tình yêu thương ấy gợi lên cho chúng ta, cũng phải bao gồm cả những đám đông không kể xiết những người đói khát, những người ăn xin, những người không nơi nương tựa, những người không thuốc men và trên hết là những người không còn hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn; phải nhìn nhận rằng có những thực tại như vậy. Không biết đến những thực tại ấy là tự đồng hóa mình với “người giàu có yến tiệc linh đình” làm bộ không nhận ra Lagiarô, người ăn xin, đang nằm gần cửa nhà ông (x Lc 16,19-31). (77).

Đời sống thường ngày đòi chúng ta phải để ý tới những thực tại này, cũng như để ý tới những quyết định thuộc phạm vi chính trị và kinh tế. Đồng thời, những vị hữu trách tại các quốc gia và những Tổ chức quốc tế, trong khi có bốn phận phải dành ưu tiên cho chiều kích nhân bản đích thực trong những kế hoạch của mình, thì cũng phải nhớ dành vị trí thứ nhất cho hiện tượng nghèo túng đang gia tăng. Tiếc thay, con số những người nghèo túng, thay vì giảm đi, thì lại cứ gia tăng không phải chỉ trong những nước kém phát triển, mà còn trong những nước đã phát triển, điều đó gây ô nhục không kém.

Cần phải nhắc lại một lần nữa nguyên tắc đặc thù của học thuyết xã hội Kitô giáo : của cải trên thế giới tự nguồn gốc được dành cho mọi người (78). Quyền tư hữu có giá trị và cần thiết, nhưng không được hủy bỏ giá trị của nguyên tắc này. Thực vậy, “một món nợ xã hội” đè nặng trên quyền tư hữu, nghĩa là nơi quyền tư hữu, người ta nhận thấy, như phẩm chất nội tại, một chức năng xã hội được xây dựng và được minh chứng một cách chính xác bởi nguyên tắc của cải phải được dành cho mọi người. Và trong việc dấn thân cho người nghèo, không được sao nhãng hình thức đặc biệt của sự nghèo túng, đó là bị tước mất những quyền lợi căn bản của con người, cách riêng quyền tự do tôn giáo, và mặt khác quyền được có sáng kiến về kinh tế.

43- Sự quan tâm tích cực đến những người nghèo – theo cách diễn tả rất sâu xa, là “những người nghèo của Chúa” (80) – phải được thể hiện ở mọi mức độ, bằng những hành động cụ thể, để chắc chắn đạt được một loạt những cải tổ cần thiết. Tùy theo những hoàn cảnh riêng biệt, người ta ấn định những cải tổ cấp bách nhất và những phương tiện để thực hiện, nhưng không được quên những cải tổ mà tình trạng mất quân bình trên phạm vi quốc tế đòi hỏi như đã mô tả ở trên.

Về vấn đề này, tôi muốn đặc biệt nhắc lại : việc cải tổ hệ thống thương mại quốc tế, đã bị chủ trương bảo vệ mậu dịch và trao đổi song phương đang thịnh hành thao túng; việc cải tổ hệ thống tiền tệ và tài chánh quốc tế, mà ngày nay người ta đều đồng ý là không đầy đủ; vấn đề trao đổi kỹ thuật và cách sử dụng hữu hiệu; sự cần thiết phải coi lại cơ cấu các Tổ chức quốc tế hiện có, trong khuôn khổ một trật tự của công pháp quốc tế.

Hệ thống thương mại quốc tế ngày nay thường dẫn đến việc phân biệt các sản phẩm của những nền kỹ nghệ mới ra đời tại các nước đang phát triển, trong khi làm nản lòng những nhà khai thác các tài nguyên thô. Đáng khác, vẫn có một thứ phân chia quốc tế về lao động, theo đó các sản phẩm có giá thành rẻ của một số nước, tại đó luật lệ hữu hiệu về lao động không có, hay quá yếu kém khi áp dụng, được đem bán tại những nơi khác trên thế giới với những lợi nhuận to lớn dành cho các xí nghiệp chuyên môn trong kiểu sản xuất không biên giới này.

Hệ thống tiền tệ và tài chánh thế giới mang nặng dấu ấn bởi sự giao động quá đáng của các biện pháp hối đoái và lãi xuất, gây tổn hại cho cán cân chi trả và tình trạng nợ nần của các nước nghèo.

Các kỹ thuật và việc chuyển nhượng ngày nay trở thành một vấn đề chính yếu trong những cuộc trao đổi quốc tế, với những tổn hại nghiêm trọng. Không thiếu gì những nước đang phát triển bị từ chối cung cấp các kỹ thuật cần thiết hay chỉ được chuyển nhượng một vài kỹ thuật không ích lợi gì cho họ

Các tổ chức quốc tế, theo ý kiến của nhiều người, thì dường như đang ở vào một thời điểm lịch sử cần phải xét lại kỹ lưỡng và sửa chữa cấp thời những cơ cấu điều hành, những chi phí hành chánh và tính cách hữu hiệu. Dĩ nhiên một tiến trình tế nhị như vậy không thể thành công nếu không được mọi người cộng tác. Phải vượt lên trên những tranh chấp chính trị và phải từ bỏ ý định sử dụng những Tổ chức này vào các mục đích riêng tư, trong khi lý do tồn tại duy nhất của những Tổ chức này chính là lợi ích chung.

Các Thể chế và các Tổ chức hiện có đã làm việc đắc lực cho lợi ích các dân tộc. Tuy nhiên, đứng trước một giai đoạn mới và khó khăn hơn của việc phát triển đích thực, nhân loại ngày nay cần đến một mức độ tổ chức cao hơn với đẳng cấp quốc tế, để phục vụ cho các xã hội, các nền kinh tế và văn hóa của toàn thế giới.

44- Phát triển trước hết đòi hỏi một óc sáng kiến từ phía các nước cần phát triển (81). Mỗi nước phải hành động theo những trách nhiệm riêng của mình, chứ đừng mong đợi tất cả từ các nước được ưu đãi hơn, bằng cách hợp tác làm việc với các nước khác ở trong cùng một hoàn cảnh. Mỗi nước phải khai thác và sử dụng hết sức có thể phạm vi tự do riêng của mình. Mỗi nước phải có khả năng đưa ra những sáng kiến đáp ứng cho những vấn đề xã hội riêng của

mình. Mỗi nước cũng phải nhận ra những nhu cầu thực sự của mình, cũng như những quyền lợi và bổn phận phải chu toàn. Việc phát triển các dân tộc được bắt đầu và phải tìm thấy cách thức thi hành thích hợp nhất trong cố gắng của mỗi dân tộc cho sự phát triển riêng của mình, với sự hợp tác của các dân tộc khác.

Trong ý nghĩa ấy, điều quan trọng là các nước đang phát triển phải giúp cho mọi công dân được triển nở, nhờ tham dự vào một nền văn hóa đã được nghiên cứu sâu rộng hơn và một sự thông tin tự do. Tất cả những gì có thể giúp cho việc xóa nạn mù chữ và giáo dục căn bản được đào sâu và hoàn chỉnh, đều là một đóng góp trực tiếp cho việc phát triển đích thực, như thông điệp *Populorum Progressio* đã đề ra (82), mặc dù mục tiêu ấy còn xa mới đạt được tại nhiều vùng trên thế giới.

Để tiến bước trên con đường này, các nước phải tự mình nhận ra những ưu tiên và phải thấy rõ những nhu cầu của mình, tùy theo những hoàn cảnh riêng của dân chúng, khung cảnh địa lý và các truyền thống văn hóa.

Một số nước sẽ phải gia tăng sản xuất lương thực, hầu luôn có sẵn những gì cần thiết cho của ăn và cho cuộc sống. Trên thế giới hôm nay, biết bao nhiêu người đã trở thành nạn nhân của cái đói, nhất là trẻ em. Có những nước đã nêu gương, mặc dù không phát triển một cách đặc biệt, nhưng đã thành công trong việc đạt tới mục tiêu tự túc lương thực, thậm chí còn trở thành những nước xuất khẩu lương thực.

Có những nước khác cần cải tổ một số những cơ cấu bất công và cách riêng những thể chế chính trị của họ để thay thế những chế độ thối nát, độc tài và chuyên chế bằng những chế độ dân chủ đề cao việc tham gia. Đó là một tiến trình chúng tôi mong thấy được phổ biến và tăng cường, bởi vì sự khỏe mạnh của một cộng đồng chính trị – được biểu lộ qua việc tự do tham gia vào trách nhiệm của mọi công dân trong những công việc chung, nhờ sự vững chắc của luật pháp, nhờ sự tôn trọng và thẳng tiến nhân quyền – là một điều kiện cần thiết và là một đảm bảo chắc chắn cho việc phát triển “toàn bộ con người và toàn thể mọi người”.

45- Những điều đã nói chỉ được thực hiện với sự cộng tác của mọi người, cách riêng của cộng đồng quốc tế, trong khuôn khổ của một tình liên đới bao gồm tất cả thế giới, bắt đầu những nước bị cô lập nhất. Thế nhưng các nước đang phát triển có bổn phận chính họ phải thực thi tình liên đới với nhau và với những nước bị bỏ rơi nhất trên thế giới.

Thật đáng mong ước, chẳng hạn những nước cùng một khu vực địa lý thiết lập những hình thức cộng tác giúp họ bớt lệ thuộc vào những nước sản xuất hùng mạnh hơn; họ mở cửa cho các sản phẩm trong vùng; họ nghiên cứu xem những sản phẩm của mình có thể tạm thời bổ túc cho nhau không; họ liên kết để cung cấp những tiện ích mà mỗi nước không thể tổ chức được; họ mở rộng sự hợp tác sang lãnh vực tiền tệ và tài chánh.

Sự lệ thuộc lẫn nhau đã là một thực tại trong nhiều nước ấy. Thừa nhận sự lệ thuộc này, bằng cách làm cho nó trở nên tích cực hơn, là một giải pháp đương đầu với sự lệ thuộc quá đáng vào các nước giàu hơn và mạnh hơn, một giải pháp nằm trong chính đòi hỏi của sự phát triển đáng mong ước, không chống đối ai, nhưng bằng cách khám phá và gia tăng tối đa giá trị những khả năng riêng của mình. Những nước đang phát triển thuộc cùng một vùng địa lý, nhất là những nước thuộc thành phần được gọi là “phía Nam”, có thể và phải thành lập – như người ta đang bắt đầu với những thành quả đầy hứa hẹn – những tổ chức mới cấp vùng, được điều hành bởi những tiêu chuẩn bình đẳng, tự do và tham gia vào liên minh giữa các quốc gia.

Tình liên đới quốc tế đòi hỏi, như một điều kiện thiết yếu, sự tự trị và tự do định đoạt về mình, ngay cả ở bên trong những tổ chức, như những tổ chức vừa mới được trình bày. Nhưng đồng thời cũng đòi hỏi phải sẵn sàng chấp nhận những hy sinh vì lợi ích của cộng đồng thế giới.

VII- KẾT LUẬN

46- Các dân tộc và các cá nhân đều khao khát được giải phóng; việc tìm kiếm sự phát triển toàn diện là dấu chỉ cho thấy họ ước muốn vượt qua những trở ngại chồng chất, ngăn cản không cho họ được hưởng một “cuộc sống xứng đáng với con người hơn”.

Mới đây, trong suốt thời gian sau khi công bố thông điệp *Populorum Progressio*, tại một số nơi thuộc Giáo hội công giáo, đặc biệt là tại Châu Mỹ La Tinh, thấy phổ biến một cách thức mới để tiếp cận những vấn đề nghèo khổ và chậm phát triển, lấy việc giải phóng làm phạm trù căn bản và làm nguyên lý đầu tiên để hành động. Những giá trị tích cực, cũng như những sai lạc và những nguy cơ sai lạc nối kết với cách suy tư và xây dựng thần học, đã được Huấn quyền của Giáo hội cảnh báo đúng lúc (83).

Nên nói thêm rằng khát vọng giải phóng cho con người và xã hội khỏi mọi hình thức nô lệ là một điều cao quý và có giá trị. Đó là mục tiêu chính đáng của việc phát triển, hay đúng hơn của việc giải phóng và phát triển, nếu xét tới mối liên hệ chặt chẽ giữa hai thực tại ấy.

Một sự phát triển hoàn toàn có tính cách kinh tế không thể nào giải phóng con người, trái lại cuối cùng nó càng làm cho con người bị nô lệ hơn. Một sự phát triển không hội nhập những chiều kích văn hóa, siêu việt và tôn giáo của con người và xã hội, thì càng ít góp phần vào việc giải phóng đích thực, nếu không nhận biết những chiều kích đó và không hướng tới chúng như những mục tiêu riêng của mình. Con người chỉ hoàn toàn tự do khi là chính mình, với đầy đủ các quyền lợi và bổn phận; người ta cũng phải nói như vậy về toàn thể xã hội.

Trở ngại chính yếu phải vượt qua để đạt tới một sự giải phóng đích thực, chính là tội lỗi và những cơ cấu phát sinh từ đó dần dần gia tăng là tràn lan. (84).

Sự tự do Đức Kitô dùng để giải phóng chúng ta (x Ga 5,1) thúc đẩy chúng ta hoán cải hầu trở thành tội tớ của mọi người. Như vậy tiến trình phát triển và giải phóng được cụ thể hóa qua việc thực thi tình liên đới, nghĩa là thực thi tình yêu thương và phục vụ tha nhân, nhất là những người nghèo khổ nhất : “Ở đâu vắng bóng chân lý và tình yêu thương, thì tiến trình giải phóng sẽ dẫn đến việc bóp chết một thứ tự do đã mất đi mọi điểm tựa” (85).

47- Trước những kinh nghiệm đáng buồn của những năm vừa qua và trước bức tranh mà phần lớn mang tính cách tiêu cực của thời buổi hiện nay, Giáo hội phải mạnh mẽ xác quyết rằng có thể vượt qua những trở ngại ngăn cản sự phát triển, vì thái quá hay vì bất cập, và hãy tin tưởng vào một sự giải phóng đích thực. Niềm tin tưởng và khả năng ấy, xét cho cùng, đều được xây dựng trên ý thức của Giáo hội về lời Chúa hứa bảo đảm rằng lịch sử hiện tại không khép lại nơi mình, nhưng được mở ra đón nhận Nước Thiên Chúa.

Giáo hội cũng tin tưởng vào con người, trong khi vẫn thừa nhận con người có thể hư hỏng, vì Giáo hội biết rằng – dù mang lấy di sản tội lỗi và chính tội lỗi mỗi người có thể vấp phạm – con người vẫn có đầy đủ những đức tính và một năng lực, vẫn có cái “tính bản thiện” (x St 1,31), vì là hình ảnh của Đấng Tạo Hóa, được hưởng nhờ ơn cứu độ của Đức Kitô, “Đấng bằng một cách nào đó đã kết hợp mình với mọi người” (86), và vì tác động hữu hiệu của Chúa Thánh Thần “đầy tràn” thế giới” (Kn 1,7).

Vì thế không thể biện minh cho thái độ thất vọng, bi quan và thụ động. Dù có cay đắng, thì cũng vẫn phải nói rằng nếu như người ta có thể phạm tội vì ích kỷ, vì quá ham hố lợi lộc và quyền bính, thì người ta cũng có thể vấp phạm những sai lỗi vì soteria, vì do dự và thực ra chỉ vì hèn nhát, khi phải chạm trán với những nhu cầu cấp bách của những đám đông bị nhận chìm trong cảnh chậm phát triển. Tất cả chúng ta đều được mời gọi, ngay cả bị bó buộc, phải giải quyết sự thách đố khủng khiếp của mười năm cuối cùng trong ngàn năm thứ hai, chẳng qua vì tất cả chúng ta đều bị những hiểm nguy sắp xảy ra đe dọa : một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu,

một cuộc chiến tranh không biên giới, chẳng có người thắng cũng như chẳng có kẻ thua. Đối diện với mối đe dọa này, sự phân biệt người giàu và người nghèo, hay nước giàu và nước nghèo, ít có giá trị, nếu đó không phải vì trách nhiệm lớn lao nhất đè nặng trên những người nhiều của và nhiều quyền hơn.

Tuy nhiên, một lý do như vậy không phải là lý do duy nhất cũng không phải là lý do chính yếu. Điều phải để ý tới, đó chính là phẩm giá con người, mà Đấng Tạo Hóa đã trao phó cho chúng ta để bảo vệ và thăng tiến đồng thời tất cả chúng ta, nam cũng như nữ, đều là những người có trách nhiệm nặng nề và đều là những con nợ đối với vấn đề này trong mọi hoàn cảnh của lịch sử. Tình trạng hiện nay, như nhiều người đã biết với ít hay nhiều rõ ràng, dường như không tôn trọng phẩm giá ấy. Mỗi người trong chúng ta đều được mời gọi góp phần vào cuộc vận động ôn hòa này để đạt được sự phát triển trong hòa bình, để cứu vãn thiên nhiên và thế giới chung quanh chúng ta. Chính Giáo hội cũng cảm thấy mình có liên hệ sâu xa trong con đường này và Giáo hội hy vọng sẽ có được kết quả tốt đẹp.

Vì thế, noi gương Đức Thánh Cha Phaolô VI trong thông điệp *Populorum Progressio*, tôi muốn ngõ lời một cách đơn sơ và khiêm tốn với tất cả mọi người, nam cũng như nữ không phân biệt, để sau khi xác tín tính cách nghiêm trọng của giờ phút hiện tại và ý thức về trách nhiệm bản thân của mình, thì bằng nếp sống cá nhân và gia đình, bằng việc sử dụng của cải, bằng việc tham gia của người công dân, bằng việc đóng góp vào những quyết định kinh tế và chính trị, cũng như bằng chính việc dấn thân riêng của mình vào những bình diện quốc gia và quốc tế, họ đem ra thực hành những biện pháp dựa trên tình liên đới và yêu thương, ưu tiên dành cho những người nghèo khổ, những biện pháp do đòi hỏi của những hoàn cảnh và nhất là của phẩm giá con người, vốn là hình ảnh bất diệt của Thiên Chúa Đấng Sáng Tạo, một hình ảnh giống nhau nơi mỗi người chúng ta.

Trong những cố gắng đó, con cái Giáo hội phải là những mẫu gương và phải là những người hướng dẫn, bởi vì, theo chương trình Chúa Giêsu đã công bố tại hội đường Nagiarét, họ được mời gọi “loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn, {...} công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa” (Lc 4,18-19). Cần nhấn mạnh đến vai trò trời vượt của người giáo dân, nam cũng như nữ, như Thượng Hội Đồng Giám Mục mới đây đã nhắc nhở. Họ được báo cho biết là với lòng nhiệt thành Kitô giáo họ phải làm cho những thực tại trần thế trở nên sinh động và giữa những thực tại ấy họ phải sống như những chứng nhân và như những người kiến tạo hòa bình và công lý.

Tôi muốn đặc biệt gửi đến những người, nhờ bí tích Rửa tội và việc tuyên xưng cùng một kinh Tin Kính, đang cùng với chúng tôi tham gia vào sự hiệp thông đích thực, mặc dù chưa trọn vẹn. Tôi chắc chắn rằng nỗi lo âu được tỏ bày trong bức thư này, cũng như những lý do làm cho bức thư này thêm phần khởi, vốn là những điều quen thuộc đối với họ, bởi vì chính Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô đã gọi lên. Chúng ta có thể tìm thấy ở đây một lời mời gọi mới, đó là hãy cùng nhau làm chứng cho những gì chúng ta đã xác tín về phẩm giá con người, được Thiên Chúa tạo dựng, được Đức Kitô cứu độ, được Chúa Thánh Thần thánh hóa và được mời gọi sống một cuộc sống xứng hợp với phẩm giá trong thế giới này.

Tôi xin gửi đến những ai cùng chia sẻ với chúng tôi di sản của Abraham, “tổ phụ chúng ta trên đường đức tin” (x Rm 4,11-12) (88) và truyền thống Cựu Ước, đó là những người Do Thái. Tôi xin gửi đến những ai, như chúng tôi, tin vào Thiên Chúa công bằng và thương xót, đó là những người Hồi Giáo. Tôi cũng xin gửi lời mời gọi này đến tất cả các tín đồ của những tôn giáo lớn trên thế giới.

Cuộc gặp gỡ ngày 17 tháng 10 năm ngoái tại Assisi, quê hương thánh Phanxicô, để cầu nguyện và dấn thân cho hòa bình – mỗi người trung thành với những xác tín tôn giáo của mình – đã làm cho mọi người thấy về một phương diện nào đó thì hòa bình và điều kiện cần

thiết để đạt tới hòa bình, sự phát triển “toàn bộ con người và toàn thể mọi người” cũng là một vấn đề tôn giáo, và về một phương diện nào đó thì việc thực hiện trọn vẹn hòa bình và phát triển cả hai đều tùy thuộc vào sự trung thành của chúng ta đối với ơn gọi của người tín hữu, nam cũng như nữ. Bởi vì việc thực hiện ấy trước hết tùy thuộc vào Thiên Chúa.

48- Giáo hội biết rằng không một thành tựu vật chất nào có thể được đồng hóa với Nước Thiên Chúa, nhưng mọi thành tựu chỉ phản chiếu, và trong một ý nghĩa nào đó, cho thấy trước vinh quang của nước mà chúng ta đang mong đợi vào ngày lịch sử kết thúc, khi Chúa trở lại. Thế nhưng, niềm mong đợi này không bao giờ có thể biến mình cho thái độ thờ ơ đối với con người trong hoàn cảnh cá nhân cụ thể và trong đời sống xã hội, quốc gia và quốc tế, bởi vì cả hai đều chi phối lẫn nhau, nhất là ngày nay.

Những gì người ta có thể và phải chu toàn nhờ cố gắng liên đới của mọi người và nhờ ơn Chúa ban vào một lúc nào đó của lịch sử để làm cho đời sống trở nên xứng đáng với con người hơn, thì dù bất toàn và nhất thời, cũng không có gì bị mất đi hay trở thành vô ích. Công Đồng Vaticanô II đã đề cập tới điều đó trong một đoạn văn thật rõ ràng của hiến chế *Gaudium et Spes* : “Sau khi đã theo mệnh lệnh Chúa và nhờ Chúa Thánh Thần, chúng ta phổ biến trên trái đất các giá trị về nhân phẩm, về hiệp thông huynh đệ và tự do, nghĩa là mọi thành quả tốt đẹp do bản tính và hoạt động con người đem lại, chúng ta sẽ gặp lại chúng, nhưng là gặp lại sau khi chúng được thanh tẩy khỏi mọi tì ố, được chiếu sáng và được biến đổi, nghĩa là khi Đức Kitô giao lại cho Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và đại đồng {...}. Vương quốc ấy đã hiện diện cách mẫu nhiệm ở trần gian này rồi” (89).

Hiện nay, Nước Thiên Chúa đã hiện diện nhất là nhờ việc cử hành Bí tích Thánh Thể, là hy lễ của Chúa. Trong việc cử hành này, những hoa trái của ruộng đất và lao công con người – bánh và rượu – được biến đổi cách mẫu nhiệm, nhưng thực sự và theo bản thể, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần và lời đọc của thừa tác viên, trở thành Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa và Con Đức Maria, nhờ Ngài Nước Cha được hiện diện giữa chúng ta.

Của cải trần gian và sự nghiệp do bàn tay chúng ta làm ra – bánh và rượu – được dùng để chuẩn bị cho ngày Nước vĩnh viễn đến, bởi vì nhờ Thánh Thần, Chúa đón nhận những lễ vật ấy nơi bản thân để dâng hiến mình cho Chúa Cha và dâng hiến chúng ta làm một với Ngài trong việc tái diễn hy lễ duy nhất của Ngài, như một thể hiện trước Nước Thiên Chúa và như một lời loan báo ngày hoàn tất sau cùng của Ngài.

Như vậy, nhờ Thánh Thể, là bí tích và hy lễ, Chúa kết hợp chúng ta lại với Ngài và kết hợp chúng ta lại với nhau, bằng những mối liên hệ bền chặt hơn mọi kết hợp tự nhiên; và Ngài sai chúng ta đi khắp thế giới, sống hợp nhất để, bằng đức tin và hành động, làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, chuẩn bị cho Nước Chúa trị đến và thể hiện trước Nước ấy trong bóng tối của thời buổi hiện nay.

Khi tham dự vào Thánh Thể, chúng ta được mời gọi khám phá qua bí tích này ý nghĩa sâu xa của việc chúng ta làm trong thế giới nhằm cổ vũ việc phát triển và hòa bình, cũng như được mời gọi đón nhận từ bí tích ấy sức mạnh để luôn dâng hiến bản thân một cách quảng đại, theo gương Đức Kitô, Đấng đã hy sinh mạng sống mình cho các bạn hữu (x Ga 15,13). Như sự dấn thân của Đức Kitô và trong sự hợp nhất với Ngài, sự dấn thân của chúng ta sẽ không vô ích, nhưng chắc chắn sẽ được nên phong phú.

49- Trong năm Thánh Mẫu tôi đã công bố để các tín hữu công giáo luôn hướng nhìn về Đức Maria hơn nữa, Mẹ là Đấng đi trước chúng ta trong hành trình đức tin và trong tình mẹ chăm sóc, Mẹ sẽ bầu cử cho chúng ta trước Người Con của Mẹ, là Đấng Cứu Độ chúng ta, tôi muốn phó thác cho Mẹ và phó thác cho lời bầu cử của Mẹ tình thế khó khăn của thế giới hiện nay, những cố gắng chúng ta đang làm hay sẽ làm, thường phải trả giá bằng những đau khổ to lớn,

hầu góp phần vào việc phát triển đích thực của các dân tộc, mà vị tiền nhiệm của tôi, Đức Phaolô VI đã đề nghị và loan báo.

Theo lòng đạo đức Kitô giáo, chúng tôi dâng lên Đức Trinh Nữ Rất Thánh những hoàn cảnh cá nhân khó khăn để Mẹ bày tỏ cho Con của Mẹ, nhờ đó Ngài sẽ xoa dịu và biến đổi những hoàn cảnh ấy. Thế nhưng chúng tôi cũng dâng lên Mẹ những tình trạng xã hội và cả cuộc khủng hoảng quốc tế với những phương diện đầy lo âu của cảnh cùng khốn, thất nghiệp, thiếu ăn, chạy đua vũ trang, chà đạp nhân quyền, những tình trạng hay những đe dọa xung đột từng phần hay toàn phần. Tất cả những điều ấy, với tình con thảo, chúng tôi muốn đặt dưới “ánh mắt xót thương” của Mẹ và trong niềm tin tưởng và cậy trông, chúng tôi xin lặp lại một lần nữa khúc hát xa xưa : “Lạy Đức Mẹ Chúa trời. Ngài xiết bao thánh thiện. Nay chúng con chạy đến. Tìm nương ẩn nơi Ngài. Lúc sa vòng gian khổ. Khi gặp cảnh phong trần. Lời con cái nài van. Xin Mẹ đừng chê bỏ. Nhưng xin hằng giải thoát. Khỏi ngàn nỗi hiểm nguy. Ôi vinh diệu ai bì. Trinh Nữ đầy ơn phước”.

Đức Trinh Nữ Maria Rất Thánh, Mẹ chúng ta và Nữ Vương chúng ta, Mẹ là người đã quay lại nói với Chúa Giêsu : “Họ hết rượu rồi” (Ga 2,3). Mẹ cũng là người chúc tụng Chúa Cha vì : “Ngài đã hạ bệ những kẻ quyền thế và nâng cao những người khiêm nhường. Ngài cho người đói khát được no đầy và đưa người giàu có trở về tay không” (Lc 1,52-53). Trong tình mẹ chăm sóc, Mẹ sẽ nghiêng mình nhìn đến những khía cạnh cá nhân và xã hội của đời sống con người trên trái đất (91).

Trước tôn nhan Chúa Ba Ngôi Cực Thánh, tôi xin phó dâng cho Mẹ Maria những gì tôi đã trình bày trong bức thư này để mời gọi mọi người suy nghĩ và tích cực cổ vũ cho một sự phát triển đích thực của các dân tộc, như lời nguyện trong thánh lễ cầu cho ý chỉ đó đã nói lên : “lạy Chúa, Chúa đã muốn cho mọi dân tộc có cùng một nguồn gốc và Chúa muốn qui tụ họ trong một gia đình duy nhất, xin Chúa cho mọi người nhận biết nhau như anh em và trong tình liên đới, lo cho mọi dân tộc được phát triển, để mọi quyền của con người được công nhận và cộng đồng nhân loại được sống trong bình đẳng và bình an.

Để kết thúc, tôi xin dâng lên lời nguyện này nhân danh tất cả các anh chị em, những người tôi gửi đến một phép lành đặc biệt, như dấu chỉ của lời chào thăm và cầu chúc.

**Ban hành tại Rôma,
Cạnh đền thờ Thánh Phêrô,
Ngày 30 tháng 12 năm 1987.
Năm thứ mười triều đại giáo hoàng của tôi.
GIOAN-PHAOLÔ II.**

GHI CHÚ

69- Xem *Tlđd* số 13, 81, quyển C, trang 263-264, 296-297.

70- Xem *Tlđd* số 13, quyển C, trang 263.

71- Xem *Diễn văn khai mạc Đại hội Giám mục Châu Mỹ La Tinh lần thứ ba* (28.11979) : AAS 71 (1979), trang 189-196.

72- *Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị về tự do Kitô giáo và giải phóng Lebertatis Conscientia* (22.3.1986), số 72 : AAS 79 (1987). Trang 585; Phaolô VI *Tt Octogesima Adveniens* (14.4.1971), số 4 : AAS 63 91971), trang 403-404.

73- Xem *Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay Gaudium et Spes. Phần II, chương V, đoạn II* : “Sự thiết lập các cộng đồng quốc tế” (số 83-90).

74- Xem *Gioan XXIII Tđ Mater et Magistra* (15.5.1961) : AAS 53 (1961), trang 440; *Tđ Pacem in Terris* (11.4.1963), phần IV : AAS 55 (1963), trang 291-296; Phaolô VI, *Tt Octogesima Adveniens* (14.5.1971), số 2-4 : AAS 63 (1971), trang 402-404.

75- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 3-9 quyển C, trang 258-261.

76- Tlđd số 3, quyển C, trang 258.

77- Xem Tđ *Populorum Progressio* số 47, quyển C, trang 280. Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị về tự do Kitô giáo và giải phóng *Libertatis Conscientia* (22.3.1986), số 68 : AAS 79 (1987). Trang 583-584.

78- Xem Cđ Vat II Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes* số 69; Phaolô VI Tđ *Populorum Progressio*, số 22, quyển C, trang 268; Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Giáo huấn về tự do Kitô giáo và giải phóng *Libertatis Conscientia* (22.3.1986), số 90, quyển C, trang 594. Thánh Tôma Aquinô Tổng luận Thần học, IIa IIe, câu hỏi 66, điều 2.

79- Xem Diễn văn khai mạc Đại hội Giám mục châu Mỹ La Tinh lần thứ ba (28.1.1979) : AAS 71 (1979), trang 189-196; Diễn văn cho nhóm Giám mục Ba Lan về viếng mộ hai Thánh Tông Đồ (17.12.1987), số 6 : L'Observatore Romano (18.12.1987).

80- Bởi vì Chúa muốn đồng hóa với họ (Mt 25,31-46) và bởi vì Ngài đặc biệt chăm sóc đến họ (x Tv 12,6; Lc 1,52-53).

81- Tđ *Populorum Progressio* số 55, quyển C, trang 284 : “Chính {...} những người đàn ông và những người đàn bà này cần phải được giúp đỡ và cho họ xác tín rằng chính họ cần phải thực hiện sự phát triển riêng của mình và dần dần tìm được những phương cách thực hiện”; Xem Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 86.

82- Tđ *Populorum Progressio* số 35, quyển C, trang 274 : “Giáo dục căn bản là mục tiêu đầu tiên của chương trình phát triển”.

83- Xem Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị về một vài khía cạnh “thần học giải phóng”, *Libertatis nuntius* (6.8.1984), Lời nói đầu : AAS 76 (1984), trang 876-877.

84- Xem Th *Reconcilio et paenitentia* (1.12.1984), số 16 : AAS 77 (1985), trang 213-217; Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Giáo huấn về tự do Kitô giáo và giải phóng *Libertatis Conscientia* (22.3.1986), số 38, 42 : AAS 79 (1987), trang 569-571.

85- Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Giáo huấn về tự do Kitô giáo và giải phóng *Libertatis Conscientia* (22.3.1986), số 24 : AAS 79 (1987), trang 564.

86- Xem Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 22; Gioan-Phaolô II, Tđ *Redemptor Hominis* (4.3.1979), số 8 : AAS 71 (1979), trang 272.

87- Tđ *Populorum Progressio* số 5, quyển C, trang 259 : “Chúng tôi nghĩ rằng (chương trình này) có thể và phải liên kết những người thiện chí với những con cái công giáo và những anh em Kitô hữu chúng tôi”. Cũng xem số 81-83.87, quyển C, trang 296-298.299.

88- Xem Cđ Vat II, Tuyên ngôn về những liên lạc của Giáo hội và các tôn giáo ngoài Kitô giáo *Nostra aetate*, số 4.

89- *Gaudium et Spes* số 39.

90- Xem Cđ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo hội *Lumen Gentium*, số 58; Gioan-Phaolô II, Tđ *Redemptoris Mater* (25.3.1987). số 5-6 : AAS 79 (1987), trang 165-167.

91- Xem Phaolô VI, Th *Marialis cultus* (2.2.1974) số 37 : AAS 66 (1974), trang 148-149; Gioan-Phaolô II, Bài giảng kính Đức Maria tại Zapopan, Mexico (30.01.1979), số 4 : AAS 71 (1979), trang 230/

92- Lời nguyện trong thánh lễ “Cầu cho sự phát triển các dân tộc” : Sách lễ Rôma, ấn bản 1975, trang 820.

VỀ MỤC LỤC

BA LẦN THIÊN CHÚA ĐẾN VỚI CON NGƯỜI

“Vì thế, hãy tỉnh thức! Vì các ngươi không biết được ngày nào Chúa của các ngươi sẽ đến.”
(Mt 24:42)

Hôm nay chúng ta bước vào Chúa Nhật thứ nhất Mùa Vọng. Trong Mùa Vọng, Giáo Hội mời gọi chúng ta hãy đánh giá lại mối liên hệ với Chúa Giêsu trong khi chúng ta chuẩn bị mừng sinh nhật của Ngài vào ngày lễ Giáng Sinh. Một lần nữa chúng ta được mời gọi hướng lòng về Mùa Vọng với cái tâm tình của việc ba lần Thiên Chúa đến với con người, đó là: trong quá khứ, tương lai và hiện tại của Chúa Giêsu Kitô. Lần thứ nhất Thiên Chúa đã đến cách đây hơn 2000 năm; lần cuối cùng Ngài sẽ đến trong tương lai; và Thiên Chúa vẫn đang đến mỗi ngày với từng người chúng ta trong ân sủng, sự quan phòng, và trong các bí tích. Do đó khi chúng ta tập trung vào ba lần đến này của Thiên Chúa, chắc chắn rằng chúng ta sẽ cảm thấy được một điều gì đó rất mới mẻ, một cái gì đó rất khác biệt trong cuộc sống của mỗi người chúng ta.

Khi bắt đầu bước vào Mùa Vọng năm nay, chúng ta hãy chú tâm vào việc thực hành việc tỉnh thức tâm linh. Không phải là vì chúng ta đang ngủ gật, nhưng là vì chúng ta rất dễ bị chi phối và bị lôi kéo bởi những đòi hỏi thường ngày của cuộc sống, nhất là trong thời điểm hiện tại khi mà xã hội nơi chúng ta đang sinh sống, luôn luôn tập cho chúng ta có cái thói quen là muốn cái gì thì phải có kết quả ngay lập tức, chứ chúng ta không thích sự chờ đợi. Do đó, chúng ta sẽ rất dễ bỏ qua điều quan trọng của Mùa Vọng. Có lẽ Chúa Giêsu biết rõ những khó khăn và thử thách của thời đại “@ còng” này, do đó Ngài lưu ý chúng ta trong bài Phúc Âm rằng, *“Vì thế, hãy tỉnh thức, vì các người không biết được ngày nào Chúa các người sẽ đến.”* Thiên Chúa luôn luôn hiện diện với chúng ta; Chúa Giêsu đến trong nhiều hình thức. Nếu chúng ta không tỉnh thức, chúng ta sẽ bỏ lỡ mọi sự và không ý thức được rằng Thiên Chúa luôn luôn đồng hành với mỗi người từng ngày trong những lúc vui lẫn khi buồn của đời sống. Điều gì cần thiết để giúp cho chúng ta tỉnh thức?

Mỗi năm khi Mùa Vọng đến, Giáo Hội mời gọi chúng ta bước vào một không gian yên lặng và kiên nhẫn chờ đợi Thiên Chúa đến trong cuộc đời của nhân loại. Tuy nhiên, trong xã hội nơi chúng ta đang sinh sống luôn làm cho con người ta khó lòng mà có thể nhận ra được rằng là Thiên Chúa lúc nào cũng “đến trong cuộc sống” của họ. Thêm vào đó là sự mời mọc, êm ái hưởng thụ tiêu xài trong mùa Giáng Sinh của những con buôn, cơ sở thương mại, Những việc này sẽ làm cho chúng ta bị gắn bó với nhiều điều, bị chi phối đến từ nhiều lãnh vực khác nhau như là đi mua sắm quà cáp, tụ tập ăn chơi, thêm vào đó còn có những thiên tai trong thế giới, những đảo lộn chính trị của xã hội, khủng bố, bệnh tật, những mất mát trong đời sống cá nhân, những nghịch cảnh của gia đình hay nơi công sở ...v.v..tất cả các điều này không ít thì nhiều chắc chắn sẽ làm thành một làn mây mù che phủ trí tuệ và tim óc, khiến cho chúng ta khó lòng mà sống đời sống của một người Công Giáo “tỉnh thức” như lời của Chúa Giêsu đã nhắc nhở trong bài Phúc Âm *“Vì thế, hãy tỉnh thức!”* (Mt 24:42) Làm sao chúng ta có thể vượt qua được những lối cuốn mời mọc này? Đây là những thói quen vô ích và nguy hại mà chúng ta được Giáo Hội mời gọi từ bỏ đặc biệt là trong Mùa Vọng này để chuẩn bị cho việc ngự đến của Chúa Giêsu Kitô trong lòng mỗi người? Trong tâm tình Mùa Vọng, chúng ta đang chờ Chúa Giêsu đến trong đời sống của chúng ta với một thái độ như thế nào và ra sao?

Có hai động từ giúp chúng ta chiến đấu chống lại những thử thách khó khăn và cám dỗ trong đời sống của một người “Công Giáo” nhất là trong Mùa Vọng. Những động từ này là **“Canh Thức”** và **“Hy Vọng”**. Đó là những thái độ và lối sống “Công Giáo trưởng thành.” Nó sẽ giúp chúng ta từng giây phút trong cuộc đời. Hai động từ này diễn tả những hành động mà chúng ta có thể sử dụng bất cứ lúc nào ngày cả khi chúng ta lái xe, đi bộ, nấu ăn, hay rửa chén bát, v.v.. Canh thức có nghĩa là chúng ta luôn luôn tỉnh thức như Chúa Giêsu đã lưu ý chúng ta trong Phúc Âm, cũng như *“trang bị vũ khí ánh sáng”* là điều Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta *“Vậy chúng ta hãy loại bỏ những việc làm đen tối, và cầm lấy vũ khí của sự sáng để chiến đấu”*. (Roma 13:13) Hy vọng có nghĩa là luôn luôn nhìn về và duy trì tương lai trong tâm trí; làm như thế sẽ luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta rằng những đau thương và khoái lạc của thế gian này chỉ là tạm bợ và qua mau. Điều này giúp cho chúng ta hướng về căn nhà của Cha trên trời với thật nhiều háo hức giống như khi chúng ta mong đợi những món quà mà chúng ta sẽ nhận được trong Ngày lễ Giáng Sinh.

Chúng ta hãy cầu nguyện lời kinh này trong Mùa Vọng năm nay: *“Lạy Chúa, xin cho chúng con sự kiên nhẫn và sức mạnh để chú tâm vào Chúa khi chúng con chờ đợi tình yêu cao trọng của Ngài thấm nhuần vào con tim của chúng con. Xin giữ gìn chúng con trung thành với Mùa Vọng để chúng con có thể nhận ra những ‘hy vọng’ đang đến với chúng con là những ân sủng đến từ đôi tay của Ngài. Xin giúp chúng con nhận biết được những phúc lộc của Chúa và những cách thế bất ngờ Ngài dành cho chúng con. Xin chúc phúc cho chúng con trong thời gian Mùa Vọng này khi chúng con mở lòng chờ mong sự hiện diện của Chúa đến với mỗi người chúng con trong Đức Giêsu Kitô là Anh Cả và là Chúa của chúng con.”* Amen

Phó-tế Giuse Nguyễn Xuân Văn

VỀ MỤC LỤC

HẠT SÔNG

Thời gian luôn là một huyền nhiệm sâu thẳm để con người mơ ước và ước mơ.... Để đổi thay và thay đổi, mười năm chẳng là gì với vòng xoay của trái đất, mười năm chẳng đáng gì trong cái vận hành của thời gian và không gian này, tuy vậy “đời người vẫn vội đáp đổi tháng ngày”, thì mười năm cũng là một khoảng thời gian đáng kể cho một đời người.

Mưa rơi như ai vẽ giọt nước ngần dài giăng mắc khắp một vùng thành phố tấp nập Sài Gòn này, ai làm cho mưa thế mà hình như cơn mưa chẳng làm ướt ai!!!

Nó nhìn vào lăng kính của cuộc đời cách đây mười năm, ống kính đã cũ và hơi mờ nhòe. Hình dáng Ba xa dần khi chiếc xe lăn bánh đưa Nó đến một vùng đất mới, nước mắt Nó lăn dài khi mân mê chuỗi hạt Mân Côi Ba tặng, lời nói của Ba vọng đến bên tai Nó: *“Ba má tôn trọng quyết định đi tu của con, cứ đi để nghe tiếng Chúa, ngôi nhà này luôn mở cửa đón nhận con dù có thể nào đi nữa, Ba Má trao con lại cho Đức Mẹ”*. Ba trao cho Nó một chuỗi hạt Mân Côi được làm bằng bạc trắng, Má đeo vào cổ Nó chuỗi hạt thật đẹp đó. Mỗi ngày ở nhà Dòng Nó được cùng với các Soeur lần chuỗi, và học biết cách cầu nguyện với và bằng Kinh Mân Côi, Nó luôn cầm chuỗi mà Ba tặng trong giờ lần chuỗi. Nó cũng trao gia đình cho Chúa nhờ Mẹ Maria trong lời kinh Mân Côi hằng ngày của Nó. Thời gian trong nhà Dòng cũng là thời gian thật êm đềm Nó được học nhiều môn học, nhất là học cầu nguyện và cầu nguyện như môn học chính cho đời tu của Nó, *“thứ nhất Thiên Thần truyền tin cho Đức Bà Maria”*. **Mùa vui** trong đời Nó là ngày Nó tuyên khấn lần đầu cái ôm thật chặt của Ba, cái xiết thật chặt của Má trong niềm vui trong ánh mắt của Ba Má có chút gì đó tự hào nhưng cũng đượm nét lắng lo.

Ống kính quay sang 45⁰ tại góc độ của một bệnh viện Thống Nhất tại khoa Ung Bướu Nó đang thực tập tại khoa bệnh này hầu hết các bệnh nhân nơi đây đều bị bệnh ung thư, ung thư gan, phổi, đại tràng, vòm họng..... hình như ai cũng đang ôm một bản án tử, và cái chết thì gần kề, người ta đang tranh giành sự sống trong cái chết nhờ vào y học, nhờ vào những đợt xạ trị đau đớn. Mỗi ngày Nó được hướng dẫn tiêm thuốc và làm các thao tác của một y tá cho bệnh nhân. Mỗi phòng bệnh Nó được phân công để chăm sóc bệnh nhân, Nó mang đến cho họ nụ cười, sự nhẹ nhàng của thao tác y khoa và sự ân cần hỏi thăm các bệnh nhân, bà cụ Năm bị ung thư gan bà đang hóa trị đợt ba. Nó được chăm sóc và truyền thuốc cho bà để làm bài thực tập, Nó thường hay nói chuyện và lắng nghe bà kể chuyện cuộc đời bà, bà là lính du kích và theo Đảng chiến đấu trên mặt trận miền Nam bà kể những ngày tháng oai hùng của mình thời còn trẻ, nhưng hiện nay con cái bà lo làm ăn nên chẳng đưa nào chăm sóc bà chu đáo chúng đưa bà đến bệnh viện và hẹn ngày đưa bà về mà thôi. Hôm nay Nó tiêm thuốc cho bà xong, bà nhét vào túi áo blu của Nó 50. 000 ngàn Nó lấy ra trả lại cho bà và nói bà giữ lại để uống sữa nha, rồi hôm sau cũng thế nhưng là 100 000 ngàn Nó lại lấy ra trả cho bà, mỉm cười Nó hỏi bà sao bà cho con thế. Bà trả lời vì : cô tiêm thuốc không đau và thấy cô hiền hiền thế

nào? Nó trả lại tiền, bà cầm tay Nó và hỏi: cô là ai vậy?. Cô không giống mấy cô y tá khác. Nó mỉm cười nhìn bà và rời khỏi phòng bệnh. Lần thứ ba bà lại bỏ tiền vào túi áo của Nó. Khi lấy tiền ra khỏi túi để trả lại cho bà chuỗi hạt trong túi Nó bị rớt xuống giường của bà, bà nhặt lên đưa cho Nó và nói: cô theo đạo Chúa phải không?. Nó trả lời: dạ, và rồi bà nói: cô theo đạo Chúa nên cô mới tốt thế như thế?. Nó trả lời: dạ vâng vì Chúa của con dạy con phải sống tốt. Bà có muốn biết về Chúa của con không? Một ánh mắt đầy tò mò, phân vân nhìn Nó. Sau những giờ thực tập ở bệnh viện Nó trở về tu viện với những giờ kinh với cộng đoàn. **Mùa Sáng** “*thứ nhất Chúa Giêsu chi phép rửa ở sông Giođan ta hãy xin cho được sống xứng đáng là con cái Chúa*”, lời cầu nguyện của Nó có thêm nhiều con người mới đang đau đớn với căn bệnh ung thư, và đặc biệt bà Năm dường như bà không chịu nổi đợt hóa trị thứ tư này vì thấy bà gầy hẳn đi. Sau một tuần xạ trị bác sỹ cho ngưng thuốc vì cơ thể bà không đáp ứng với thuốc nữa, và tình trạng xấu nhất có thể xảy ra nên con cái của bà được gọi đến họ đến ký giấy và rồi lại bỏ bà ở bệnh viện để lao vào công việc phó mặc mẹ mình cho bác sỹ và y tá, chứng kiến cái chết thật gần bà, Nó thật đau lòng, nhưng Nó cũng phải rời khoa này sau đợt thực tập ba tuần ở đây, Nó đến chào bà Năm để sang khoa khác, bà nắm tay Nó thật chặt và nói: “*cô là người tốt và Chúa của cô cũng là người tốt*”.

Giờ kinh chiều hôm đó Nó đã cầu nguyện: “*Lạy Chúa con đã cố gắng gieo hạt giống tốt của Chúa nơi khoa bệnh này, con có ngủ hay thức thì chính Chúa sẽ cho hạt giống được mọc lên và Chúa sẽ sai người khác đến gặt lúa của Chúa về*”.

Sau khi tốt nghiệp khoa điều dưỡng Nó được sai đến cộng đoàn các Soeur hưu dưỡng ở đây Nó được chăm sóc các Soeur, đo huyết áp, tiêm thuốc, lấy thuốc theo toa, đút cháo cho những Soeur yếu bệnh, gọi đầu, đẩy xe cho các Soeur bị liệt không thể đi lại được, Nó rất vui với công việc ở đây và các Soeur lớn tuổi cũng rất quý Nó. Tối hôm nay sau giờ kinh tối Nó quỳ lại tại nhà nguyện, Nó đã khóc rất nhiều vì chiều nay Nó nhận được điện thoại của Má, Má nói: Ba bị thoái hóa cột sống nên bị liệt không đi lại được nên rất đau, cầu nguyện nhiều cho Ba”. Nó liền nói Má chuyển điện thoại cho Ba, trong tiếng nấc Nó nói: Ba!! con về nhà chăm Ba nhen. Tiếng Ba bên đầu bên kia : “*không, con cứ lại nhà Dòng Ba không sao mấy bữa nữa Ba sẽ khỏe lại, Ba không muốn con về chăm Ba đâu, có Má, thằng Hai, thằng Tư với thằng Úc rồi, con không cần về, ở lại nhà Dòng, tét có phép rồi về*”. Nó đã hỏi Chúa rất nhiều câu hỏi Tại sao?, tại sao?, và tại sao?. Nó vẫn quỳ đó và nước mắt cứ lăn dài Nó nắm chặt chuỗi hạt của Ba trong tay, với Nó lúc ấy **chuỗi hạt như một bàn tay lớn của Ba giữ chặt Nó ở lại bên Chúa**, chuỗi hạt nhắc Nó **mùa Thương thứ nhất Chúa Giêsu lo buồn đổ mồ hôi máu ta hãy xin cho được ăn năn tội nên**, như một dấu chỉ trong suốt Nó nhận ra sứ mạng của Nó khi theo Chúa là chịu đau khổ như Thầy của mình. Vì từ đây Nó thuộc về một gia đình khác các Soeur là người thân của Nó là chị em của Nó là ba má Nó. Nó lấy lại thăng bằng cuộc sống hơn bằng lời Kinh Mân Côi vì tin Chúa sẽ làm những gì tốt nhất cho Ba tôi.

Ông kính bị đẩy ra xa để quay cận cảnh núi rừng Tây Nguyên. Sau một năm phục vụ tại nhà của các Soeur hưu dưỡng, Nó được sai đến một cộng đoàn Tu viện khác ở Đắk Nông thuộc giáo Phận Buôn Mê Thuật. Phía sau tu viện là một ngọn đồi trồng Cà phê của anh em dân tộc Êđê hàng xóm của tu viện là những ngôi nhà gỗ của anh em dân tộc Tày và đối diện với Tu viện là một đài Đức Mẹ. Khung cảnh ở đây khác hẳn với cảnh nhộn nhịp của Sài Gòn, tĩnh lặng giữa núi đồi chỉ nghe tiếng ếch nhái, ếch ương, tắc kè là thứ âm nhạc của thiên nhiên mỗi khi đêm về. Tu viện ở đây chỉ có sáu Soeur mục vụ giáo xứ và thăm viếng hai buôn anh em dân tộc và một nhà trường mầm non khoảng 200 trẻ một nửa là trẻ em người sắc tộc gồm Êđê, Tày, Dao, Cao Lan, H'Mông và một nửa là trẻ em người Kinh. Công việc của Nó là làm y tá cho trường mầm non và làm y tá cho chị em trong cộng đoàn, và mục vụ giáo xứ, cắm hoa và dạy giáo lý cho thiếu nhi và đoàn giới trẻ của giáo xứ. Với Nó công việc khá nhiều và bận rộn, nhưng niềm vui phục vụ thì làm Nó quên đi vất vả ấy, niềm vui nhất của Nó là mỗi sáng thứ Bảy Nó được đem Mình Thánh Chúa cho các bệnh nhân trong giáo xứ khoảng 15 người, con đường khúc khuỷu của đồi núi dẫn Nó đến với những con người chờ mong, và đói khát Chúa, con đường khá xa nhưng Chúa Giêsu Thánh Thể Nó đeo bên mình Nó không sợ hãi gì

và chuối hạt đeo vào tay lái xe nhắc nhớ Nó những kinh Kính mừng rải rắc khắp con đường Nó đi. Đầu đó vọng lại lời của Ba Má Nó “con đi để phục vụ Chúa qua mọi người” Nó thêm can đảm hơn trên bước đường này. Có những ông bà cụ tận trong Buôn già và yếu nhưng nơi họ dạy cho Nó bài học khao khát Minh Máu Chúa thế nào! Có bà cụ cả ngày chỉ đọc kinh Mân Côi và đợi đến ngày thứ bảy Nó đến mang Minh Thánh Chúa cho, trước khi rước lễ bà dọn lòng suốt hai giờ và sau khi được rước lễ thì cảm ơn rước lễ một giờ nữa. Nó đem Minh Thánh Chúa đến cho họ hay chính họ dạy Nó bài học về đức tin trung tín vào Thiên Chúa nơi những bệnh nhân này. Mỗi sáng ngày Chúa Nhật Nó đi xuống Buôn của anh em dân tộc niềm vui thăm viếng họ, giúp đỡ vài người già bị lở loét rửa vết thương và chỉ cho một số chị em phụ nữ gìn giữ sức khỏe, chơi đùa với đám trẻ dạy cho chúng giáo lý và kinh nguyện và cho chúng một vài viên kẹo, niềm vui ấy thật lớn đến nỗi không có tiền nào có thể mua được.

Ông kính phải bật thêm đèn vì trời bắt đầu về chiều. Tối nay sau giờ giáo lý cho giới trẻ, Nó đang đi ra bãi xe để trở về Tu viện, tiếng gọi từ phía sau “Sơ ơi” Nó dừng chân và chưa kịp quay lại thì có hai cánh tay ôm lấy Nó từ phía sau, Nó định hình và thấy sợ hãi nhưng cũng cố gắng dần giọng: “bỏ ra”. Nhưng hình như cánh tay ấy mạnh hơn Nó, và có tiếng nói “Sơ ơi, nếu Sơ không đi tu nữa có được không?”. Nó nhận ra tiếng của Minh, anh ta là phó ban điều hành giới trẻ, Nó cố dần giọng “Minh, bỏ ra nếu không Sơ la lên đó”, đôi tay ấy buông Nó ra, Nó quay lại nhìn anh ta, Minh nhìn Nó và nói “con thích Sơ”. Nó thấy sợ hãi nhưng với hết can đảm và nói “Sơ đi tu và mãi mãi Sơ là nữ tu”, Sơ không yêu ai ngoài một mình Chúa”. Nó đi vội ra xe và lao đi trên chiếc xe máy, để lại Minh đứng đó nhìn theo. Con đường về tu viện hôm nay sao tối thế và xa thế Nó chỉ mong về đến nhà thật nhanh. Vì lớp giáo lý này mà Nó vẫn phải hiện diện một tuần một lần, Minh vẫn đi tham dự giờ giáo lý của Nó, Minh là người cao to và có năng lực điều hành đoàn giới trẻ anh ta là một Kỹ sư vì tính trẻ ra trường được hai năm vì chưa có việc làm ổn định và vốn, nên về quê làm thuê cho một cửa hàng vì tính gần nhà và tham gia giới trẻ rất năng động, và Nó thận trọng hơn sau mỗi buổi giáo lý Nó thường nhờ thêm một bạn gái đi cùng ra bãi xe, trở về tu viện Nó phát hiện trên xe tối có cài một chiếc phong bì, Nó cầm về phòng mở ra Nó giật mình với những dòng chữ: “*Sơ, con thích Sơ ngay hôm gặp Sơ buổi đầu tiên trong lớp giáo lý và con biết Sơ đi tu nhưng con không thể cưỡng lại trái tim mình, ôm Sơ con thấy ấm áp vô cùng và tưởng chừng Sơ thuộc về con, Sơ có thể không đi tu nữa không*”. Chỉ tới đó thôi tay Nó run rẩy thả lá thư xuống đất. Nó loạng choạng bước sang nhà nguyện của Tu viện quỳ trước Nhà Châu Thánh Thể khá lâu Nó không biết phải ứng xử thế nào trước cảnh huống này vì Soeur linh hướng của Nó ở Tu viện chính của Nhà Dòng Nó không thể gặp Soeur ấy, hay gọi điện thoại nhưng biết trình bày thế nào đây, chuối hạt như bất động, Nó măm mê và nhắm đọc từng kinh Kính Mừng, một hạt bỗng nhiên vỡ ra làm hai mảnh trong tay Nó, giật mình nhắc chuối hạt lên thật lạ hạt bằng bạc sao lại vỡ!!!!.

Và sáng hôm sau Nó quyết định gọi điện thoại cho Soeur linh hướng của Nó sau khi trình bày, Soeur nói với Nó, “*chính em phải là người lựa chọn quyết định của mình, đối diện với Minh và nói rõ em là nữ tu hay em có thể chọn rẽ sang hướng khác vì Minh cũng là một người tốt, Dòng của chúng ta là Dòng thừa sai nên không được thụ đầu bỏ chạy trước nghịch cảnh mà phải đối diện với nó để tìm ra Ý Chúa cách tốt nhất*”. Giờ kinh tối xong các Soeur đã về phòng Nó quỳ đó trước Chúa Giêsu Thánh Thể câu nói của Soeur linh hướng vẫn vang trong đầu Nó, Nó phải lựa chọn, chọn Chúa hay chọn con người, Minh là người tốt, anh ta cũng có thể bảo vệ mình quãng đời còn lại mà. Nó gỡ chuối hạt ra khỏi cổ và bắt đầu đi lại lộ trình **Mùa Thương** của Chúa Giêsu từng vắn kinh như thấm vào người Nó, “**Thứ năm Chúa Giêsu chịu chết trên cây Thánh Giá ta hãy xin cho được đóng đinh tính xác thịt vào thánh giá Chúa**”, Nó nhìn lên cây Thánh Giá Chúa Giêsu người yêu của Nó đang treo trên đó trái tim Nó đau quặn lại cây Thánh Giá trên cao như đè vào tâm hồn Nó, Nó xiết chặt chuối hạt trong tay, Nó không khóc được nữa nước mắt như chảy ngược vào lòng mặn chát, chuối hạt nhắc Nó về mối tình ban đầu, Nó hạnh phúc tuyên khấn lần đầu lời khấn **Thanh Khiết, Khó Nghèo và Vâng Phục** như ba mũi đinh đóng Nó vào cùng Thánh Giá với Chúa. “**Lạy Chúa, Chúa tạo dựng nên con là một người nữ và trong con vẫn còn đó cảm xúc của người nữ con cũng bị dao động trước người khác phái, nhưng lạy Chúa, Chúa biết con hơn con biết con mà và con yêu**

Chúa tìm Ý Chúa trong cuộc đời con, con là Nữ Tu của một mình Chúa". Chẳng biết Nó đã quỳ ở đó bao lâu nhưng khi đứng lên về phòng Nó thấy lòng mình thật nhẹ. Sau buổi giáo lý Nó nói trước lớp là : "Sau giờ này Sơ muốn gặp anh phó đoàn giới trẻ Minh có việc", các bạn giới trẻ ra khỏi phòng giáo lý Minh đến gặp Nó. Với thái độ lịch thiệp Nó mời anh ngồi đối diện trước bàn của giảng viên, anh ta nhìn Nó có vẻ lúng túng nhưng nhanh chóng lấy lại bình tĩnh, Nó nói với anh ta: "Cảm ơn tình cảm Minh dành cho Sơ nhưng Sơ không thể đón nhận được vì Sơ đã đi tu và tình yêu Sơ dành cho Chúa là trọn vẹn, và cho mọi người chứ không dành cho riêng ai được, Minh hãy tìm một người con gái khác tốt hơn để yêu thương và trọn tình với người ấy", mắt Minh ngấn lệ nhìn Nó và nói: nhưng Sơ sao Sơ không đeo nhẫn vàng như các Sơ khác?????. Nó giật mình nhìn xuống tay Nó vì Nó chưa khấn trọn nên chưa được đeo nhẫn vàng. Nó mỉm cười và nói: Sơ có lời khấn và lời khấn của Sơ với Chúa và vĩnh viễn không thay đổi được, chúng ta có thể là bạn với nhau mà thôi Sơ về đây.

Mùa Mừng. Nó trở về tu viện và thấy lòng mình thật nhẹ nhõm chuỗi hạt đang đưa bên tay lái xe như đang nhảy mừng, Nó tự mỉm cười và thấy yêu mến vùng đất tây nguyên Buôn Mê Thuột này lạ lùng. Mùa hoa Café nở khắp núi đồi mang theo mùi hương vào mọi ngõ ngách của Tu viện, nhà nguyện tối nay cũng đầy hương hoa Café Nó quỳ đó và nhận ra đó là Mùi Hương của Chúa, "*Chúa đã quyến rũ con và con đã để cho Ngài quyến rũ*" (Giôan 20,7).

Ông kính được thu gọn lại để quay từng hạt chuỗi. Chuỗi hạt vẫn là vật bất khả ly thân của Nó, chuỗi hạt đi theo Nó trong những niềm vui và nỗi buồn, có hạt màu vàng khè do thuốc hóa trị bắn vào khi đi thực tập y tá mà không thể nào trắng lại được, có những hạt bị méo mó do va chạm khi Nó chạy xe, có chỗ hạt bị trống do bề mặt một hạt, nhưng với Nó chuỗi hạt không chỉ là một chuỗi hạt bình thường nơi chuỗi hạt gọi lại và làm hiện hữu trong Nó hình ảnh của Ba khuôn mặt của Má. ***Chuỗi hạt khắc ghi những khoảng khắc ngập tràn niềm vui, hay đau đớn của bệnh tật, cô đơn và sợ hãi, chọn lựa và ngã lòng, tất cả ghi khắc lại trong cổ chuỗi này.*** Có lúc chuỗi hạt trở nên thật huyền nhiệm vì qua đó Nó nhận ra bàn tay của Chúa dẫn Nó đi trong suốt những năm tháng qua có lúc tưởng chừng vấp ngã và không chỗi dậy được, tình thương của Chúa luôn đủ để Nó vượt qua, cầm chuỗi hạt trong tay khi lần hạt để nhờ Mẹ Maria dẫn Nó đi vào các mầu nhiệm cuộc đời Chúa Giêsu, hạt Vui, hạt Sáng, hạt Thương, hay hạt Mừng. Không chỉ dừng ở đó chính chuỗi hạt là nơi Nó gặp gỡ Ba Má Nó, các bệnh nhân đang đau đớn vì bệnh tật, các Soeur hưu dưỡng, từng chị em thân thương trong Hội Dòng của Nó, các bạn trẻ đang chuẩn bị tương lai, các tu sĩ đang vất vả trên đường loan báo Tin Mừng và và và còn rất nhiều những nhu cầu khác nữa của Giáo Hội mà Nó sẽ đem họ đến với Chúa trong lời cầu nguyện của Nó, trong lời kinh dâng kính Đức Mẹ.

Cảm ơn Thiên Chúa đã tạo dựng nên con, cảm ơn cuộc sống đã cho con những trải nghiệm, cảm ơn những gian truân đã tôi luyện con thêm mạnh mẽ và can trường, cảm ơn Ba Má đã sinh ra con, cảm ơn vì *chuỗi hạt như một dấu chứng, hay nhân chứng của tâm hồn con*, Cảm ơn Mẹ Dòng đã đón nhận con, cảm ơn các Chị em đã đồng hành với con trong ơn gọi.

Maria Hồng Hà CMR

VỀ MỤC LỤC

VỊ LINH MỤC VIỆT NAM RẤT ĐẶC BIỆT VÌ CÓ CHA THUỘC ĐẠO CAO ĐÀI VÀ CÓ MẸ THUỘC ĐẠO PHẬT

Nhất gia tam Đạo. Tam nhân tam Tôn. Gia đình liên Tôn. Một gia đình ba Tôn giáo. Ba thành viên trong cùng một gia đình lại thuộc ba Tôn giáo khác nhau.



Chuyện lạ không tưởng này đã xảy ra trong gia đình cha Phêrô Giuse Maria HÀ THIÊN TRÚC, đương kim Chánh xứ Martinô và nguyên là Phó xứ Hàng Xanh thuộc Tổng Giáo phận Sài Gòn.

Quả vậy, cha Trúc đã xuất thân trong một gia đình có thân phụ là một tín đồ thuộc Đạo Cao Đài và thân mẫu thuộc Đạo Phật.

Ngài nguyên là một bác sĩ y khoa có tâm và kiêm là một ca sĩ hát rất chân tình.

Cha ngài vì muốn con trai trưởng thành về tâm linh và vững mạnh về kiến thức nên đã đặt tên ngài là Thiên Trúc, tên cũ của Ấn Độ, một quốc gia Phật Giáo.

Cả ông cố và bà cố đều tôn trọng niềm tin của nhau, cùng sùng Đạo của riêng mình và đã tôn trọng sự chọn lựa tâm linh của các con, nên đã vui vẻ chấp nhận cho con trai mình là Hà Thiên Trúc được lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội để gia nhập Giáo Hội Công Giáo.

Chính Chúa Giêsu đã phán: “Cây tốt thì sinh trái tốt. Xem quả thì biết cây” (Lc 6, 43-44). Ông bà cố bố mẹ cha Trúc quả thật rất tốt lành. Hiện nay cả hai ông bà cố đều đã an nghỉ.

Cha Trúc đã từng sống bên những người Công giáo đạo đức thánh thiện, đã được nghe biết về Chúa Giêsu cách sâu xa ấn tượng thuyết phục.

Chính vì thế mà cha Trúc đã gia nhập Đạo Công giáo vào năm 19 tuổi với sự chấp thuận, tôn trọng và ủng hộ rất vô tư của cả cha lẫn mẹ.

Ngài được Rửa tội ở Giáo xứ Tân Định, Sài Gòn năm 1989 và được gia nhập vào Giáo xứ này.

Không dừng lại ở đó, cha còn say mê Đạo Công giáo đến nỗi đã muốn trở thành một Linh mục để phục vụ nhằm đem ơn cứu độ cho nhân thế.

Cha đã được cha sở Gioan Baotixita Võ Văn Ánh giới thiệu vào Đại Chủng viện dưới sự dìu dắt tận tình vô tư trước đó của cha nghĩa phụ Giuse Maria Đỗ Duy Lạn.

Chính cha Lạn đã khuyến khích, đã nâng đỡ, đã hướng dẫn bác sĩ Hà Thiên Trúc trong những bước đầu của ơn gọi linh mục.

Và cuối cùng, sau 20 năm liên lý tận tụy theo Chúa, cha đã được truyền chức Linh mục vào ngày 19.06.2009. Năm nay 2019, cha vừa tròn 10 năm được làm Linh mục.

Vậy là cha Trúc tuy đang có một tương lai xán lạn, cũng đang phục vụ, mang lại an ủi cho nhiều bệnh nhân, nhưng đã chọn đi tu trở thành linh mục, và có lẽ đã làm nhiều người thắc mắc, khó hiểu.

Vậy là bác sĩ Trúc từ việc chữa lành thể xác con người cách chóng qua lại trở nên “bác sĩ” chữa lành tâm linh con người cách Vĩnh cửu.

Vậy là cha Trúc từ là người không hiểu gì về Đạo Công giáo đã trở thành thầy dạy sâu sắc về Đức tin Công giáo.

Khẩu hiệu đời linh mục mà cha đã chọn lại chính là những câu ca ngợi Thiên Chúa của Đức Mẹ: “Linh hồn tôi ngợi khen Thiên Chúa” (Lc 1,46).

Sở dĩ cha Trúc có đến 3 tên Thánh vì cha rất yêu thích Thánh Phêrô, rất sùng kính Đức Mẹ và tri ân cha nghĩa phụ Giuse Maria Đỗ Duy Lạn nên đã chọn tên Thánh Giuse để tưởng nhớ cha cố.

Cha đã thành tâm thiện chí tìm hiểu Đạo Công giáo nên đã khiến cha hết sức thán phục và quyết định gia nhập Đạo.

Hiện nay cha Trúc còn là thành viên tích cực của ủy ban đối thoại liên Tôn thuộc Tổng Giáo phận Sài Gòn và là phó Linh giám hội Legio Mariae Việt Nam.

Cha Trúc khi còn là một Chứng sinh đã từng chân thành tâm sự như sau:

“Ba con rất sùng đạo Cao Đài, ăn chay trường, đạo đức, có ước muốn con cái giúp ích cho đời (như: đặt tên chị con là “Thanh Tuyền” với ước mong phục vụ vô vị lợi cho đời như “dòng suối trong” chảy hoài không ngưng nghỉ, và hiện chị con là bác sĩ đang giúp ích rất nhiều cho các bệnh nhân và cho xã hội trong lãnh vực ngoại thần kinh và chẩn đoán hình ảnh).

“Và ba con cũng đã giác ngộ trên đường Đạo nên có ước mong các con cái sẽ được thăng tiến trong đời sống tâm linh (như đặt tên con là “Thiên Trúc”, tên cũ của Nước Ấn Độ – cái nôi của Phật giáo).

“Má con cũng là người sùng đạo Phật, đã dẫn các con cái quy y Phật. Má cũng thường đi học và nghe thuyết pháp về Phật giáo vào các chiều chủ nhật hàng tuần ở chùa Xá Lợi. Bản thân con cũng được má con dẫn quy y Phật vào năm học lớp 6, pháp danh “Thiện Tuấn”. “Ba má con rất quan tâm, chăm sóc, giáo dục nhiều cho các con cái về tri thức và đạo đức.”

Cha Trúc chính là chứng nhân cho câu nói của Thánh Phê-rô: “Quả thật, tôi nghiệm biết rằng Thiên Chúa không thiên tư tây vị, nhưng ở bất cứ xứ nào, ai kính sợ Người và thực hành sự công chính, đều được Người đón nhận!” (Cv 10, 34-35).

Hồng ân Chúa vẫn ngày ngày tuôn đổ như nắng như mưa xuống trần gian không phân biệt.

Bất cứ ai thành tâm thiện chí mở rộng tâm hồn, thì sẽ được đón nhận dồi dào ơn Chúa.

Chúng ta cùng nhau thành tâm cúi đầu tạ ơn Chúa, ngợi khen Chúa, chúc mừng cha Thiên Trúc, cảm ơn sự thiện chí của cha, cảm ơn sự quảng đại của ông bà cố, rồi cầu cho cha, cho ông bà cố và tất cả chúng ta ngày càng gần trái tim Chúa hơn.

Ước được như vậy. Amen.

Giuse Kịch

Nguồn: <https://giaoxutanviet.com/vi-linh-muc-viet-nam-rat-dac-biet-vi-co-cha-thuoc-dao-cao-dai-va-co-me-thuoc-dao-phat-2/>

VỀ MỤC LỤC

ĐẸP

Mến gửi anh chị em một câu chuyện đời thường nho nhỏ: **ĐẸP**.

<https://www.youtube.com/watch?v=kLbKxM6eSIU&feature=youtu.be>

Cầu chúc mọi người thưởng thức thêm nhiều nét đẹp trong cuộc sống!

Joseph Việt

Lm. Jos. Tuấn Việt, O.Carm

VỀ MỤC LỤC

TỬ ĐẠO NGAY TRONG LÒNG MẸ GIÁO HỘI

(Tin Mừng Luca 21,5-19 : Lễ kính các Thánh Tử Đạo Việt Nam)

Kính mời theo dõi video tại đây

<https://www.youtube.com/watch?v=9KBiciVgcz4&t=6s>

Mỗi lần mừng kính các thánh Tử Đạo, chúng ta thường có chung hình ảnh về một Giáo Hội của Đức Giêsu bị tấn công từ các lực lượng bên ngoài, bị bách hại bởi những người không thuộc hàng ngũ Kitô hữu. Cảnh tượng nhà thờ, hoặc cả xóm đạo bị bao vây, rồi bị đốt cháy cùng với hàng trăm tín hữu ở thời cấm đạo tại Việt Nam, rồi những vụ oan, cáo vạ, chỉ điểm từ phía những người ngoài công giáo thù ghét người Kitô hữu hăng say trong các chiến dịch truy lùng, vây bắt, hành hình các thừa sai, người có đạo và triệt để ủng hộ, tiếp tay với chính sách cấm đạo Công Giáo của triều đình các vua nhà Nguyễn. Hình ảnh ấy vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới. Theo nhật báo « Le Monde » ngày 12 tháng 1 năm 2018 : trong năm 2017 có đến 3000 tín hữu Kitô giáo bị thảm sát vì đức tin, nhật báo « Le Parisien » ngày 16 tháng 1 năm 2019 tổng kết con số 4300 Kitô hữu bị giết chết cũng vì đức tin trong năm 2018.

Bài Tin Mừng Luca được chọn cho chúa nhật XXXIII, cũng là ngày mừng kính các Thánh Tử Đạo Việt Nam đặt ra cho chúng ta một hình ảnh khác, bên cạnh hình ảnh vừa kể về một Giáo Hội bị cấm cách, tiêu diệt từ bên ngoài. Đó là hình ảnh tử đạo do chính bàn tay của anh em trong nhà, và thách đố không kém cam go làm chứng nhân của Đức Giêsu giữa anh em, ngay trong lòng Mẹ Giáo Hội.

1. Trước hết là thách đố đức tin trước những lạm dụng của cơ chế :

Như dân Do Thái ngày xưa đã đặt hết niềm tin vào sự trường tồn của Đền Thờ Giêrusalem, ngôi Đền Thờ không chỉ là nơi đặt Hòm Bia Thiên Chúa, mà còn là biểu hiệu niềm tin của toàn dân vào Thiên Chúa Giavê, đồng thời là niềm kiêu hãnh, vinh dự của Israel, dân tộc được Thiên Chúa tuyển chọn làm dân riêng của Ngài. Giêrusalem trong lòng tín hữu Do Thái là giá trị thiêng liêng không thể sụp đổ, là thành quách được Thiên Chúa Giavê gìn giữ, che chở mà không thể lực nào có thể lay chuyển được, và mọi người đều chung một tâm tình cầu nguyện khi hướng về Giêrusalem : «Lậy Chúa Tể càn khôn, cung điện Ngài xiết bao khả ái. Mạnh hồn

này khát khao mòn mỏi, mong tới được khuôn viên đền vàng. Cả tấm thân con cùng là tác dạ những hướng lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hờ reo mừng » (Tv 84,2-3)

Nhưng rồi Giêrsalem đã hai lần bị tàn phá, lần thứ nhất bởi Nabuchodonosor năm 587 trước công nguyên, và lần thứ hai do Titus năm 70 sau công nguyên, như lời tiên báo của Đức Giêsu trong Tin Mừng Luca hôm nay : « Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào » (Lc 21,6), « nhân có mấy người nói về Đền Thờ được trang hoàng bằng những viên đá đẹp và những đồ dâng cúng » (Lc 21,5).

Quả thực, Đền Thờ là một công trình vĩ đại và kiên cố được xây dựng lần thứ nhất thời vua Salomon thế kỷ X trước Công Nguyên, bị phá hủy, và được khởi công xây dựng lại sau thời lưu đầy năm 536 , và hoàn thành năm 515 trước CN , được trang hoàng bằng những gì quý báu, hiếm hoi, đắt tiền nhất được đem về hoặc dâng cúng từ khắp nơi. Vì thế khi nghe Đền Thờ sẽ bị phá hủy tan tành và công trình kiến trúc nguy nga, đồ sộ và kiên cố kia sẽ chỉ còn là đồng gạch vụn, « không tảng đá nào trên tảng đá nào », thì bất kỳ người tín hữu Do Thái nào cũng đều cảm thấy xót dạ, đau lòng khôn tả. Bên cạnh tình cảm tiếc nuối đó là niềm lo sợ và nỗi nghi nan cũng không kém làm nặng lòng.

Đền Thờ Giêrusalem là hình ảnh của cơ chế « quá khổ » của Giáo Hội mà Đức Thánh Cha Phanxicô đang cố gắng vượt qua và thoát ra, bởi cơ chế mà Giáo Hội đi tìm cho mình dọc suốt lịch sử dài lâu đã không còn là cơ chế nhằm phục vụ, và loan báo Tin Mừng như ý muốn thưở ban đầu của Đức Giêsu ; bởi cơ chế ngày càng nặng nề, chằng chịt, rối rắm, phức tạp làm thui chột ý chí, và chất nặng hành trang Ra Khơi với Đức Giêsu của người môn đệ ; bởi cơ chế ngày càng tạo ra nhiều căng thẳng nội bộ, khi sản sinh những bất đồng, bất công chỉ vì cơ cấu đã lấn át tinh thần đơn sơ, bé nhỏ, nghèo khó, khiêm tốn, buông bỏ của Tin Mừng ; bởi cơ chế đã làm dung mạo nhân hậu, bao dung, giàu lòng thương xót của Đức Giêsu bị lu mờ, méo mó, lệch lạc do sức lôi cuốn vũ bão của cơ chế quyền lực.

Vấn đề đang xảy ra cho Giáo Hội hôm nay, đó là đứng trước đòi hỏi phải đơn giản hoá những phức tạp của cơ chế chằng chéo, và giảm bớt uy lực của cơ chế đang lấn át tinh thần Bát Phúc một cách đáng sợ, thì nhiều người trong Giáo Hội, kể cả những Đấng Bậc ở hàng cao cấp đã bằng mọi giá bảo vệ cơ cấu nặng nề, khép kín, tự vệ này. Từ đó đưa đến nguy cơ chia rẽ trầm trọng giữa các thành phần Dân Chúa và gây nhiều hoang mang, ảnh hưởng xấu trên đời sống đức tin của đông đảo tín hữu.

Họ là những người đã đơn sơ đồng hoá đức tin với cơ chế Giáo Hội, nên khi cơ chế thay đổi, cơ chế bị thay thế, hay khi cơ chế rạn nứt, xiêu vẹo thì không tin nữa, bởi đức tin đã bị điều kiện hoá bởi cơ chế từ lúc nào không hay ; họ là những người đã ngây thơ nghĩ rằng : cơ chế bảo vệ sự tồn tại của Đức Giêsu, cơ chế cho phép Thiên Chúa có mặt , nên khi đổi mới cơ chế, cải thiện cơ chế, hoặc hủy bỏ một hay nhiều phần của cơ chế, họ nghĩ ngay đến việc Đức Giêsu bị cắt xén, giảm thiểu và Thiên Chúa không còn cơ hội cứu độ. Điển hình là những nhóm ly khai khỏi Giáo Hội sau Công Đồng Vaticanô II, khi Công Đồng đã mạnh dạn đổi mới không chỉ đổi mới cơ chế, mà cả cách nghĩ, lối nhìn của Giáo Hội về thế giới, về con người, về các tôn giáo khác, nhất là đã khiêm tốn nhìn nhận những thiếu sót, lầm lỗi, kể cả tội của mình đã làm tổn thương nhiều người trong suốt chiều dài lịch sử.

Phản ứng của nhóm người này là bằng mọi giá bảo vệ cơ chế, không khác những người Phariseu và Luật Sĩ trong Do Thái giáo đã nhiều lần tẩy chay, lên án Đức Giêsu khi Ngài đụng chạm đến cơ chế, lề luật. Cũng chính vì phải bảo vệ cơ chế, lề luật, trước lời kêu gọi đổi mới, cải cách, cải thiện, mà Đức Giêsu đã trở thành đối thủ số một, kẻ thù nguy hiểm mà họ phải tiêu diệt cho bằng được. Và khi say mê bảo vệ cơ chế, họ đã quên bản phận thờ phượng Thiên Chúa, mà cơ chế chỉ là phương tiện giúp đạt mục tiêu của tôn giáo. Một cách nào đó, chúng ta có thể diễn tả chọn lựa của nhóm người này khi nói : cơ chế còn, Thiên Chúa còn ; cơ chế mất, Thiên Chúa mất.

Nhóm thứ hai gồm những nạn nhân của cơ chế. Họ là những tín hữu chịu nhiều thiệt thòi vì những lạm dụng của cơ chế, nạn nhân đáng thương của hiểm họa giáo sĩ trị và chính họ là những người dễ bị đẩy đến tình trạng bất mãn, chống lại Giáo Hội, và tự ý ly khai, từ bỏ hàng ngũ tín hữu khi cơ chế không biết thắng lại những lạm dụng. Trong thực tế, con số này ngày càng đông, và Giáo Hội ngày càng gặp khó khăn trước làn sóng bỏ đạo gia tăng không ngừng, vì bất mãn với cơ chế hơn là có vấn đề với Đức Giêsu.

Do đó, thái độ bảo vệ cơ chế đến độ quá khích, cực đoan, cũng như thái độ bất mãn, muốn hủy bỏ hết cơ chế, cả hai đều đưa đến cơn cám dỗ, cũng như thách đố đức tin gay go đối với người tín hữu muốn đi theo Đức Giêsu. Họ bị cám dỗ và bị đặt trước thách đố hoặc bỏ Đức Giêsu, vì cơ chế hữu hình của Giáo Hội bị lung lay, có nguy cơ rạn nứt, sụp đổ, hoặc tách rời Đức Giêsu ra khỏi Giáo Hội, vì không còn có thể chịu đựng lâu hơn những lạm dụng của cơ chế Giáo Hội. Hậu quả là cả hai sẽ cùng làm tổn thương Thân Thể mầu nhiệm của Đức Giêsu; cả hai sẽ cùng phân chia Thân Thể mầu nhiệm ra nhiều phần; cả hai sẽ cùng xé tấm áo không đường may của Đức Giêsu, phá bỏ công trình Hiệp Nhất của Đức Giêsu và đưa đến hậu quả hoàn toàn bất lợi cho công cuộc loan báo Tin Mừng Cứu Độ.

Nhìn vào những biến cố trong những ngày gần đây của Giáo Hội toàn cầu, chúng ta không thể không lo lắng cho sự hiệp nhất trong Giáo Hội, không thể không lo sợ trước những đe dọa ly khai, không thể không đặt mình trước thách đố mà không ít người tín hữu phải đối diện, đó là cám dỗ tách Đức Giêsu ra khỏi Giáo Hội, bỏ Giáo Hội và chỉ giữ lại Đức Giêsu, chống phá Giáo Hội và tiếp tục đi với Đức Giêsu.

Như thế, cuộc tử đạo của người tín hữu của thời đại hôm nay không chỉ từ bên ngoài, từ đối phương có « căn cước » xa lạ, khác biệt, nhưng ở ngay trong lòng Giáo Hội, ngay cơ chế mà Giáo Hội cần giữ, để có mặt trong thế giới. Cuộc tử đạo ấy không kém phần cam go, vì là cuộc tử đạo âm thầm, nội tâm; không thiếu căng thẳng, rướm máu, vì là cuộc chiến trường kỳ, liên lý. Trong cuộc chiến này, chứng nhân sẽ là người chấp nhận mọi đau khổ trong lòng Giáo Hội, do chính những người của Giáo Hội để giành phần thắng cho Đức Giêsu và Giáo Hội của Ngài trước cám dỗ loại trừ Giáo Hội ra khỏi Đức Giêsu. Chứng nhân đức tin, đức ái sẽ kiên trì ở lại với Đức Giêsu trong Giáo Hội bằng từ chối tính toán theo kiểu con người, khi tự nguyện « đóng đinh tính xác thịt », nghĩa là đóng đinh những luận lý bình thường, những nhận xét bình thường, những suy nghĩ bình thường trước những bất thường, kể cả tầm thường của những « con người cơ chế » không bình thường trong Giáo Hội đang gây sóng gió và làm suy yếu đời sống của Giáo Hội.

Nếu để ý quan sát, chúng ta sẽ phải giật mình trước hiện tượng người trẻ không còn hào hứng, hăng say đón nhận chân lý: Đức Giêsu và Giáo Hội là một Thân Thể (Cl 1,24), vì Đức Giêsu yêu Giáo Hội như Hiền Thê và hiến mình cho Giáo Hội (Ep 5,25), chỉ vì những con người của cơ chế Giáo Hội đã không làm chứng Giáo Hội thực sự là Hiền Thê đáng yêu, và để thương của Đức Giêsu giàu lòng thương xót, do thái độ và những việc làm không mấy đáng yêu, không dễ thương và quá khác biệt với Đấng Phu Quân nhân hậu của mình.

2. Thách đố của Đức Ái trước những mâu thuẫn, chia rẽ trong Giáo Hội :

Đây là thách đố rất lớn, và hậu quả khó lường, nếu chúng ta không tỉnh thức để tinh tế nhận ra. Trong Tin Mừng Luca, Đức Giêsu sau khi cảnh báo thảm cảnh « người ta sẽ ra tay bắt và ngược đãi anh em, nộp anh em cho các hội đường và bỏ tù, điệu anh em đến trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Thầy » (Lc 21,12), và nhiều hiện tượng như « chiến tranh, loạn lạc, động đất, ôn dịch, đói kém nhiều nơi » (x. Lc 21,9-11) đã căn dặn hai điều đều thuộc phạm vi trong nhà, giữa anh em : « Anh em hãy coi chừng kéo bị lừa gạt, vì sẽ có nhiều người mạo danh Thầy đến nói rằng : « Chính ta đây », và « Thời kỳ đã đến gần » ; anh em chớ có theo họ » (Lc 21,8), và « Anh em sẽ bị chính cha mẹ, anh chị em, bà con và bạn hữu bắt nộp. Họ sẽ giết một số người trong anh em » (Lc 21,16).

Như thế, tử đạo không đâu xa, mà ngay trong gia đình, gia tộc, ở giữa cộng đoàn ; tử đạo không là biến cố do bên ngoài, nhưng từ bên trong, ở sẵn trong nội bộ, nội vi, nội cảm. Và anh em trở thành kẻ bách hại và nạn nhân của nhau, bởi cơn bách hại ấy xảy ra ngay trong nhà, vì thiếu hiệp nhất, yêu thương.

Cơn bách hại xảy ra ngay trong nhà, khi người này tố giác người kia là tiên tri giả, là mạo danh ngôn sứ ; hoặc làm cho những anh em khác không còn nhận ra ai giả, ai thật, mặc dù cả hai đều ở chung một nhà, chung một Giáo Hội. Chỉ đơn cử một sự việc tuy rất nhỏ, nhưng gây hậu quả khôn lường, như giữa vị tiền nhiệm và vị kế nhiệm không nhất trí, không thống nhất, tệ hơn nữa là không hiệp nhất, khi cùng một sự việc, cùng một tình trạng, cùng một đối tượng, mà hai vị hành xử hoàn toàn khác nhau trong khoảng thời gian không xa nhau. Giáo dân chắc chắn sẽ không khỏi hoang mang, nghi ngờ khi vị tiền nhiệm thì ủng hộ, cổ vũ, vị kế nhiệm thì quyết tâm phá đổ, tẩy chay.

Trong những trường hợp tương tự, ai có thể cấm người tín hữu đặt ra câu hỏi : trong hai vị, ai giả, ai thật, ai đúng, ai sai, ai hành xử vì Giáo Hội, ai ra tay vì lợi ích nhóm, hay ghen tuông, và từ đó, mầm mống chia rẽ giữa con cái trong Giáo Hội phát sinh sẽ dẫn đến tình trạng mất dần niềm tin ở những người có trách nhiệm trong Giáo Hội.

Cũng thế, khi nói đến ngôn sứ giả, người ta khó có thể tưởng tượng một người hoàn toàn ở ngoài Giáo Hội, hay không biết gì về Giáo Hội lại có thể lừa phỉnh, khi mạo danh làm ngôn sứ, bởi thường chỉ có kẻ đã ở trong, đã nắm bắt khá đầy đủ mới có thể « làm hàng nhái, mạo danh » để lừa bịp.

Qủa thực, tình trạng ganh ghét, đố kỵ, bon chen, tranh giành giữa con cái trong Giáo Hội là một sự thật mà chúng ta phải can đảm và lương thiện nhìn nhận, không phải để « vạch áo cho người xem lưng », lên án nhau hay bôi bác Giáo Hội, nhưng để thận trọng trong tư tưởng, lời nói, việc làm sao cho đức ái phải được xếp hàng đầu trên thang giá trị, và ưu tiên bậc nhất của tiêu chuẩn chọn lựa.

Chúng ta luôn có nhiều và rất nhiều lý do để biện minh cho việc làm thiếu đức ái của mình, nào là bảo vệ sự thánh thiêng, gìn giữ truyền thống, bảo tồn giá trị, vì lợi ích chung, nhưng thực tế không thiếu những trường hợp mục tiêu này chỉ được dùng như bình phong, chiêu bài, « bánh vẽ », mà ở đó, điều đáng tiếc đã xảy ra khi ích lợi nhân bản cũng như thiêng liêng của những con người cụ thể, sống động, nhưng nhỏ bé, không thần thánh lại bị hy sinh cách tàn nhẫn, bất công.

Tóm lại, trước làn sóng « tuyên xưng yêu mến Đức Giêsu, nhưng từ bỏ Giáo Hội » ngày càng dâng cao, lan rộng, và những mâu thuẫn, đối kháng trong nội bộ Giáo Hội ngày càng căng thẳng có nguy cơ đưa đến ly giáo một lần nữa, chúng ta có lý do để nhìn vào nhà mình, thay vì chỉ nhìn ra ngoài để tìm « kẻ thù căm cách, kẻ dữ chống phá, kẻ ác tiêu diệt Giáo Hội ». Tuy không xưng danh, gọi tên là đối thủ của nhau, vì làm gì có đối kháng, kinh chống giữa các chi thể của cùng một Thân Thể (1 Cr 12,12-13), nhưng không vì thế mà quên nhận diện những thiếu sót, khuyết điểm, lầm lỗi đã biến mình thành kẻ bách hại anh em mình, và biến anh em mình thành nạn nhân, người chịu chết vì đạo dưới bàn tay thiếu yêu thương của mình.

Nhận diện tình trạng cần báo động, chúng ta cũng cần hiểu rõ : sẽ không tránh được những bất công, bất chính trong Giáo Hội, vì Giáo Hội là tập thể những con người bất toàn, tội lỗi đi theo Đức Giêsu, nên sẽ có những bất đồng, bất mãn giữa những con người thuộc về Giáo Hội. Đây chính là thách đố lớn lao, bởi vì không chịu đựng được nhau, người ta sẽ bỏ nhau, và bỏ Giáo Hội ; bởi không hiệp thông, hiệp nhất được với nhau, con cái trong nhà sẽ « chia đàn xẻ nghé », bỏ cha mẹ, gia đình, biến nhau thành đối thủ ; bởi không có bác ái, huynh đệ, tập thể nào rồi cũng phải tan hàng, rã đám ; bởi không mang lấy huy hiệu Yêu Thương là dấu chỉ duy

nhất để mọi người nhận ra chúng ta là môn đệ Đức Giêsu (Ga 13,35), chúng ta dễ lệch hướng, làm đường khi tách Giáo Hội khỏi Đức Giêsu, chiêu bài ăn khách và thời thượng.

Bị cám dỗ bởi chiêu bài ăn khách và thời thượng này, chúng ta sẽ chẳng khác những anh hùng tử đạo đã bị ép bước qua Thánh Giá, khi chúng ta trung thành, bởi từ chối Giáo Hội, nguyên rửa Giáo Hội, lên án Giáo Hội và ly khai khỏi Giáo Hội là từ chối, nguyên rửa, lên án, và tự tách mình ra khỏi Đức Giêsu ; là không chân nhận Đức Giêsu là Đấng Cứu Độ, bởi chính Ngài đã khẳng định Giáo Hội là mầu nhiệm cứu độ, là Hiền Thê yêu dấu, là Thân Thể mà Ngài là Đầu.

Vì thế, tử đạo mỗi ngày trong lòng Giáo Hội bởi chính anh em mình là điều không thể tránh, khi ở giữa làn ranh của những con người yếu đuối, tội lụy, bất xứng trong Giáo Hội và đòi hỏi phải yêu mến và phục vụ cả Đức Giêsu và Giáo Hội của Ngài, vì Giáo Hội và Đức Giêsu là một. Đây cũng là cảm nghiệm thiêng liêng của các thánh, và của phần đông những tâm hồn tận hiến : các vị đã trải qua không ít những những đêm tối đức tin, những trưa nắng sa mạc đức ái do chính Bề Trên và anh em mình, và sự thánh thiện của các vị đã làm vinh danh Thiên Chúa, và mang lại lợi ích cho Giáo Hội bằng đời sống xoá mình tử đạo, và kiên trì ở lại với Đức Giêsu trong Hội Thánh là Thân Thể mầu nhiệm của Ngài.

Lậy Đức Giêsu, Đấng đã lập và chọn Giáo Hội làm Hiền Thê yêu dấu, và hiến mình vì Giáo Hội, xin cho chúng con nhận ra bốn phận « làm chứng » đầu tiên và quan trọng của người Kitô hữu là sống chết với Đức Giêsu và Giáo Hội của Ngài, dù không thiếu những hoàn cảnh bị hiểu lầm, bị lãng quên, chịu thiệt thòi và đau khổ do chính Mẹ Giáo Hội. Và ngay trong lòng Mẹ Giáo Hội, luôn dậy lên những cơn cám dỗ phản chứng, và thách đố làm chứng niềm tin và tình yêu đối với Đức Giêsu và Giáo Hội. Và như Chúa biết, làm Chứng Nhân hay Tử Đạo ở thời đại mới sẽ không chỉ là chịu chém ngoài pháp trường hay bị đầu tố trước đình làng, nhưng còn là âm thầm, câm lặng tử đạo hằng ngày, làm chứng hằng giờ trong chính ngôi nhà Giáo Hội, ở giữa anh em mình Tình Yêu kiên định cho Chúa và Giáo Hội, mà không chút nghi ngờ lời hứa của Chúa năm xưa với các thánh Tông Đồ : « Trên tảng đá này, Thầy xây Giáo Hội của Thầy, và quỷ hỏa ngục sẽ không làm gì nổi » (Mt 16,18).

Jorathe Năng Tín

VỀ MỤC LỤC

TẠI SAO THIÊN CHÚA LẠI GIẾT CÁC CON ĐÀU LÒNG CỦA NGƯỜI AI CẬP?

Xin cha vui lòng giải thích vì sao trước đây Thiên CHÚA đã giết các con đầu lòng của người Ai Cập trong khi Chúa dạy không được giết người trong Điều Răn thứ Năm của Chúa?

Trả lời :

Thiên Chúa là tình yêu, chậm bất bình và hay tha thứ. Đó là điều chúng ta phải tin chắc không chút hoài nghi.

Về câu hỏi tại sao Thiên Chúa lại giết các con đầu lòng của dân Ai Cập, chúng ta không quên sự kiện vua Pharra-ô của Ai Cập đã không chịu cho dân Do Thái rời đất

Ai Cập trở về quê hương của họ như ông Mô-se yêu cầu theo lệnh truyền của Thiên Chúa. Nhưng Pha a ô ,vua Ai Cập đã ngoan cố không muốn cho dân Do Thái hồi

hương. Vì thế, Thiên Chúa đã gửi những tai họa đến cho Ai Cập trong đó có tai ương các con đầu lòng của Ai Cập đã bị giết như ta đọc thấy trong Sách Xuất Hành 11&12. Đây là tai họa thứ mười Thiên Chúa giáng xuống Ai Cập để buộc vua Phar a –ô buông tha cho dân Do Thái được hồi hương dưới sự lãnh đạo của ông Mô-sê. Kết quả là cuối cùng Phar a-ô đã phải nhượng bộ để cho dân Do Thái rời khỏi Ai Cập trở về quê quán của họ.

Tuy nhiên, qua tai họa mà Thiên Chúa giáng xuống dân Ai Cập để giải thoát dân Do Thái cho họ trở về quê hương, chúng ta thấy Thiên Chúa đã tha phép cho việc giết các con đầu lòng của dân Ai Cập. Tại sao Thiên Chúa lại giáng tai họa này xuống cho Ai Cập để cứu dân Do Thái đang sống nô lệ thống khổ trên đất Ai Cập được trở về quê quán của họ sau bao nhiêu năm phải làm nô lệ trên đất Ai Cập ?

Thiên Chúa làm như vậy có trái với giới răn cấm giết người mà Thiên Chúa đã truyền cho con người phải tuân giữ hay không ?

Đây quả thật là một vấn nạn khó hiểu cho con người ở khắp mọi nơi từ xưa đến nay. Nhưng nếu chúng ta đọc kỹ Kinh Thánh Cựu Ước thì chúng ta có thể hiểu lý do tại sao Thiên Chúa đã hành động xem ra khó hiểu như vậy trong hoàn cảnh cụ thể nói trên, khi Người đã giết các con đầu lòng của dân Ai Cập kể cả con đầu lòng của vua Ai Cập là Phara ô để buộc vua này cho người Do Thái được trở về quê hương của họ như Thiên Chúa đã truyền cho ông Mô-Sê mệnh lệnh sau đây :

“...**Bây giờ ngươi hãy đi. Ta sai ngươi đến với Phara – Ô để đưa dân Ta là con cái Ít-ra-el ra khỏi Ai Cập.**” (Xh 3: 10)

Nhưng vì Pharra ô không chịu cho dân Do Thái rời Ai Cập để về quê hương của họ như Thiên Chúa đã truyền cho ông Mô-sê, nên để làm nản lòng Pha ra ô Thiên Chúa đã giáng mười tai họa xuống Ai Cập trong đó có tai họa các con đầu lòng của Ai Cập bị giết.kể cả con đầu lòng của vua Phar a ô. Và với tai họa thứ mười này, Pharra ô đã phải nhượng bộ để cho Dân Do Thái được rời khỏi Ai Cập mà trở về quê hương dưới sự lãnh đạo của ông Mô-sê

Như thế Thiên Chúa đã dùng một sự dữ nhỏ là giết các con đầu lòng của Ai Cập để đạt mục đích to lớn hơn là giải phóng cho toàn dân Do Thái khỏi ách nô lệ thống khổ bên Ai Cập khiến họ đã kêu cứu Thiên Chúa giải thoát họ khỏi nỗi thống khổ trên. Thiên Chúa đã phán như sau:

“ **tiếng rên siết của con cái Ít-ra el đã thấu tới Ta. Ta cũng đã thấy cảnh áp bức chúng phải chịu vì người Ai Cập.**” (Xh 3: 9)

Vì thế, để cứu họ, Thiên Chúa đã sai ông Mô-sê dẫn đưa con cái Ít-ra- El rời Ai Cập để về chiếm ngự “ **một miền đất tốt tươi, rộng lớn, miền đất tràn trề sữa và mật , xứ sở của người Canaan.**” (Sđd 3:8)

Sứ mệnh của ông Mô-sê nói trên cũng tiên báo Sứ Mệnh của Chúa Kitô, Ngôi Hai Thiên Chúa được sai xuống trần gian làm **CON NGƯỜI** để “**hy sinh mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.**” (Mt 20:28) khỏi chết đời đời vì tội . Thi hành Sứ Mệnh này, Chúa Kitô đã trở thành tân Adam và tân Mô Sê để cứu chuộc cho toàn thể nhân loại khỏi chết vì tội như Thánh Phaolô đã dạy như sau:

“**Thật vậy, nếu vì một người duy nhất (Adam) đã sa ngã mà muôn người phải chết, thì ân sủng của Thiên Chúa ban nhờ một người duy nhất là Đức Giêsu Kitô còn dồi dào hơn biết mấy cho muôn người.**” (Rm 5: 15)

Ân sủng dồi dào Thiên Chúa đã ban cho nhân loại nhờ Chúa Giêsu Kitô đã vui lòng vác thập giá để chịu đóng đinh và chết trên thập giá để cứu chuộc cho muôn người khỏi phải phạt và chết đời đời vì tội. Như thế Thiên Chúa đã chấp nhận cái chết của Con mình là Chúa Giêsu Kitô để cứu cho toàn thể nhân loại khỏi chết vì tội.Nói rõ hơn, Chúa Giêsu đã hy sinh chịu chết trên thánh giá cho muôn người được sống. Người đã xin Chúa Cha cất chén đắng tức là cất

cho Người khỏi phải chịu đau khổ và chết , nhưng Chúa đã xin vâng Ý Chúa Cha chứ không muốn theo ý của riêng mình, Và Chúa Cha đã chấp nhận sự hy sinh cao cả của Chúa Con làm của lễ đẹp lòng Chúa Cha nhất cho mục đích xin ơn tha tội cho cả nhân loại. Trong tinh thần và ý nghĩa cao cả đó, Chúa Giêsu đã trở thành “ **Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian**” .như Thánh Gioan Baptist đã tuyên xưng một ngày kia khi thấy Chúa Giêsu tiến lại với ông (x.Ga 1: 29)

Con chiên, trong Nghi lễ Cựu Ước, bị giết và vị tư tế đã lấy máu của con chiên để rảy trên bàn thờ và trên các tín hữu có mặt để tha tội cho họ nhờ máu con chiên đã chịu sát tế trong nghi lễ toàn thiêu (Holocaust) theo truyền thống Cựu Ước.

NHững gì đã xảy ra trong thời Cựu Ước đều đã được thực hiện trong Thời Tân Ước khi Chúa Kitô đến trong trần gian để thi hành Chương Trình cứu độ nhân loại của Chúa Cha, “ **Đấng cứu độ chúng ta, Đấng muốn cho mọi người được cứu độ và nhân biết chân lý**” (1Tm 2: 4),

Để thi hành Chương Trình Cứu Độ của Chúa CHA, Chúa Kitô đã vui lòng vác thập giá và chịu chết treo trên đó “**để làm giá cứu chuộc cho muôn người,**” (Mt 20:28).

Như thế việc sát tế , dù là con chiên trong thời Cựu Ước hay chính cái chết của Chúa Giêsu trên thập giá sau này đã có giá trị tha tội và cứu rỗi cho những ai tin và muốn được cứu độ nhờ Công Nghiệp Cứu Chuộc vô giá của Chúa Giêsu Kitô.”**Đấng đã hy sinh mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.**”* MT 20: 28)

Thiên Chúa Cha -trong Bản Thập giới-, đã cấm việc giết người (Điều Răn Thứ Năm) Nhưng lại chấp nhận cái chết của Con mình là Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu sát tế như Con Chiên vẹn sạch để cứu chuộc cho cả loài người tội lỗi đáng phải phạt và chết đời đời vì tội.

Xưa kia trong thời Cựu Ước, để cứu toàn dân Do Thái khỏi ách thống khổ trên đất Ai Cập, Thiên Chúa đã giáng Mùoi tai họa- trong đó có tai họa giết các con đầu lòng của Ai Cập để làm nản lòng vua Phara- ô ngoan cố không chịu cho dân Do Thái rời khỏi Ai Cập; như Thiên Chúa đã thông cảm nỗi thống khổ của dân Do Thái mà đã sai ông Môsê dẫn đưa họ về quê hương Thiên Chúa hứa ban là đất Ca-na-an “đầy sữa và mật”.

Việc giết các “con đầu lòng” của người Ai Cập , mặt khác, cũng cho thấy Thiên Chúa trong thời Cựu Ước là Thiên Chúa công thẳng , là Thiên Chúa trừng phạt những kẻ làm sự dữ mà không biết sám hối ăn năn để được tha thứ. **ĐỨC CHÚA thấy trên mặt đất sự gian ác của con người quả là nhiều , và suốt ngày lòng**

Sách Sáng Thế đã kể cho chúng ta hai trường hợp Thiên Chúa phải đánh phạt con người vì những sự dữ con người đã làm mà không biết sám hối và từ bỏ để không bị đánh phạt. Đó là trận lụt “ Hồng Thủy” thời ông NÔ-E và hai thành Gô-môra và Sô-đôm đã bị lửa từ trời xuống thiêu rụi thời ông Apraham

Lý do Thiên Chúa phải trừng phạt nhần tiền với Trận lụt Hồng Thủy (Deluge) vì “**chúng nó chỉ toan tính những ý định xấu. ĐỨC CHÚA hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất, và Người buồn rầu trong lòng.**” (St 6: 5-6)

Vì thế. Thiên Chúa đã quyết định tiêu diệt con người và mọi sinh vật trên mặt đất trừ gia đình ông NÔ E và những sinh vật được ông đem lên Tàu trước khi mưa tuôn đổ bốn mươi đêm ngày xuống địa cầu và cuốn vào lòng đại dương mọi người và sinh vật bên ngoài con Tàu của ông NÔ Ê. Ông được coi là người công chính đã sống đẹp lòng Chúa nên ông và vợ con ông không bị tiêu diệt trong Trận Hồng Thủy nói trên .

Đến thời ông Abraham, Thiên Chúa lại phải đánh phạt hai thành SÔ ĐÔM và GOMORAH bằng lửa từ trời rơi xuống thiêu rụi mọi người và sinh vật trong hai thành tội lỗi trên đây. Thiên Chúa phán:

“Tiếng kêu trách SÔ ĐÔM và GOMORAH thật quá lớn, tội lỗi của chúng quá nặng nề. Ta phải xuống xem thật sự chúng có làm như tiếng kêu trách đã thấu đến Ta chăng. Có hay không Ta sẽ biết,” (St 18: 20-21)

Ông Abraham, người công chính sống đẹp lòng Chúa, đã kêu xin Chúa tha trừng phạt cho hai thành đó. Ông đã xin với Chúa là nếu ông tìm được 50 người lành thì Chúa có vì họ mà tha chết cho những khác không. Chúa đồng ý tha, nếu ông tìm được 50 người tốt lành. Nhưng ông đã không tìm được. Ông lại rút xuống 45 người để xin Chúa Tha. Chúa cũng đồng ý nhưng ông cũng không tìm được. Ông lại rút xuống còn 30 người, rồi 20 người và cuối cùng là 10 người. Chúa vẫn kiên nhẫn chờ nhưng ông không tìm được ai là người công chính để xin Chúa tha tiêu diệt hai thành tội lỗi trên. Rốt cuộc ông và gia đình đành rời khỏi nơi đó trước khi Chúa cho lửa từ trời xuống thiêu hủy hai thành tội lỗi kia !

Sự kiện trên đã cho thấy là Thiên Chúa, dù Người là tình yêu và tha thứ, nhưng nếu con người cứ phạm tội, cứ làm sự dữ mà không kịp sám hối để xin tha thứ thì Thiên Chúa sẽ giáng cơn thịnh nộ của Người xuống cho những ai lợi dụng lòng thương xót của Người để cứ làm sự dữ, sự tội mà không mau kịp ăn năn sám hối để xin tha thứ. Chúa ghét và ghê tởm mọi tội lỗi, nhưng lại yêu thương kẻ có tội biết sám hối và xin tha thứ.

Hai tai họa Lụt Hồng Thủy và tiêu diệt hai thành SÔ ĐÔM và GÔ MÔ RAH mà Thiên Chúa đã giáng xuống trên con người trong thời ông NÔ Ê và ông Apraham đã cho ta thấy thái độ cứng rắn của Thiên Chúa đối với những sự dữ, sự tội con người làm ở khắp nơi trên trần gian này mà không biết sám hối, ăn năn để xin tha thứ. Đây là hình ảnh của Thiên Chúa trong thời CỤU ƯỚC qua đó chúng ta thấy Thiên Chúa là Đấng nhân lành nhưng lại dễ nổi cơn thịnh nộ để thẳng tay trừng phạt những sự dữ và những kẻ làm những gì xúc phạm đến bản chất yêu thương, thánh thiện và công bằng của Chúa.

Nhưng nếu Thiên Chúa của CỤU ƯỚC là hình ảnh của một người CHA nghiêm khắc để thịnh nộ và trừng phạt thẳng tay con cái loài người, thì THIÊN CHÚA của Chúa

Kitô-Giêsu trong thời TÂN ƯỚC lại là hiện thân của lòng thương xót, khoan hòa và thứ tha không bờ bến.

Thật vậy, THIÊN CHÚA của CHÚA GIÊSU là THIÊN CHÚA tha không chỉ giới hạn đến 7 lần mà đến 70 lần 7. Hơn nữa, còn là Thiên Chúa tha thứ và cầu nguyện cho cả kẻ thù, chứ không giới hạn cho người thân, người bạn của mình. Cụ thể, Chúa Giêsu đã tha cho một phụ nữ phạm tội ngoại tình bị bọn Biệt phái bắt gặp và dẫn đến để xin Chúa cho ném đá theo luật của ông Môsê, nhưng Chúa Giêsu đã nói với chị kia : **“...Tôi không lên án chị đâu ! Thôi chị cứ về đi và từ nay đừng phạm tội nữa.”** (Ga 8: 11). Cụ thể hơn nữa, qua dụ ngôn về Đứa con hoang đàng hay Người Cha nhân hậu” Chúa Giêsu đã dạy mọi người chúng ta bài học quý giá về lòng quảng đại tha thứ của Chúa đối với những người tội lỗi biết sám hối để xin tha thứ. Chúa nói : **Ta không đến để kêu gọi những người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn.”** (Lc : 5-22).

Cũng vậy, Chính vì muốn tha thứ hơn là trừng phạt thẳng tay, nên Chúa Giêsu đã nói với mấy người thuộc nhóm Biệt Phái đến hỏi Chúa xem có phải những người bị Tổng Trấn Phi-la-tô giết và mười tám người khác bị thác Si-lô-a đổ xuống đê chết có phải họ là những người tội lỗi hơn người khác không, Chúa đã trả lời họ như sau:

“ Tôi nói cho các ông biết : không phải thế đâu. Nhưng nếu các ông không chịu sám hối thì các ông cũng sẽ chết hết y như vậy,” (Lc 13: 5)

Lại nữa, nhân có mấy người Biệt Phái xầm xì với nhau về việc Chúa đến dùng bữa với mấy người thu thuế mà họ coi là quân tội lỗi, Chúa Giêsu đã trả lời họ như sau: **“ người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần ...Ta không đến để kêu gọi người công chính, mà đến để kêu gọi người tội lỗi.”** (Mt 9 :13) . Như thế, Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa của sự khoan dung và tha thứ, là Thiên Chúa kiên nhẫn chờ đợi kẻ tội lỗi ăn năn

sám hối để được tha thứ chứ không muốn trừng phạt không chút khoan nhượng. Điều này đã thể hiện cụ thể khi Chúa Giêsu còn đang bị treo trên thánh giá. Chúa đã cầu xin cho những kẻ đã đóng đinh và sỉ nhục Người, thay vì lên án và muốn thẳng tay trừng phạt họ như sau:

“Lạy Cha, xin tha cho chúng vì chúng không biết việc chúng làm.” (Lc 23:34)

Qua lời cầu nguyện trên, Chúa Giêsu đã bào chữa cho những kẻ tử thù của Người khi xin Đức Chúa Cha tha tội cho chúng mặc dù chúng quả thật phải biết việc chúng làm là đã kết án Chúa cách vô lý đầy bất công. Nhưng Chúa không chấp khi tha tội và còn cầu nguyện cho chúng nữa. **Tôi bảo thật anh: hôm nay anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.**” (Lc 23: 43)

Và đối với người gian phi cũng chịu đóng đinh nhưng biết sám hối, Chúa đã nói với anh ta như sau: “Anh gian phi này đã một đời sống trong tội lỗi, đã làm biết bao tội ác và sự dữ đáng bị đóng đinh trên cây thập tự cùng với một gian phi nữa và cùng chung với Chúa Kitô, Người lành vô tội. Nhưng chỉ một phút ăn năn sám hối nhận biết mình là kẻ có tội thì lập tức Chúa đã tha hết mọi tội cho anh và cho anh được vào Thiên Đàng với Chúa, một vinh phúc mà các Thánh Nam Nữ khác đã một đời sống đẹp lòng Chúa trên trần thế, đã hy sinh chịu chết vì đức tin như các Thánh Tử Đạo, hoặc chấp nhận mọi gian nan bách hại khi đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ của Chúa như các Thánh truyền giáo. Các ngài xứng đáng được vào Nước Trời sau khi đã hoàn tất hành trình đức tin trên trần gian này.

So với anh trộm lành bị đóng đinh, đã sám hối và được Chúa cho vào Thiên Đàng cùng với Người, thì các Thánh Nam Nữ kia cũng đã chịu nhiều đau khổ và khó khăn biết bao mà cũng chỉ được hưởng vinh phúc Thiên Đàng như anh trộm lành kia, đã đi đường tắt mà được vào Thiên Đàng trong khi các Thánh Nam Nữ khác đã phải đi qua những con đường dài đầy trông gai trở ngại mới đạt được phần thưởng đích đáng cuối cùng là được hưởng Thánh Nhan Chúa trên cõi vĩnh hằng.

Như thế, đi đường tắt như anh trộm lành hay đường dài như các Thánh Nam Nữ thì cuối cùng đều được vào Thiên Đàng vui hưởng Thánh Nhan CHÚA là quá đủ hạnh phúc cho họ rồi, vì lý tưởng hay mục đích của họ là được chiêm ngự Nước Trời để vui hưởng Thánh Nhan Chúa là Nguồn an vui, hạnh phúc và bình an đích thực. Đó cũng là lý tưởng và mục đích của mọi người tín hữu chúng ta đang sống đức tin có Thiên Chúa là CHA cực tốt cực lành, Đấng đã tạo dựng và cứu chuộc chúng ta nhờ Chúa Cứu Thế Giê-su, **“Đấng đã hy sinh mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.” (Mt 20:28)**

Tóm lại, Thiên Chúa là tình yêu, dù Người phải đánh phạt con người cách nhẫn nại như ta đọc thấy trong Kinh Thánh thời Cựu Ước. Thiên Chúa đã đánh phạt con người cách nhẫn nại với trận lụt Hồng Thủy thời ông NO E và tàn phá hai thành SÔ ĐÔM và GOMORAH thời ông Apraham cũng như đã giết các con đầu lòng của người Ai Cập để làm nản lòng vua Phara-ô là kẻ đã ngoan cố ngăn cản không cho dân Do Thái đang nô lệ bên Ai Cập được trở về quê hương của họ. Thiên Chúa đã truyền cho ông Mô-sê sứ mệnh dẫn đưa dân Do Thái rời Ai Cập về chiếm ngự đất mới “đầy sữa và mật” là đất Canaan.

Nhưng Thiên Chúa của Chúa Kitô trong thời Tân Ước lại tỏ ra nhẫn nại và khoan hòa với kẻ tội lỗi mặc dù Người chê ghét mọi tội lỗi và sự dữ như giết người, giết thai nhi, thù hận, chia rẽ, gây chiến tranh giết hại dân lành, trộm cướp, ngoại tình, dâm ô thác loạn, nhất là buôn bán phụ nữ và trẻ nữ cho bọn ma cô tú bà hành nghề mãi dâm và ấu dâm (Child prostitution) rất khốn nạn và tội lỗi như thực trạng sống của biết bao người trong thế giới tục hóa, vô luân vô đạo ngày nay.

Thiên Chúa chưa đánh phạt họ và thiêu hủy các thành phố của bọn làm những sự dữ trên như Chúa đã thiêu hủy hai thành SÔ ĐÔM và GOMORAH trong thời Cựu Ước đã cho ta thấy là Thiên Chúa còn nhẫn nại và khoan hòa với những kẻ lâm sự dữ sự tội xúc phạm nặng nề đến bản chất yêu thương thánh thiện và an hòa của Thiên Chúa, Đấng chậm bất bình và hay thương xót. Chậm bất bình để cho kẻ tội lỗi có thêm thời giờ ăn năn sám hối, từ bỏ con đường tội lỗi dẫn đưa đến hư mất đời đời. Nhưng không phải thấy Chúa khoan dung mà lợi dụng lòng

thương xót của Chúa để không cố gắng từ bỏ tội lỗi mà sống theo đường lối của Chúa hầu được cứu độ để vào Nước Trời hưởng phúc Thiên Đàng với các Thánh và các Thiên Thần. Ai có thái độ sống lợi dụng như vậy thì hãy nghe lời Chúa nghiêm khắc cảnh cáo như sau trong Sách Khải Huyền :

“Ta biết các việc người làm. Người chẳng nóng mà cũng chẳng lạnh .Phải chi người lạnh hẳn hay nóng hẳn đi. Nhưng vì người cứ hâm hâm chẳng nóng chẳng lạnh nên Ta sắp mưa người ra khỏi miệng Ta.” (Kh3 : 15-16) Tuy Chúa nghiêm khắc cảnh cáo như vậy, nhưng Người vẫn nhẫn nại và khoan dung chờ đợi kẻ có tội ăn năn sám hối để khỏi bị trừng phạt, vì Thiên Chúa là **“Đấng cứu độ chúng ta , Đấng muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.”** (1Tim 2: 4)

Như vậy, còn tình thương và khoan hòa nào lớn hơn tình Chúa yêu thương và khoan dung với mọi người chúng ta ,con cái loài người?

Tóm lại, Thiên Chúa quả thật là tình thương như Thánh Gioan Tông Đồ đã quả quyết :

“ Ai không yêu thương thì không biết Thiên Chúa Vì Thiên Chúa là tình yêu,” (1Ga 4:8)

Thiên Chúa là tình yêu trong mọi hoàn cảnh dù phải đánh phạt con người như ta đọc thấy trong Kinh Thánh Cựu Ước , hay khoan hòa đại lượng với con người như Thiên Chúa của Đức Giêsu-Kitô trong thời Tân Ước.

Chính vì yêu thương con người tội lỗi, mà Thiên Chúa đã sai Con Một của Người là Chúa Giêsu Kitô xuống trần gian làm Con Người để **“hy sinh mạng sống của mình làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20 :28)

Trong Chúa Cứu Thế Giêsu, chúng ta thấy rõ Thiên Chúa là CHA khoan dung, nhẫn nại, nhân từ, chậm bất bình và hay tha thứ. Nếu Thiên Chúa không nhẫn nại khoan hòa và tha thứ thì không ai có thể làm được điều gì xứng đáng để vào Nước Trời hưởng phúc Thiên Đàng. Nhờ Chúa Giêsu đã dâng mình tế lễ đền tội cho nhân loại , mà Chúa Cha đã tha thứ hết cho con người tội lỗi và hứa sẽ không còn nhớ những việc xấu sa họ đã làm nữa:, như Người đã phán: **Ta sẽ không còn nhớ đến Lỗi lầm và việc gian ác của chúng nữa”** (Dt 10: 17).

“Vậy, chúng ta hãy cảm tạ Chúa muôn vàn về tình thương tha thứ quá rộng lượng của Chúa dành cho mọi người chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô, Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, Đấng đã hòa giải con người với Chúa CHA qua sự vâng phục và vui lòng chịu chết trên thập giá năm xưa để cứu chuộc cho muôn người được sống. Amen.

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra.

Lm. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry

VỀ MỤC LỤC

Nhìn lại Hội thảo Văn Hóa - Bốn trăm năm hình thành và phát triển Chữ Quốc Ngữ trong lịch sử loan báo Tin Mừng tại Việt Nam

VĂN HÓA – GIÁO DỤC

Bốn bài thuyết trình đều gợi nhớ câu chuyện cổ tích Việt Nam. Một gia đình nghèo, ông bà để lại gia sản cho con cháu vốn vẹn cây khế ngọt. Cây khế thường thôi, chẳng sinh lợi, chẳng để

ra tiền của nên con cháu có vẻ hờ hững, chỉ chăm bón cho cây khế như một kỷ vật để nhớ ông bà! Nhưng lạ đời nhà chỉ có cây khế mà đủ loài chim chóc bốn phương bay đi bay về, rủ nhau tụ hội, líu lo thường thức làm các con cháu trong nhà sốt cả ruột, rủ nhau xua đuổi cho đám chim bay đi. Bị xua đi, bầy chim ríu rít đáp lại, “Ăn một trái trả ngàn vàng, may túi ba gang đem đi mà đựng”. Thì ra cây khế là cây vàng, cây ngọc, cây sung túc ông bà để lại cho con cháu.

Có phải cũng như một loài cây khế, chữ Quốc Ngữ gia sản tổ tiên để lại chỉ là gia sản văn hóa không giữ làm kinh doanh, làm giàu nhưng Chữ Quốc Ngữ làm chúng ta nở mày, nở mặt với thế giới. Việt Nam chưa giàu, Việt Nam chưa bằng ai nhưng Việt Nam có chữ Việt, Việt Nam có nền văn hóa lâu đời, sáng tỏ. Cuộc hội thảo Bốn Trăm Năm Hình Thành Và Phát Triển Chữ Quốc Ngữ đã để lại đôi cảm nhận khó quên.

ỦY BAN VĂN HÓA
HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM



**BỐN TRĂM NĂM
HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN
CHỮ QUỐC NGỮ
TRONG LỊCH SỬ
LOAN BÁO TIN MỪNG
TẠI VIỆT NAM**



Cảm nhận về thuyết trình viên

Các thuyết trình viên không phải ai xa lạ, đều là người Việt nói tiếng Việt, nói về chữ Việt, nên ai đó có thể ái ngại, biết đâu “mẹ hát con khen hay” bỏ ngoặc kép, thêm phẩy khen chữ Việt, khen người Việt và dễ hờ hững với các thừa sai nước ngoài đã cùng với người dân bản địa nỗ lực hình thành chữ Quốc Ngữ. Tiến sĩ Kiều Ly là một trong bốn thuyết trình viên là người Việt không Công giáo đã khẳng định trong một bài phỏng vấn của báo chí, tiến sĩ chủ trương khách quan, không quá đề cao dân tộc, cũng không quá khích bài ngoại khi tìm hiểu cuộc hình thành chữ Quốc Ngữ.

Tất cả các thuyết trình viên được mời đều thuộc giới chuyên môn cao về sử học, ngôn ngữ học, văn hóa, truyền giáo học và cả bốn vị đều đầy kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy. Chỉ nhận lời thuyết trình với thời gian giới hạn nhưng mỗi thuyết trình viên đến với hội thảo đều nóng bỏng tâm huyết.

Từng vị đã cất công tìm bới cả rừng tài liệu, nghiên cứu sách vở và kêu gọi các đồng nghiệp cộng tác để viết và đã dốc cạn tâm trí công sức cho bài viết. Cách nào đó, các thuyết trình viên đã làm con tầm nhả tơ, những sợi tơ mong manh nhưng đã dệt nên nhiều góc cạnh của một tấm thảm lịch sử về Chữ Quốc Ngữ và quý báu hơn các thuyết trình viên đã làm lời mời gọi thể hệ hậu duệ tiếp tục phát triển và làm sáng tỏ nền văn hóa, văn chương Việt.

Về hội thảo viên

Chủ đề *Bốn Trăm Năm Hình Thành và Phát Triển Chữ Quốc Ngữ* như chẳng thiết thân, không cụ thể và cũng khó hấp dẫn với những ai lạnh nhạt với văn hóa. Chính ban tổ chức cũng băn

khoản mãi không biết gửi thiệp mời ai, đừng ai, mà ai ngờ các hội thảo viên lại rất thiết tha. Con số 320 hội thảo viên có mặt là bằng chứng. Có thể nhiều hội thảo viên còn phải vất vả mới theo kịp các thuyết trình viên khi trình bày các góc cạnh kỹ thuật của chữ Quốc Ngữ. Thực sự dù còn mãi chèo chống với các vấn đề khó nuốt, các đề tài khô khan, mọi người vẫn nhiệt tình theo dõi từng vấn đề, lắng nghe từng thuyết trình viên. Rõ ràng không phải chỉ tò mò theo dõi chuyện mới, chuyện cũ mà mỗi người còn để lộ tâm tư buồn vui giống tâm tư những người con, người cháu có dịp về thăm quê cha đất tổ, ai cũng thích thú nghe kể về sản nghiệp tổ tiên. Sản nghiệp tổ tiên không chỉ là mảnh vườn tược, ruộng đất, nhưng còn là vùng trời Thanh Chiêm, Nước Mặn, đất Đàng Trong, đất Đàng Ngoài, Phú Xuân, Thăng Long và quý giá nhất là Chữ Quốc Ngữ dành cho người Việt nhưng do sáng kiến của các thừa sai nước ngoài cộng tác với người dân bản địa. Các hội thảo viên đã chăm chú lắng nghe, đâu như nghe để “để nhớ, để thương” để biết ơn công ơn các tiền nhân.

Trong hội thảo nhiều chuyên viên ngôn ngữ, nhiều nhà văn hóa, ngữ học, sử học là tín hữu đạo Chúa và có cả các thân hữu lương dân đã góp mặt trong hội thảo. Các vị có thể đã sẵn một công trình nghiên cứu đồ sộ, với các luận chứng, quan điểm riêng nhưng qua cuộc hội thảo này, mong quý vị tìm được vài ba mảnh ghép nào đó cho bức tranh toàn cảnh lịch sử vẫn còn nhiều mảng trống hoặc có dịp thu thập thêm luận chứng mới cho một quan điểm, một lập luận. Hay là giản dị, các vị có mặt chỉ để gặp gỡ, lắng nghe những người quen, người thân nói về tổ tiên mình. Dù với bất cứ lý do gì, cuộc góp mặt lắng nghe và chia sẻ của quý vị hôm nay đã thành lời khích lệ các con cháu ghi ơn các tổ tiên và tựa trên ngôn ngữ thống nhất này làm điểm mạnh cho cuộc phát triển văn hóa trên quê hương đất Việt.

Nhìn từ một góc độ nào, chính quý vị, từ nhiều lãnh vực chuyên môn đã và đang tiếp tục điểm tô, làm đẹp cho “nàng Việt Ngữ” khoe hương khoe sắc trong vườn hoa ngôn ngữ thế giới.

Về nội dung hội thảo

Lm Gs Ts Quốc Anh muốn chứng minh Kitô giáo đã được đón nhận vào vùng Á Đông, mảnh đất đã thấm nhuần từ lâu nền triết học và tôn giáo của tam giáo (Nho, Phật và Đạo giáo). Chính nền triết học và thần Kitô giáo đã giúp các giáo hữu Việt Nam ý thức họ thuộc về một tôn giáo phổ quát, toàn cầu để giữ vững lòng tin qua nhiều cuộc bắt đạo thế kỷ 18 & 19. Những sách giáo lý thuở ban đầu đã định hình căn tính giáo hữu Việt Nam. Giúp họ ý thức, họ thuộc về một tôn giáo phổ quát, toàn cầu và giữ vững niềm tin qua nhiều cuộc bắt đạo.

Ngoài việc sử dụng khoa triết và thần học tự nhiên để lập luận cho việc thờ phượng một Thiên Chúa đích thực và đối thoại với các truyền thống ngoại giáo, cha Alexandre de Rhodes giới thiệu những hiểu biết cơ bản về giáo lý Công giáo. Chẳng hạn với *Phép Giảng Tám Ngày*, cha dựa trên quan hệ quân-sư-phụ, thuyết Tam Phụ để trình bày, mỗi người phải có bốn phận trung hiếu với ba người cha của mình, theo thứ tự ưu tiên là Thiên Chúa, đến quốc vương, rồi mới đến cha mẹ. Là Đấng Tạo Hóa của trời đất muôn loài, Thiên Chúa giống như Cha chung của toàn thể nhân loại. Ngài là vị Thượng Phụ tối cao vượt xa vai trò của vị Trung Phụ, vua chúa cai trị một nước và vị Hạ Phụ là cha mẹ trong gia đình.

Theo cha Quốc Anh, bên cạnh thừa sai Alexandre de Rhodes còn có những khuôn mặt triết học, thần học lớn như Lm Girolamo Majorica, vị linh mục đã để lại nhiều công trình giáo lý do cha in ấn, phiên dịch hay soạn thảo như cuốn *Thiên Chủ Thực Nghĩa* (nguyên bản của Lm Matteo Ricci), cuốn *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông* (viết theo *Brevio doctrina Christiana* của Roberto Bellarmino), *Các Thánh Truyện* gồm 12 tập và còn rất nhiều những tài liệu hộ giáo khác của Lm Francesco Buzomi đã được cha Majorica ấn loát.

Tiếp đó, 150 năm sau sách giáo lý của Majorica, cuốn *Thiên Chúa Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ* của giám mục thừa sai Pierre Pigneaux de Behaine, MEP đã ra đời, đánh dấu giai đoạn phát triển cận đại của chữ Quốc Ngữ.

Sau thời kỳ gian nan, được các thừa sai dòng Tên khai sáng, chữ Quốc Ngữ đã chuyển mình phát triển và lan rộng dần trên đất Việt, **Ts Kiều Ly** dẫn hội thảo viên vào giai đoạn chữ Quốc

Ngữ nở hoa. Đáng chú ý là Ts Kiều Ly đã giới thiệu một từ ngữ mới “Ngôn ngữ Thừa Sai” trong bài **Nhà Biên Soạn Thực Sự Của Manuductio**. Ts Kiều Ly đã có công: sử dụng từ chìa khóa này làm lời khẳng định chữ Quốc Ngữ luôn nhắm tới mục đích truyền giáo, không là phương tiện giao thương hay lợi thế chính trị. Nói khác, Việt Ngữ là ngôn ngữ hội nhập văn hóa không xâm thực văn hóa.

Ts Kiều Ly còn xác định, vào thời kỳ Chữ Quốc Ngữ đang trên đà phát triển, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, các thừa sai dòng Tên “nghỉ việc” và các Lm Hội Thừa Sai đã tiếp nối các thừa sai dòng Tên tiếp tục phát triển thứ ngôn ngữ truyền giáo này tại Việt Nam và nhấn mạnh vai trò của các cộng tác viên người Việt như Lm Bentô Thiện và thầy Igesio Văn Tín, nhưng chính yếu vẫn là các vị giám mục như Pierre Lambert de la Motte và François Pallu, Đức cha Laneau, Đức cha Bá Đa Lộc và Đức cha Adran, vị giám mục điều phối công trình soạn từ điển Dictionarium Annamiticum-Latinum (cùng với tám cộng tác viên người Việt, Đàng Trong). Do nhu cầu giáo dục các chủng sinh, Đức cha Laneau đã quyết định dạy tiếng Việt, chữ tiền Quốc Ngữ cho các chủng sinh. Và chữ Quốc Ngữ đã thành chữ viết trung gian giữa các vị giám mục nước ngoài với các chủng sinh. Riêng Đức cha Deydier muốn các bí tích phải được viết bằng ngôn ngữ bản xứ để các linh mục có thể đọc được khi cử hành các nghi lễ.

Ts Kiều Ly cũng ghi nhận, việc tổ chức các chủng viện đóng góp rất quan trọng vào việc giảng dạy và gìn giữ Chữ Quốc Ngữ trong vòng gần ba trăm năm giữa lòng Giáo hội và chính các linh mục, chủng sinh người Việt góp phần lớn cho việc gìn giữ, phát triển Chữ Quốc Ngữ.

Riêng **Lm Ts Nguyễn Đức Thông** đã giới thiệu bức tranh toàn cảnh về chữ Quốc Ngữ và văn học Công giáo từ những năm tháng ươm mầm tới giai đoạn triển nở rực rỡ. Mỗi giai đoạn chuyển mình của Chữ Quốc Ngữ được đánh dấu bằng các tác phẩm Quốc Ngữ mới. Bắt đầu là công thức thánh tẩy của 35 giáo sĩ dòng Tên bằng chữ Quốc Ngữ, công thức thanh tẩy đã xuất hiện ngay từ năm 1645, đã thành câu, viết rời và sử dụng dấu chính xác: “*Tau rửa mài nhân danh Cha và Con và Spirito Sancto*”. Sau công thức thanh tẩy là cuốn *Phép Giảng Tám Ngày và từ điển Việt-Bồ La* của Alexandre de Rhodes, rồi tới *Tự điển Annam - Latin* của Bá Đa Lộc, tiếp theo là tập *Lịch Sử Nước Annam và Từ điển Annam - Latin và Latin - Annam* của Giám mục Taberd và tiếp tục tới văn học Việt Nam thời cận đại và hiện đại.

Theo cha, ba yếu tố thuận lợi của môi trường Việt Nam: con người sùng đạo, chủ trương hội nhập của các thừa sai và chữ Quốc Ngữ dễ học, dễ viết đã dẫn tới thành công tốt đẹp về công trình truyền đạo và phát triển chữ Quốc Ngữ.

Lm Ts. Nguyễn Đức Thông coi chủ trương nâng đỡ chữ Quốc Ngữ của chính quyền Pháp thời Pháp thuộc và xu hướng tích cực phát triển chữ Quốc Ngữ của các trí thức Việt Nam thời cận đại là những yếu tố thuận lợi cho chữ Quốc Ngữ vươn lên. Có thể coi trình bày của cha như một tổng quan về văn học sử Công giáo Việt Nam. Các đề tài tuy không được trình bày với chuyên môn sâu nhưng đủ cho con cháu hiểu biết công ơn trời biển của ông bà tổ tiên.

Ngược với Lm Ts Nguyễn Đức Thông, **Lm Gs Đào Trung Hiệu** đã dừng bước đưa hội thảo viên tới chiêm ngưỡng một nhân vật tài danh trong khu rừng văn hóa Công giáo Việt Nam, thánh Philipphê Phan Văn Minh, vị thánh đã rạng danh trong toàn Giáo hội Việt Nam do đã chết vì đạo Chúa năm 1853, với án trăm quyết tại pháp trường Đình Khao, Vĩnh Long. Riêng ở đây Lm Gs Đào Trung Hiệu muốn giới thiệu cha thánh Minh như một chuyên viên ngữ học. Khi còn là chủng sinh Philipphê Minh đã cộng tác soạn thảo cuốn từ điển Dictionarium Anamitico-Latinum và Việt-Latinh. Trong cuốn này, chữ Quốc Ngữ không khác nhiều với tiếng Việt hôm nay.

Và thánh Minh cũng được giới thiệu là nhà thơ. Hồi ấy tại Việt Nam đã xuất hiện nhiều thi đàn như *Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú*, *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập*, *Gia Định Tam Gia Thi Tập*. Thánh Philipphê cũng mở một thi đàn, những bài thơ trên thi đàn được ghi lại trong tập *Phi Năng Thi Tập* nhằm trình bày đạo lý Chúa và khuyến khích giáo dân can đảm sống đạo. Lời Phi lộ của *Phi Năng Thi Tập* là tâm tình rất sốt sắng do Thánh Philipphê Phan Văn Minh viết:

“Lạy Chúa Giêsu, Chúa là phần gia nghiệp đời đời của tôi. Tôi xin chọn Thánh Danh Chúa làm chủ tể trong hội thi xướng họa này để tỏ lòng tha thiết kính yêu, và cũng là việc giải trí tốt đẹp trong đời sống thường ngày của hàng văn gia đất nước Đại Nam.”



Kết luận

Các thừa sai đến đất Việt không đi buôn bán, đi mua đất nhưng đi giảng đạo Chúa cho người Việt bằng ngôn ngữ Việt và may mắn thuở đó thế hệ các thừa sai ban đầu đã sáng nghĩ ra chữ Quốc Ngữ và cùng với những người dân bản xứ, tất cả cùng đổ mồ hôi sôi nước mắt định hình và phát triển chữ Quốc Ngữ làm ngôn ngữ rao giảng Tin Mừng và làm phương tiện tiếp cận thừa sai với các dân bản xứ.

Ước mong các thế hệ con cháu luôn trân trọng gìn giữ lấy chữ Quốc Ngữ như của gia bảo cũng là kho tàng văn hóa ông bà để lại. Ước mong các thế hệ con cháu biết chung lòng, góp sức phát triển lên mãi kho tàng văn hóa quý báu này.

Cuộc góp mặt hôm nay của các thuyết trình viên và các hội thảo viên đã thành lời biết ơn ngỏ với các tiền nhân vì món quà vô giá chúng ta đã nhận, Chữ Quốc Ngữ.

Linh Mục Giuse Trịnh Tín Ý, Thư Ký Ủy Ban Văn Hóa

Nguồn: Ủy ban Văn hóa/HĐGMVN

VỀ MỤC LỤC

HẬU QUẢ CỦA VIỆC TIN VÀO BÓI TOÁN!

Trần Mỹ Duyệt

Cách đây hơn một tháng, chúng tôi nhận được lời mời tham dự một buổi đoàn tụ gia đình. Đây là một cuộc đoàn tụ tưởng như không bao giờ xảy ra sau 67 năm bạn tôi mất tích khỏi gia đình. Anh đã cho phép tôi ghi lại và phổ biến câu chuyện hy hữu này như một lời tạ ơn Thiên Chúa cho anh chị em của anh được gặp lại nhau, và cũng như một thông điệp gửi đến những ai đang tin vào bói toán.

Bạn tôi là nạn nhân của sự tin tưởng mù quáng vào bói toán. Bố của anh đã bỏ rơi và làm thình thịch anh bị bán đi lúc anh mới biết lẫy. Ông làm vậy vì muốn đổi lấy sự giàu sang và tính mạng của ông. Anh đã trôi dạt trên biển đời suốt 67 năm cho đến gần đây mới gặp lại những người thân. Sự thật về cuộc đời lưu lạc của anh chỉ được giải mã sau lần hội ngộ này. Cuộc đời anh nếu đem dựng lại thành phim thì đây là một cuốn phim xã hội với những tình tiết éo le

đầy nước mắt, chờ mong, nhưng vô cùng hấp dẫn với hồi kết thúc trong cuộc đoàn tụ chan hòa hạnh phúc.

Câu truyện đoàn tụ của anh bắt đầu từ người con dâu của anh. Người con dâu này vì muốn tìm thêm tông tích gia đình của cô nên đã đi thử DNA. Trong khi cô mong ước tìm ra gia phả của mình về phía của cô, con trai anh cũng muốn thử DNA của mình luôn. Sở dĩ con trai anh làm thế, vì muốn tìm ra nguồn gốc chủng tộc của mình. Tuy nhận mình là người Hoa, nhưng bạn bè và cả vợ của anh vẫn cho rằng anh là người Việt. Kết quả DNA của anh đã cho biết anh rõ ràng là người Việt Nam chứ không có một dính dáng gì đến người Trung Hoa. Tóm lại, anh là người Việt Nam.

Quá thất vọng về kết quả DNA của mình, chiều hôm đó sau khi đi làm về, con trai anh đã hỏi lại anh là tại sao ba là người Hoa mà trong DNA của con không có một nhiễm sắc thể nào mang huyết thống Trung Hoa. Anh không có câu trả lời, nhưng vẫn cương quyết rằng mình là người Hoa vì cha mẹ là người Hoa. Và rằng anh còn một chị gái hiện nay vẫn còn thất lạc ở Hoa lục.

Không hài lòng với lời giải thích của ba mình, và với kết quả DNA sẵn có, con trai anh quyết tâm tìm cho ra nguồn gốc thực sự của mình. Anh muốn biết, anh là người Việt Nam hay là người Trung Hoa? Trong khi con anh âm thầm tìm kiếm nguồn gốc của mình, một sự trùng hợp ngẫu nhiên là một người nào đó có cha là người Pháp và mẹ là người Việt Nam cũng đang muốn tìm kiếm người thân mất tích cho mẹ mình qua ngả DNA. Gia đình người này cũng đang hy vọng tìm được người em trai của mẹ, người mà bà nói rằng đã thất lạc khoảng 67 năm về trước.

Với hy vọng sớm tìm ra nguồn cội của mình cũng như của cha mình, một hôm con anh đã đưa về cho anh một chiếc hộp nhỏ và nói với anh nhỏ vào đó một miếng nước bọt. Tuy anh không biết để làm gì, nhưng nghe con nói thế nên anh cũng làm. Và như một phép lạ nhiệm màu, khoảng một tháng sau, vào một buổi trưa anh đang cắt tỉa mấy cây cảnh trong vườn bỗng nghe tiếng con anh gọi:

-Ba. Ba vô đây con có chuyện quan trọng muốn báo cho ba biết.

-Việc gì là việc quan trọng. Sao con đang làm lại bỏ sở về. Bộ con bị đuổi việc phải không?

-Không quan trọng đến việc làm của con, nhưng quan trọng đến ba kìa.

Ngừng một lát, con anh nhìn anh bằng cặp mắt hết sức khó diễn tả, rồi chậm rãi nói với anh:

-Ba đã tìm ra được người thân rồi. Người đó là một người đàn bà, và là người Việt Nam.

-Có thật không? Ai cho con biết? Và làm sao có chuyện này vì ba là người Hoa mà.

Lúc này đến lượt vợ anh cũng nhập cuộc. Cả nhà quây quần, ngồi im nghe con anh giải thích:

-Ba còn nhớ không, khi vợ con thử DNA để tìm người thân bên đó, con cũng thử luôn để xác định xem mình là người Hoa hay người Việt, vì ba thì nói con là con cháu người Hoa, còn bạn bè con lại bảo con giống Việt. DNA của con xác định con là người Việt Nam, nên con đã tò mò tìm hiểu về nguồn gốc của ba. Chiếc hộp con đưa cho ba gần tháng trước là chiếc hộp dùng để thử DNA. Con đã gửi mẫu DNA của ba đi, và kết quả cho biết ba cũng là người Việt chứ không phải là người Hoa.

Nhưng tin quan trọng hơn là ba đã tìm ra người nhà của ba nhờ DNA.

Không thể nào có chuyện đó. Anh cố gắng xua đuổi tư tưởng mình là người Việt. Tuy vậy, anh cũng lại nôn nóng muốn biết rõ sự thật. Anh giục con anh:

-Nói đi. Nói mau đi. Tại sao ba là người Việt và tại sao ba có người chị cũng là người Việt?

Ba từ từ nghe con kể:

-Khi con thử DNA cho ba, thì một người khác cũng thử DNA cho người mẹ vì bà có người em trai bị thất lạc khi còn rất nhỏ. Họ chỉ hy vọng vậy thôi, không ngờ, DNA của ba và của bà ấy trùng hợp và có nguồn gốc di truyền chính xác. Đây là kết quả của khoa học. Con và người bạn ấy vui lắm. Chúng con đã coi nhau như cousin sau khi có kết quả DNA, còn ba thì sắp gặp chị của ba. Chúng con đã dàn xếp cho ba và má nó gặp nhau vào tuần tới để nói chuyện.

-Nhưng ngoài DNA ra còn có gì làm bằng chứng?

-Thì ba có những hình ảnh hồi nhỏ của ba vẫn cho con xem đó. Ba không tin DNA thì biết đâu những tấm hình ấy cũng giúp ba. Cousin con cũng nói với má nó mang theo một ít hình gia đình từ trước đó.

Và ngày vui mừng đã đến, ngoài kết quả của DNA, hai bên còn giữ được một tấm hình chụp khi anh mới biết lẫy. Tấm hình này không biết có phải là tấm hình định mệnh hay không, nhưng do ba má nuôi anh tặng lại cho người chú anh, và nó đã đến được tay mẹ ruột anh. Mẹ anh giữ nó rồi đưa lại cho chị anh. Riêng anh, mẹ nuôi anh cũng giữ tấm hình này, và bà đã trao lại cho anh để lưu lại trong album của gia đình. Hai tấm hình giống nhau vì là hai bản sao. Trước kết quả của DNA, và với tấm hình chụp anh hồi còn nhỏ, cả chị anh, người chồng Pháp của chị anh, người con trai của họ cùng với vợ con anh đã ôm nhau khóc vì vui mừng. Những bí ẩn về nguồn gốc gia đình, huyết thống, và chủng tộc của anh, cũng như lý do anh bị lưu lạc xa gia đình đã từ từ được giải mã.

Theo người chị của anh kể, anh sinh ra trong một gia đình Công Giáo đông con gồm 3 trai và ba gái. Anh là con trai út. Anh có hai anh, một chị và hai em gái. Gia đình anh sống trong một xứ đạo của người Bắc di cư năm 1954. Cha mẹ anh được mọi người trong xứ đạo nể trọng và được cho là đạo đức, tốt lành. Nhưng ngoài cái vẻ bên ngoài ấy, bố anh rất mê tín và tin vào bói toán. Chính vì vậy, khi anh vừa biết lẫy tức là khoảng 3 hoặc 4 tháng, ông đã nhất định từ bỏ anh. Lý do, vì anh là con trai thứ ba, mà theo lời thầy bói thì “tam nam bất phú. Tứ nữ bất bần”. Mạng số của anh không hợp với mạng của bố anh. Nếu giữ anh thì một trong hai sẽ phải chết.

Để tìm cách cứu con, thoát đầu, mẹ anh đã bàn với bố anh và đem anh cho một người chú. Nhưng không hiểu động lực nào, chú anh lại bán anh cho một gia đình người Hoa không con tại Chợ Lớn.

Những gì người chị kể đã làm sống lại ký ức tuổi thơ anh. Anh nhớ lại hồi còn nhỏ gia đình anh là một gia đình người Hoa giàu, và chỉ có mình anh là đứa con duy nhất nên anh rất được chiều chuộng, nâng niu. Nhưng rồi khi anh lên 4 tuổi, cha nuôi anh làm ăn thua lỗ, bị phá sản. Ông buồn phiền sinh bệnh và chết. Mẹ nuôi anh đã tìm cách cứu lại phần nào số vốn làm ăn của cha nuôi anh. Bà đã đến từng người bạn trước đó làm ăn với chồng bà để nói chuyện tiền bạc, nhưng tất cả đều từ chối. Cuối cùng bà đã phải đem anh lang thang đó đây, làm thuê độ nhật. Những lúc túng quẫn nhất, bà chỉ mong xin được chút cơm thừa, canh cặn của chủ để nuôi anh mà cũng không ai cho. Tuy nghèo, nhưng mẹ nuôi anh vẫn không bỏ anh, và tìm mọi cách yêu thương, nuôi nấng anh.

Bản thân anh, anh cũng không nghĩ mình là người Việt Nam, vì sau khi nhận nuôi anh, cha mẹ nuôi anh đã làm giấy khai sinh lại, thay tên đổi họ của anh từ họ Nguyễn thành họ Lâm, và

anh đã thành một đứa bé con của một cặp vợ chồng người Hoa trên giấy tờ và pháp lý. Vì được nuôi dưỡng trong một gia đình người Hoa và vì không biết mình bị thay tên đổi họ nên anh không hoài nghi gì về nguồn gốc người Trung Hoa của mình.

Tuổi thơ anh ít có ngày được cắp sách đến trường. Ngôi trường đầu tiên anh học là Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Học ở vùng Chợ Lớn. Năm anh lên 8 tuổi, mẹ nuôi của anh lại phải gửi anh vô chùa! Vì lớn lên trong môi trường như vậy, nên từ bé anh lúc nào cũng nghĩ mình là người Hoa, lúc nào cũng mơ ước có ngày được về đại mạc để cưỡi ngựa, bắn cung. Đại mạc là nơi anh luôn luôn ao ước để tới. Ngay bây giờ, anh vẫn thích nói về đại mạc, về đời sống du mục như những cảnh trong phim Anh Hùng Xạ Điêu của Kim Dung. Còn người chị mà má nuôi đã nhắc đến thật ra không phải là chị em ruột của anh, nhưng là người con gái mà cha mẹ nuôi đã để lại đại lục sau khi hiệp định Genève chia đôi Việt Nam năm 1954. Vào thời điểm đó, ông bà đang làm ăn ở Việt Nam nên không thể về lại Trung Quốc để đem người con gái ấy sang Việt Nam.

Riêng bố mẹ ruột của anh, theo lời chị anh kể, tuy nghe lời của thầy bói bỏ anh, nhưng ông cũng không lọt qua sổ tử thần. Ông được biết đã bị bệnh và chết sau khi anh lưu lạc được hai năm. Mẹ đẻ của anh đã đau đớn, thương nhớ anh đến trầm cảm. Chị anh cho biết, hình ảnh của anh vẫn luôn ám ảnh mẹ anh trong suốt cuộc đời của bà, và cả trên giường bệnh. Trước khi nhắm mắt lìa trần, bà đã nói với các con cái của bà phải bằng mọi giá tìm được anh.

Hiện nay, các anh chị em của anh ngoài 2 anh ở Việt Nam, còn lại chị và hai em gái đều sống tại Hoa Kỳ. Tất cả đều rất vui mừng về cuộc hội ngộ này.

Thiên Chúa đã trả lời cho người mẹ đau khổ của anh sau nhiều năm bà đã khuất bóng.

“Bói ra ma, quét nhà ra rác.”

“Thừa tiền thì đem mà cho,

Đừng có xem bói đem lo cho mình.”

“Thầy bói, thầy số, thầy đồng,

Nghe ba thầy ấy cái lông không còn.”

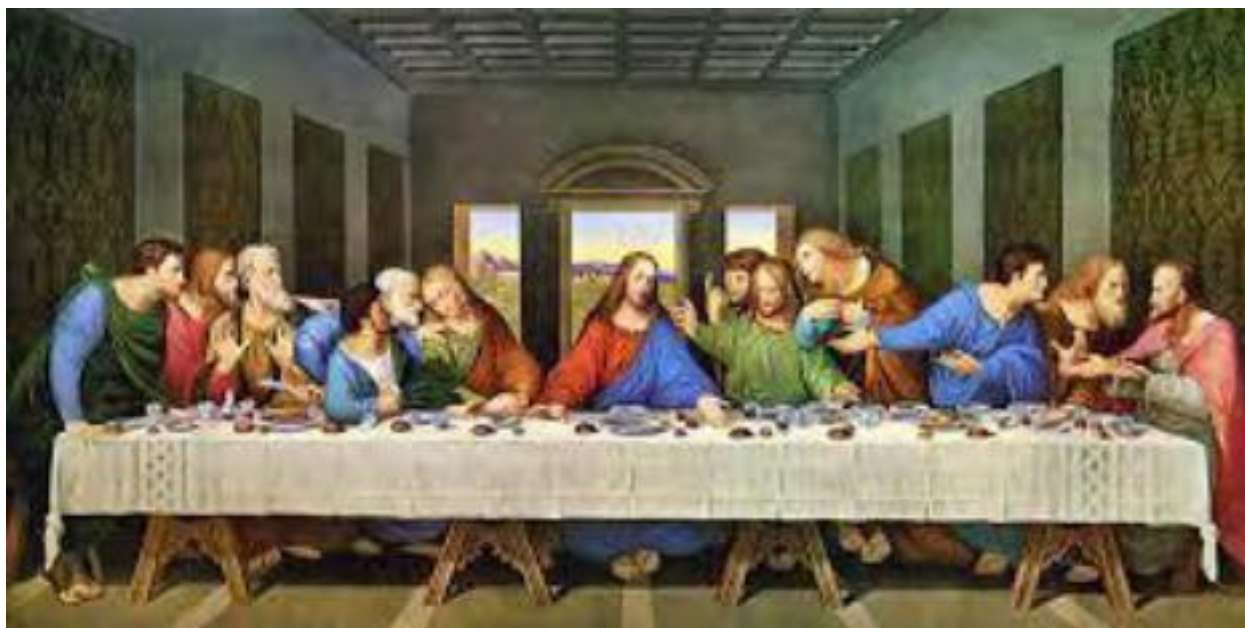
Chúng ta có nên tin vào bói toán không? Câu chuyện của người bạn vừa kể trên là một trong nhiều câu chuyện mà kết quả đã làm đau khổ, tan nát hạnh phúc nhiều người, nhiều gia đình.

Thật ra quá khứ là do ta tạo ra. Hiện tại là của ta, do ta xây đắp. Và tương lai chắc chắn cũng là của ta. Vì tương lai là thành quả mà ta xây dựng từ trong mỗi giây phút của hiện tại. Chỉ có Thượng Đế là người biết rõ vận mệnh của đời ta, nhưng Thượng Đế lại để ta tự do quyết định vận mạng của đời mình. Ngài ở đó để chúc phúc và nâng đỡ ta. Ngài là Thượng Đế với trái tim nhân hậu.

[VỀ MỤC LỤC](#)

CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ NGÔN NGỮ CƠ THỂ TRONG BỨC TRANH “BỮA TỐI CUỐI CÙNG” CỦA LEONARDO DA VINCI

Trong cuốn sách “Bàn về Hội Họa”, Leonardo da Vinci có nói như thế này : “ Một họa sĩ giỏi nên vẽ được hai điều chính : người và ý tưởng tâm linh của người...Điều quan trọng nhất trong hội họa là tư thế nhân vật phải thể hiện được trạng thái bên trong của anh ta, như khao khát, khinh miệt, tức giận, cảm thông...”

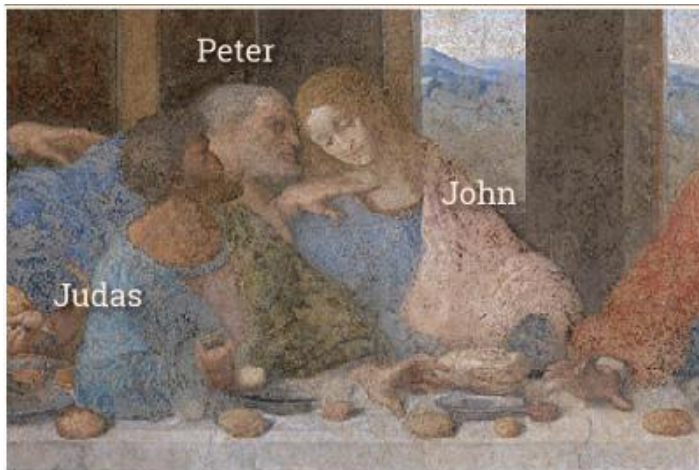


Vì thế cho nên kẻ kẻ bên mình cuốn sổ của những nét phác họa, Da Vinci đã dành một thời gian rất dài để lê la đây đó, ghi lại những nét phác thảo của những người ông gặp, những người ông trao đổi với... “Kho tàng” những nét phác thảo ấy, ông nghiền gẫm không những ở những thời gian ngấm ngấm mà ngay cả khi sáng tác cũng vậy...Người ta bảo rằng có những ngày ông loay hoay từ sáng tới chiều trên dàn giáo đối diện với bức tường vẽ tranh (nhà thờ thánh Matta) và nhiều khi hai ba ngày không leo lên, hoặc đứng đứng một lúc nào đó vội vội vàng vàng leo lên...chỉ để thêm một nét ngang hay một nét dọc...thế thôi...

Chúng ta thử có đôi ba chia sẻ về những nét diễn tả qua ngôn ngữ cơ thể của các nhân vật trong bức tranh “Bữa Tối Cuối Cùng” vừa để chiêm ngưỡng, vừa để suy gẫm...



Chúa Giê-su dang hai tay tạo thành một tư thế hình kim tự tháp, thể hiện một vẻ ngoài điềm tĩnh, khoan dung và tha thứ, trái ngược với tư thế của các vị tông đồ đang nhiễu động, xôn xao từ hai bên...



Cụm nhân vật Phê-rô đang nắm lấy vai của Gioan (người ngồi bên phải Chúa Giê-su),,,như để yêu cầu anh ta hỏi xem ai là kẻ bán đứng Thầy mình...Kẻ phản bội Giu-đa ở ngay bên cạnh, tay đang cầm túi tiền nghe thế thì giật mình quay đầu lại...và hơi lùi về đằng sau...như diễn tả một sự sợ sệt nào đó...



Cụm nhân vật Tho-ma với ngón tay chỉ lên trời như thể hỏi Chúa Giê-su về manh mối tìm ra kẻ phản bội...Gia-cô-bê tiền (James Major) trong tâm trạng khá "sốc" với hai tay dang ra hai bên...Phi-li-phê thì tự chỉ vào mình như muốn hỏi : "Liệu có phải con không ?"



Cụm nhân vật Bar-thô-lô-mê-ô, Gia-cô-bê hậu (James Minor) và An-rê : họ đều tỏ vẻ kinh sợ...An-rê giờ hai tay lên như một cách nào đó muốn nói với hai người kia : Bình tĩnh đi ! Bình tĩnh đi nào!



Cụm ba người ở bên trái xa nhất bao gồm Mat-thêu, Ta-đê-ô và Simon đang nói chuyện với cử chỉ rất mãnh liệt...Với đôi tay chỉ vào Chúa Giê-su ở trung tâm bức tranh, họ như đang tranh luận xem ai là kẻ mà Người đang nói tới...

Da Vinci đã khéo léo dùng ngôn ngữ cơ thể diễn tả tâm lý của từng con người và từng cụm nhân vật...mục đích là để chỉ ra danh tính của Giu-đa – kẻ phản bội...Hắn là người duy nhất trong bức tranh không tương tác với bất cứ ai trong bàn ăn – nghĩa là hắn ở trong trạng thái “tự cô lập” chính mình...Với cảm giác có tội và trong tâm lý tự bảo vệ, cơ thể hắn rút lui...như có vẻ né tránh Phê-rô và Gio-an...Tất cả các nhân vật trong bàn ăn đều hướng đến trung tâm là Chúa Giê-su, nhưng Giu-đa...thì không...Đặc biệt hắn cầm trong tay mình bằng chứng của bội phản : đấy là cái túi đựng tiền !!! Khuôn mặt của Giu-đa cũng được diễn tả cho thấy hắn là kẻ bội phản : khuôn mặt vẽ nghiêng $\frac{1}{2}$ và cau có, đen đui...với chiếc cằm nhọn hoắt...

Trở về từ bệnh viện sau ba tuần điều chỉnh lượng đường và mỡ khớp gối còn lại, người viết nhận được tập tài liệu Tĩnh Tâm của Linh Mục Giáo Phận Nha Trang do Đức Giám Mục Giuse Nguyễn Đức Cường – GM Giáo Phận Thanh Hóa hướng dẫn – với chủ đề : Bước Theo Chúa Giê-su... Chưa có thời gian để đọc, nhưng người viết hiểu rằng : Bước Theo Chúa Giê-su... thì từ thửa Nhóm Mười Hai có mặt trong “Bữa Tối Cuối Cùng” ấy... cho đến nay, rất nhiều thế hệ con người nam cũng như nữ... đã, đang và mãi mãi miệt mài, nhưng có một thực tế là hai lần nằm ở khoa Xương Khớp bệnh viện tỉnh Khánh Hòa... thì hầu hết bà con bệnh nhân đều thú nhận rằng : đây là lần đầu tiên họ được tiếp xúc và gần gũi với một Linh Mục Công Giáo... Thiết tưởng chia sẻ một vài nét về ngôn ngữ cơ thể danh họa Da Vinci ghi lại trong “Bữa Tối Cuối Cùng” cũng có thể có được đôi ba suy nghĩ về việc “Bước Theo...” Và – dĩ nhiên – sự “Bước Theo”... mỗi thời nhịp chân có thể khác, nhưng “nhiệt huyết” và “cốt lõi”... vẫn là thế,,,

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

CHẤT ĐẠM

Trong thời gian vừa qua, thịt đỏ (red meat) lại được y giới cũng như truyền thông báo chí và người tiêu thụ bàn tán, nhắc nhở. Đó là sau khi có một nghiên cứu về rủi ro của ăn nhiều thịt đỏ do Viện Ung thư quốc gia Hoa Kỳ thực hiện “Ăn nhiều thịt đỏ tăng rủi ro mắc bệnh Viêm Khớp Thấp gấp hai lần”

Các cơ quan truyền thông trong ngoài y giới đều vội vàng phổ biến tin này tới công chúng. Và chuyện ăn thịt đỏ (Red Meat) được nhiều người nhắc nhở bàn tán.

Trong khi đó thì từ nhiều thập niên, một vài chế độ dinh dưỡng lại khuyên nên ăn nhiều thịt, ít carbohydrat, để tránh béo phì...

Xin cùng tìm hiểu xem “chất đạm dinh dưỡng” với thịt đỏ này là gì và có vai trò như thế nào trong cơ thể con người.

Tiếng Anh của Chất Đạm là Protein. Tên này được nhà hóa học người Đức Geradus J. Mulder dùng đầu tiên vào năm 1838 để gọi một nhóm chất hữu cơ có giá trị dinh dưỡng rất cao trong thực vật và động vật. Chữ Protein xuất phát từ chữ Proteios trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “quan trọng hàng đầu”

Thật vậy, đạm (protein) là chất căn bản của sự sống trong mọi tế bào, là thành phần của các mô cấu tạo và bảo vệ cơ thể như xương, dây chằng, tóc, móng chân tay và các tế bào mềm ở các cơ quan, bắp thịt. Đạm cũng lưu hành trong máu dưới hình thức những kháng thể, nội tiết tố (hormone), hồng huyết cầu và các loại phân-hóa-tố (enzyme).

Trung bình, tỷ lệ chất đạm trong cơ thể con người là từ 10% tới 20% trọng lượng, tùy theo mập hay ốm, già hay trẻ, nam hay nữ.

Khác với thực vật, động vật không tạo ra được đạm chất, nên con người phải tùy thuộc vào thực vật và các động vật khác để có chất dinh dưỡng này

Không có chất đạm hấp thụ từ thực phẩm thì thân thể con người không thể tăng trưởng và mọi cơ quan nội tạng không thể hoạt động. Đồng thời đạm cũng cần cho sự sinh sản, nuôi dưỡng con cái và để tu bổ những tế bào bị hư hao vì nếu không có tu bổ thì cơ thể ta sẽ tan rã ra thành từng mảnh.

Nói đến chất đạm là ta thường nghĩ ngay đến một đĩa thịt thơm ngon và cứ tưởng là chỉ có thịt động vật mới có đạm, do đó phải ăn nhiều thịt mới có đủ đạm.

Thực ra không phải vậy. Đạm có trong các thực phẩm có nguồn gốc thực vật như rau, trái, hạt... Loại đạm này vừa dễ tiêu lại vừa ít năng lượng, ít chất béo bão hòa hơn đạm từ thịt động vật.

Protein không phải là một chất đơn thuần mà là tổng hợp của nhiều chất hữu cơ, căn bản trong đó là một chuỗi amin acid với 22 loại khác nhau.

Mỗi loại đạm có một số amin acid đặc biệt và chúng nối kết với nhau theo thứ tự riêng. Những acid amin này luôn luôn phân biến hoặc được tái sử dụng trong cơ thể, cho nên con người cần thay thế những thành phần đã được tiêu dùng. Quá trình này bắt đầu từ khi thai nhi mới được thành hình và kéo dài suốt đời sống của con người.

Chất đạm cũng là nguồn duy nhất cung cấp nitrogen, một chất cần thiết cho mọi sinh vật trên trái đất.

Cơ thể con người chỉ tổng hợp được 13 loại amino acids, còn 9 loại kia thì phải được cung cấp trực tiếp từ thực phẩm gốc thực vật hay từ thịt những động vật nào đã ăn những rau trái này. Chín loại acid amin này được xem là tối cần thiết (essential acid amin) bao gồm: histidine, isoleucine, leucine, lysine, methionine, phenylalanine, threonine, tryptophan và valine.

Và để cơ thể tạo ra protein, ta phải cung cấp tất cả 22 loại acid amin.

Khi ta ăn thực phẩm có chất đạm thì hệ tiêu hóa sẽ biến chất đạm thành acid amin và các tế bào sẽ hấp thụ những acid amin mà chúng ta cần. Bởi thế ta phải ăn nhiều thực phẩm khác nhau để có đủ các loại acid amin cần thiết cho cơ thể.

Ngoài ra, khi thiếu một acid amin thiết yếu nào đó, cơ thể có thể lấy từ tế bào thịt trong người. Nhưng nếu sự việc này kéo dài sẽ đưa đến hao mòn cơ thịt.

Cơ thể có khả năng tích trữ một số chất dinh dưỡng khác để dùng dần, thì protein lại không tích trữ được. Nên ta cần tiêu thụ protein mỗi ngày. May mắn là chuyện này cũng dễ thực hiện. Vì trong thực tế, chúng ta thường ăn nhiều thịt hơn là nhu cầu. Lý do là ta quá dư thừa thịt, thuộc nhiều loại khác nhau từ động vật tới thực vật và khẩu vị chúng ta cũng lại rất thích đạm chất.

1- Phân loại chất đạm.

Các nhà nghiên cứu chia chất đạm ra làm hai loại: loại chất-đạm-đủ và loại chất-đạm-thiếu.

Chất đạm nào có cả 9 thứ acid amin cần thiết kể trên gọi là chất đạm đủ; loại nào không có một vài trong 9 thứ acid amin đó thì gọi là chất đạm thiếu.

Hầu hết mọi thực phẩm gốc động vật như thịt, sữa... đều có chất đạm đủ. Trứng tuy chứa nhiều cholesterol nhưng cũng cung cấp các acid amin theo đúng phân lượng mà cơ thể cần.

Còn chất đạm trong thực phẩm gốc thực vật, như trái cây, ngũ cốc, rau cải, được coi như chất đạm thiếu vì nó thiếu một hoặc hai amino acid thiết yếu kể trên. Riêng đậu nành được coi như đủ vì nó có hầu hết amino acid cần thiết.

Tuy nhiên nếu bữa ăn có nhiều loại trái cây, ngũ cốc và rau cải thì các chất đạm tổng hợp trong các thức ăn đó sẽ bổ sung cho nhau để cung cấp các acid amin cần thiết. Ví dụ, bánh mì có lượng methionine cao nhưng lại ít lysine trong khi đó rau đậu (legume) lại có lượng lysine cao và lượng methionine thấp. Nếu trong cùng bữa ăn có cả bánh mì và rau đậu thì ta sẽ có đầy đủ lượng methionine và lysine.

2-Nguồn gốc chất đạm

Chất đạm cần thiết cho cơ thể được cung cấp từ thực phẩm có nguồn gốc động vật hay thực vật.

Thịt động vật, sữa và cá là nguồn chất đạm dồi dào nhất, chiếm từ 15 đến 40 phần trăm trọng lượng thức ăn. Có lẽ vì thế mà loài người nguyên thủy đã chọn săn thú và câu cá làm thực phẩm.

Nguồn chất đạm từ ngũ cốc và các thứ đậu chỉ chiếm từ 3% đến 10 % trọng lượng thức ăn; khoai, trái cây và cải lá có màu xanh lục chỉ chứa lượng chất đạm khoảng 3% hay ít hơn.

Gần đây các nhà dinh dưỡng khám phá ra là đậu nành và một số loại hạt cứng (quả hạch nuts) cũng có dung lượng chất đạm không thua gì thịt.

Đạm từ một loại thực vật không có đủ 9 acid amin cần thiết, nhưng khi ăn chung nhiều loại thì chúng bổ sung cho nhau. Thí dụ như ăn gạo pha với đậu, đậu với bắp. Gạo thiếu lysine mà đậu lại nhiều lysine, nên khi gạo và đậu ăn chung thì cơ thể có đủ hai thứ acid amin này.

Điểm cần lưu ý là sự bổ sung cho nhau này sẽ có kết quả tốt hơn khi ăn chung cùng một lúc hoặc chỉ cách nhau vài giờ.

Vài điều về chất đạm chế biến

Trên thị trường có bán nhiều loại acid amin pha lẫn với sinh tố, khoáng chất dưới hình thức viên, bột hoặc dung dịch lỏng. Đa số được chế biến từ chất đạm động vật hoặc thực vật.

Cách đây nhiều năm, Cơ Quan Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ đã ra lệnh cấm một loại acid amin biến chế bán trên thị trường vì có gần hai mươi người thiệt mạng sau khi dùng.

Những acid amin chế biến này thường được quảng cáo là làm bắp thịt nở nang, có nhiều năng lượng rất tốt cho người vận động nhiều và cho ai muốn giảm cân. Nhưng theo các nhà dinh dưỡng, chúng không có giá trị đúng như quảng cáo mà còn có thể gây nhiều nguy hiểm như sáo trộn trong việc hấp thụ chất đạm thiên nhiên, làm tăng bài tiết calci đưa tới loãng xương và tiêu chảy.

Nhưng “thịt thay thế” làm từ đạm thực vật thì được coi như tốt vì ít gây rủi ro cho tim và mạch máu. “Thịt” này có hương vị tương tự thịt động vật, lại dễ tiêu, nhiều sinh tố, khoáng chất. Đa số các “giả thịt” được làm từ đậu nành vì đậu này có nhiều chất dinh dưỡng hơn các thực vật khác.

3-Vai trò của chất đạm

Mỗi acid amin của chất đạm có nhiệm vụ riêng biệt trong cơ thể cho nên một chất này không thay thế cho chất kia được. Do đó phần ăn cần đa dạng, có sự cân đối hợp lý các loại thực phẩm khác nhau.

Nhìn chung, các amino acid từ chất đạm có những nhiệm vụ như sau:

- a-Cấu tạo mô tế bào mới ;
- b-Tu bổ các mô bị hư hao;
- c-Là thành phần cấu tạo của huyết cầu tố, kích thích tố, phân hóa tố;
- d-Giúp người mẹ tạo sữa để nuôi con;
- đ-Cung cấp năng lượng cho các hoạt động của cơ thể.
- e-Điều hòa sự cân bằng chất lỏng trong cơ thể, dung hòa nồng độ acid-kiềm;
- g-Hỗ trợ việc trao đổi chất dinh dưỡng giữa tế bào và huyết quản;
- h-Là thành phần cấu tạo nhiễm thể và gene di truyền;
- i- Một số acid amin dẫn truyền các tín hiệu thần kinh giữa các dây thần kinh và tới các bộ phận;
- k-Hỗ trợ để một số sinh tố hoàn thành được vai trò của mình.

4-Nhu cầu chất đạm hàng ngày

Trong cơ thể con người, gan tạo ra được 80% acid amin cần thiết từ chất đạm ta ăn vào còn 20% kia phải do thực phẩm cung cấp.

Nhu cầu chất đạm thay đổi tùy theo tuổi tác, giai đoạn tăng trưởng, và tình trạng tốt xấu của cơ thể.

Vì chất đạm có những vai trò rất quan trọng trong cơ thể, nên có người tưởng là phải ăn nhiều chất đạm mới duy trì được cuộc sống tốt. Thực ra chỉ cần từ 10-12 % năng lượng do đạm chất cung cấp là đủ. Số chất đạm này có thể được cung cấp bởi một thực đơn cân bằng và đa dạng. Ngay cả với những người ăn chay, nếu biết ăn đủ lượng ngũ cốc và rau trái cân đối, hợp lý thì cũng có thể cung cấp đủ lượng chất đạm cho cơ thể,

Dù có ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm hay uống thêm các loại acid amin chế biến thì cơ thể cũng không tăng thêm sự hấp thụ chất đạm. Lượng acid amin thừa sẽ được đưa vào gan, nơi đây nitrogen tách riêng và được thận thải ra ngoài. Chất đạm còn lại được tích trữ dưới hình thức mỡ hay được chuyển ra glucose để cung cấp năng lượng.

Có nhiều đề nghị về số lượng protein nên dùng mỗi ngày.

Bên Hoa Kỳ, các khoa học gia đề nghị 45 g protein mỗi ngày. Một ly cỡ trung bình sữa ít chất béo có 9 gram protein; một miếng thịt gà không mỡ bằng nửa bàn tay có 37 gram protein.

-Nhà dinh dưỡng Jane Brody đưa ra công thức là người trên 18 tuổi cần 0,70g protein cho mỗi kg trọng lượng cơ thể. Với người quá mập thì tính theo trọng lượng trung bình của người cùng tuổi. Theo cách tính này thì một người nặng 70 kg cần khoảng 49g protein mỗi ngày.

-Một nhà dinh dưỡng khác cho rằng một người trưởng thành ít vận động mỗi ngày cần khoảng 0,8 g protein cho mỗi kg trọng lượng cơ thể, nhưng nếu vận động nhiều thì cần gấp đôi. Một người trưởng thành ít vận động nặng 70 kg sẽ cần khoảng 56g protein mỗi ngày.

-Một trung tâm dinh dưỡng ở Houston, Texas đề nghị là mỗi ngày không nên ăn quá 250g thịt nấu chín.

Kết quả nghiên cứu cho thấy khi nấu chín vừa phải thì thịt còn mềm và dễ tiêu vì hơi nóng phá hủy sự liên kết của acid amin. Nhưng khi nấu quá lâu thì acid amin lại quấn quện với nhau làm cho thịt khó tiêu hóa và cũng giảm bớt 25% số lượng.

Trẻ em đang độ tăng trưởng nên có nhu cầu chất đạm mỗi ngày cao hơn người già. Phụ nữ mang thai, cho con bú hoặc người bị phồng nặng.. cũng cần được cung cấp lượng đạm chất cao hơn.

Trung bình mỗi người cao niên cần 65 g chất đạm mỗi ngày. Chỉ cần dùng hai ly sữa ít chất béo, 200 g thịt nạc, thịt gà hay cá là có thể cung cấp đủ số lượng chất đạm này.

Một vận động viên có thể cần gấp ba lần số lượng đạm của người già.

Các nhà dinh dưỡng thường khuyên ta không nên ăn quá 120g thịt đỏ (red meat) như là thịt bò, heo, cừu mỗi ngày. Để có đủ protein, nên dùng thêm thịt gà, cá, sữa, rau, trái cây. Hoặc là ta có thể ăn thịt gà, cá bốn năm lần một tuần, một ngày ăn rau, trái cây và một ngày ăn thịt đỏ.

Một chế độ dinh dưỡng nặng về thịt và nhẹ về rau quả sẽ làm cho hai trái thận phải làm việc nhiều hơn trong việc đào thải các cặn bã của chất đạm qua đường tiểu tiện. Đó là chất ammonia và urea. Vì thế những người có bệnh về gan và thận đều nên hạn chế thịt.

Ngoài ra trong thịt động vật, đặc biệt loại thịt đỏ còn có nhiều cholesterol và chất béo bão hòa, có nguy cơ gây ra các bệnh tim mạch, béo phì.

Vấn đề thịt đỏ

Trở lại với nghiên cứu về sự liên hệ giữa thịt đỏ và Viêm Khớp Thấp (Rheumatoid Arthritis) của Đại Học Manchester. Đây là một bệnh viêm kinh niên thường thấy ở khớp ngón tay, cổ tay, bàn chân, cổ chân với mức độ nghiêm trọng khác nhau. Rủi ro đưa tới bệnh có thể do suy yếu hệ miễn dịch, do di truyền, do môi trường ô nhiễm hoặc ăn uống thiếu trái cây nhất là thiếu sinh tố C.

Kết quả nghiên cứu của Đại Học Manchester dựa vào sự quan sát 25,000 người nam nữ từ 45 tới 75 tuổi. Đây là nghiên cứu đầu tiên chứng minh sự liên hệ giữa thịt đỏ và Viêm Khớp.

Theo tác giả nghiên cứu, sự liên hệ này là do sự tác dụng của chất collagen trong thịt lên hệ miễn dịch, hoặc vì thịt có nhiều chất sắt hoặc do nhiễm vi khuẩn trong thịt. Và cần nhiều nghiên cứu kế tiếp để xác định nhân quả của sự kiện./.

Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

NỖI LO CỦA TUỔI GIÀ

LỜI TẠM BIỆT:



**Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.
Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:
"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...
"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.
Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Đề tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

NỖI LO CỦA TUỔI GIÀ

Gã đang cắm dùi tại một vùng nông thôn khỉ ho cò gáy và gã bỗng nhận ra sự phát triển ghê gớm của cỏ dại. Một thửa ruộng vừa gặt xong, chỉ cần vài ba trận mưa là cỏ dại tự nó nảy mầm và lớn lên. Thậm chí chỉ cần mức một tí bùn dưới sông đổ lên mặt đường và thế là...a lê hấp cỏ dại liền xuất hiện.

Từ hình ảnh cỏ dại, gã liên tưởng tới một hình ảnh khác, cóc cần tới sự quan tâm của con người, đó là hình ảnh của thời gian. Dĩ nhiên, chẳng ai nhìn thấy thời gian tròn hay méo, dài hay ngắn, vì thế cho nên người ta mới so sánh, ví ví von von.

Có kẻ cho rằng thời gian giống như chiếc bánh xe bò, đủng đỉnh quay, tuy chậm nhưng mà chắc. Chỉ quên đi cái vèo là mấy chục năm đi đứt.

Mới ngày nào, gã mới chỉ là một chú nhóc đầu húi cua, thế mà giờ đây sống lâu cũng được lên lão làng, ra đường thiên hạ cũng cúi đầu chào bác, chào ông.

Mới ngày nào, chúng ta còn trai trẻ thế mà giờ đây cũng đã bước vào buổi trưa hay buổi chiều của đời mình. Chính vì thế, các cụ ta ngày xưa mới bảo :

- Chơi xuân kéo hết xuân đi,

Cái già sống sộc nó thì tới ngay.

Có những biến cố, có những câu chuyện, gã tưởng mới chỉ xảy ra cách đây một vài ngày hay một vài tháng là cùng, thế mà cũng đã hai mươi mấy năm rồi, chẳng hạn biến cố ba mươi tháng tư năm bảy mươi lăm.

Có người cho rằng thời gian giống như một giòng sông, âm thầm lặng lẽ trôi, ngày này sang ngày khác, tháng này sang tháng khác, năm này sang năm khác, chẳng chờ ai mà cũng chẳng đợi ai. Và một khi đã trôi qua thì sẽ chẳng bao giờ trở lại. Bởi đó, thiên hạ mới có lý khi phát biểu :

- Chẳng ai tắm hai lần trên cùng một giòng sông.

Hay như tục ngữ cũng đã bảo :

- Thời giờ thấm thoát thoi đưa,

Nó đi đi mãi, chẳng chờ đợi ai.

Chính vì chẳng thèm chờ ai mà cũng chẳng thèm đợi ai, nên thời gian mới mang một vẻ mặt lạnh lùng đến tàn nhẫn. Dù chúng ta có níu kéo thì thời gian vẫn cứ đường ta, ta cứ đi, để rồi dần dần vượt khỏi bàn tay chúng ta. Bởi đó thiên hạ mới bảo :

- Có tuổi trẻ nào mà không già, có nhan sắc nào mà không bị tàn phai với thời gian.

Và như vậy, cái già như một người khách bất đắc dĩ, tới một lúc nào đó, nó sẽ sống sộc chạy vào cuộc đời mỗi người, dù chúng ta không muốn. Chẳng những không muốn, mà nhiều người còn muốn che dấu tuổi già của mình, nhất là đàn bà con gái. Bởi đó, Xuân Diệu đã viết :

- Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,

Em em ơi, tình non sắp già rồi.

Thực vậy, người ta đã đưa ra một ngàn lẻ một cách thức để giúp cho các bà các cô làm đẹp để níu kéo tuổi trẻ cùng với cái thời xuân sắc của mình. Nào là giải phẫu, cắt chỗ này vá chỗ kia. Nào là son phấn, bôi chỗ kia trét chỗ nọ, thậm chí còn bắt chước cả loài rắn.

Bởi vì , loài rắn trong quá trình phát triển, thường phải lột da nhiều lần để lấy lại sức lực và sự trẻ trung của mình. Cho nên, người ta cũng khuyên các bà các cô tới thẩm mỹ viện để lột da mặt, hầu dung nhan được tươi mát, mỹ miều.

Thế nhưng chỉ được một vài khoảng khắc, để rồi cuối cùng vẫn phải đối mặt với cái già : tóc bạc, răng long... Hay như người xưa đã bảo :

- Rắn già rắn lột,

Người già người chui tọt xào săng.

Sở dĩ người ta sợ tuổi già vì tuổi già có những cái đáng sợ. Người ta lo tuổi già vì tuổi già có những cái đáng lo. Trong phạm vi hạn hẹp cùng với một cái nhìn phiến diện, gã chỉ xin đưa ra một vài cái đáng sợ và đáng lo ấy.

Trước hết là tình trạng xuống cấp về thể xác cũng như về tinh thần. Về thể xác thì ai cũng nhận thấy. Bác sĩ Đỗ hồng Ngọc, trong loạt bài viết cho tuổi chớm già đã mô tả như sau :

“Một sớm mai thức dậy, người uể oải, nặng nhọc, bước vào phòng tắm, nhìn gương soi, ngỡ ngàng như vừa gặp một người quen mà không nhớ là ai, nhìn tới nhìn lui một lúc mới nhận ra chính là ta đó. Ta mà như không ta. Ta ngỡ ngàng nhau ở cái tuổi mới lớn năm nào, chột cao lên, chột lớn lên và lạ lẫm với chính mình, chân tay lóng cọng như thừa như thiếu, mà mày thanh mắt sáng, mà muốn làm nghiêm cũng thấy như tủm tủm cười, còn giờ đây cũng lạ lẫm với chính mình mà thử nhếch khóe môi tìm lại nụ cười chột thấy khó khăn, niềm vui thì vẫn vậy, sao mắt môi như trĩu nặng. Một nếp xếp đã đậm theo vòng cung khóe miệng, những dấu chân chim đã hằn trên khóe mắt. Và kìa, một vài nhánh tóc đã nhạt phai, khô quắt, mỏng tanh. Bỗng dưng thêm vẽ lại tức khắc khuôn mặt xa lạ mà thân quen kia, trước khi tắm táp, để rồi mày râu nhẵn nhụi lao vào cơ quan, hay đến giảng đường, xí nghiệp, công ty...”

Thì ra mình đã già. Tuổi già âm thầm đến lúc nào mình cũng không hay, như mảnh trăng trên đầu :

- Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.

Chuyện kể lại rằng :

Ngày xưa có một người lái buôn thường đi những chuyến đường dài. Anh bỏ người vợ trẻ ở nhà mòn mỏi đợi trông. Như để chuộc lại những hờ hững của mình, lần này anh hỏi nàng muốn anh mua món quà gì cho nàng lúc trở về. Nàng lẳng lặng chỉ vào vầng trăng non cong vút đang vắt trên bầu trời xanh trong vời vời kia. Anh ghi nhớ và hứa chắc sẽ mua cho nàng món quà đó dù giá có đắt đến bao nhiêu. Thế rồi ngày tháng trôi qua, một hôm trước ngày trở về, anh nhớ lời hứa với vợ, đã nhìn lên bầu trời trong xanh kia, vầng trăng kia, và thế là anh mua ngay cho nàng một chiếc gương tròn, nạm những hạt kim cương lộng lẫy. Hí hửng tưởng nàng sẽ sướng vui, nhưng thật bất ngờ, nàng nhìn chiếc gương tròn đắt giá kia mà cứ khóc mãi. Thì ra nàng đâu có cần gương, nàng cần lược, một cái lược cài đầu cong vút như mảnh trăng non thượng tuần xinh xắn nọ. Trăng đã già lúc nào đó vậy ?

Phạm bất cứ đồ vật nào dùng mãi thì sẽ mòn, sẽ cũ và tới một lúc nào đó sẽ bị phế thải. Chiếc áo đã rách, thì quá lắm là vá chằng vá đụp, dùng tạm được ngày nào hay ngày đó, rồi sẽ bị xếp xuống hàng giẻ lau. Một chiếc xe gắn máy, hay một chiếc đầu video, dùng tới dùng lui, thì thế nào cũng phải đến lúc chúng bị hỏng hóc bộ phận này, bộ phận kia.

Hư chút đỉnh thì sửa chữa. Hư nhiều thì đại tu hay nâng cấp, lên đời. Còn bản thân chúng ta thì thế nào ? Năm sáu chục tuổi đời đè nặng thì làm sao còn mới, còn “gìn” cho được. Với chiếc máy, bộ phận nào hư chúng ta có thể thay bằng bộ phận khác. Nhưng với cơ thể con người, thì thay thế những bộ phận hư hỏng còn là một chuyện nhiều khê, rắc rối và hao tốn, mà vẫn chưa bảo đảm được sự an toàn.

Như trên gã đã nói : sự xuống cấp về thân xác nói chung, và của từng bộ phận trên cơ thể thì ai cũng nhận thấy. Riêng bản thân mình thì âm thầm “gặm nhấm” nỗi xót xa cho tình trạng xuống cấp ấy.

Chẳng hạn cặp mắt : bắt đầu xệ xuống, có quầng thâm, nét nhìn đã bớt long lanh, đã bớt tinh anh, và thỉnh thoảng thấy ghèn xuất hiện ở hai khóe. Nhìn gần không rõ nữa, nên phải mang kính để điều tiết...Mà đúng vậy, một lần kia, cầm tờ báo thân quen đưa lên đọc, bỗng cứ phải đẩy dần tờ báo ra xa, xa chút nữa, rồi chỉ đọc được những cái tựa, những dòng to. Thôi thì đành phải mua cái kính lão. Có kính lão rồi cũng nhất định chưa lão, bắt đắc dĩ mới phải đeo lên. Cho đến một hôm rồi đành mua thêm sợi dây toòng teng vì kính kiếng hoài thật vất vả.

Chẳng hạn đôi tai : bắt đầu kém tinh, khiến nhiều lúc phải lắng nghe. Và cũng do tai nghe kém thính, người chớm già bắt đầu nói to tiếng, cục lốc, đều đều...

Tóc thì bạc và cứ rụng dần thành hói. Răng thì chiếc rụng, chiếc lung lay, khắp kha khắp khiễng như cầu rửa chân. Mũi người cũng tẹt. Lưỡi nếm cũng dở khiến ăn mất ngon.

Đó là về những giác quan bên ngoài, còn lục phủ ngũ tạng bên trong cũng chịu chung cùng một số phận, có nghĩa là tim gan phèo phổi đều xuống cấp, nên mới nảy sinh những chứng bệnh hiểm nghèo.

Chẳng hạn : mạch máu như các ống nước xài lâu năm đã bị dỉ sét hoặc bị cứng lại, không co giãn dễ dàng nữa, nên đâm ra cao huyết áp, dễ bị nhồi máu cơ tim, hay tai biến mạch máu não, một là đi đứt hay là bại liệt khiến cho bản thân phải khổ đã đành, mà những người thân yêu cũng khổ nữa.

Đặc biệt ở những người mập phệ, ăn quá nhiều chất béo, làm cho xơ vữa đóng trong lòng động mạch. Các tuyến mồ hôi làm việc kém hơn, dẫn tới tình trạng không thải kịp chất bẩn, dễ làm cho cơ thể...bốc mùi. Cũng vậy, các tuyến tiêu hóa như gan mật, dịch vị cũng hoạt động tẻ hơn nên dễ bị táo bón, khó tiêu, trĩ trong trĩ ngoài...

Dĩ nhiên, gã không phải là một chuyên viên chăm sóc sức khỏe ban đầu, nên đã mượn tạm những mô tả kể trên của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, được đăng trên báo Kiến thức Ngày nay.

Kinh nghiệm bản thân cũng cho gã thấy đời mình giống như một cuộc leo núi. Xuất phát từ chân núi là lúc mở mắt chào đời, rồi cùng với thời gian, mình leo lên, leo lên mãi ở triền núi bên này. Bốn mươi lăm là đỉnh cao, để rồi từ đó tuột dốc và xuống dần ở triền núi bên kia.

Người xưa có câu :

- Trai ba mươi tuổi đang xoan,

Gái ba mươi tuổi đã toan về già.

Thế nhưng, có kẻ lại bảo :

- Trai ba mươi tuổi mà già,

Gái bốn mươi tám đang ra má hồng.

Cả hai câu tục ngữ trên đều hơi phóng đại tô màu một chút. Vì thế, để trung dung, gã đã chọn bốn mươi lăm là đỉnh cao cuộc đời như vừa mới trình bày. Thực vậy, vào tuổi này mắt già bỗng mờ tịt, nên phải sắm thêm một cặp kính lão. Dầu chưa đến độ hói đầu, nhưng tóc gã cũng bắt đầu thưa dần.

Nếu gã nhớ không lầm thì một văn Thổ Nhĩ Kỳ trong tác phẩm “ Những kẻ thích đùa” đã đưa ra hai tiêu chuẩn để xác định cho một người thông thái, đó là phải đeo kính và phải hói đầu. Nếu đích thực là như vậy thì gã đang chớm “sa-văng”, đang chớm khôn ra rồi đó.

Sự vui chưa qua thì sự buồn lại tới. Và nỗi buồn không tên len lén đi vào lòng gã. Nỗi buồn thứ nhất, đó là gã nhận thấy sức kéo của mình bị giảm sút một cách đáng kể.

Ngày xưa lúc còn trai trẻ, gã ngồi gõ chiếc máy chữ cà tàng mỗi ngày tám chín tiếng đồng hồ, thậm chí có những hôm làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm, mà ăn vẫn ngon, ngủ vẫn đầy con mắt... Còn bây giờ, ngồi nhẩn vi tính, đâu có phải vận dụng tất cả nội lực mà gõ cho thùng

mấy tờ giấy than trên chiếc máy chữ cà tàng ấy, chỉ cần đung nhẹ khỏe re, thế mà cũng chỉ ngồi được bốn năm tiếng đồng hồ là đã mệt nhoài, nhức nhối đến tận trái tim. Ăn mất ngon và ngủ thì chỉ chập chờn.

Nỗi buồn thứ hai, đó là thân thể bỗng dưng dở quẻ với đủ mọi thứ bệnh. Mà bệnh nào thì cũng là như một bản án tử hình đã ký chờ ngày thi hành. Nào là huyết áp cao. Mà huyết áp cao thì thể nào cũng ảnh hưởng tới tim. Mà tim đã có vấn đề thì hãy coi chừng, có thể đứt bóng dễ như trở bàn tay. Rồi gan nhiễm mỡ, phổi bị nám, bao tử bị loét, vân vân và vân vân.

Gã có thói quen lâu lâu tới ông bác sĩ khám tổng quát một lần để nắm vững tình hình sức khỏe của mình. Lần kia, sau khi đã siêu âm, ông bác sĩ lạnh lùng phán :

- Chú có hai viên sạn nhỏ trong thận.

Gã bèn hỏi :

- Làm thế nào để tống khứ hai cái của nợ ấy ra.

Ông bác sĩ liền kê đơn :

- Một là chú phải uống thuốc theo sự hướng dẫn của bác sĩ. Hai là chú phải vận động tay chân. Ba là chú phải uống nước nhiều vì nước chảy đá mòn. Bốn là chú phải...cười, vì cười cũng là một liều thuốc bổ đấy.

Chẳng hiểu vì nghe theo lời căn dặn của ông bác sĩ hay do toa thuốc nam của mấy bà lang trọc là dùng hạt chuỗi hột mà hai cái của nợ của gã bỗng lặn mất tiêu, không còn hiện hữu trong hai trái thận thân yêu nữa.

Không phải chỉ xuống cấp về phương diện thể xác, mà còn xuống cấp về phương diện tinh thần nữa.

Như trên bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc cho biết vì tai nghe bớt thính, nên những người chớm già bắt đầu nói to tiếng, cục lốc, đều đều...Do đó dễ sinh ra cáu gắt. Chuyện không đáng gì cũng quạu, cũng trách, cũng giận, cũng hờn...thành thử với tuổi già thì đâm ra khó tính.

Không những khó tính, mà người già lại thường hay quên. Ngay chính gã cũng cảm thấy như vậy.

“...Có những lúc chợt quên mất tiêu tên một người quen, quá quen. Quên cái tên thôi, còn thì nhớ tất cả. Khi cần nhớ thì quên, mà khi cần quên thì lại nhớ. Nhớ rất kỹ những chuyện xưa cũ. Lạ lùng chưa. Có lúc nhắc chiếc điện thoại lên, gọi cho ai đó, định nói điều gì thì quên tuốt, đành xin lỗi, nhầm số. Không lẽ hỏi người đầu giây bên kia, xin vui lòng cho biết tôi đang định nói gì với bạn đó vậy”.

Nơi gã ở, có một bà cụ. Trước kia bà cụ là một con người đảm đang, ăn nói đâu ra đấy, có bài có bốn hần hỏi, chứ không tào lao thiên địa. Một tay bà cụ quán xuyến hết mọi công việc trong gia đình, thậm chí còn thay chồng làm quan. Bà cụ lo từ A đến Z, còn ông cụ vốn mang chức chánh trương hay chánh tổng chi đó, chỉ có việc ngồi ăn cỗ, thù tiếp các quan trên, hay ngồi xòe tổ tôm chán cạ với bè bạn.

Thế rồi khi về già, bà cụ bỗng dưng quên tất tật, quên tuốt luốt, thậm chí quên cả những người trong gia đình, con cháu cụ cũng gọi là ông, là bà. Quen mà hóa ra lạ, thân mà trở thành người dưng nước lã.

Sự khôn ngoan trước không còn nữa. Bà cụ cư xử như một đứa con nít. Có lần trong nhà thờ, bà cụ đã giành lên rước lễ với một bà khác rồi sinh ra ẩu đả. Thấy bất kỳ chiếc dép nào, bà cụ cũng đem về nhà, khiến cho con cháu phải mất công đem trả lại cho khổ chủ. Có lần gã đến thăm bà cụ. Lúc ra về thì chiếc dép mất tiêu, khiến cả nhà phải đi tìm hồi lâu mới thấy được chỗ bà cụ đã cất dấu.

Bước vào tuổi già, người ta thường trở lại thời con nít, nhưng lại là một thứ con nít...khó thương.

Ngoài tình trạng xuống cấp kể trên, một nỗi lo và một nỗi sợ khác của tuổi già chính là sự cô đơn. Dĩ nhiên không phải chỉ người già, mà hầu như tất cả chúng ta đều sợ sự cô đơn.

Thực vậy, chúng ta không thể nào sống cu ky mình ên, như một hòn đảo giữa biển khơi, hay như một pháo đài biệt lập. Trái lại, chúng ta sống là sống với người khác, trong một cộng đoàn, trong một xã hội. Vì thế, mấy ông triết gia lắm cảm mới phát biểu :

- Người là một con vật có xã hội tính.

Nếu ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn, thì chúng ta sống là sống với người khác. Và khi không còn người khác để sống với, thì chúng ta sẽ rơi tõm vào tình trạng cô đơn đáng sợ và khủng khiếp.

Cách đây ít lâu, gã có đọc một cuốn sách mang tựa đề là “người vạn đảo”. Trong đó, tác giả kể lại cuộc hành trình lênh đênh trên biển cả của mấy nhà thám hiểm. Tác giả cho biết : trong những ngày cô đơn giữa trời và nước, họ rất thèm được liên hệ với thế giới bên ngoài. Có một con chim nhỏ ngày nào cũng tới đậu trên chiếc bè của họ. Nhưng rồi một ngày kia, con chim nhỏ không tới nữa và họ buồn tiếc như mất đi người bạn thân thương nhất của mình.

Cô đơn là một nỗi khổ của tâm hồn. Nó đằng đẵng và day dứt mà chỉ người trong cuộc mới cảm nghiệm được mà thôi. Bởi vì đoạn trường ai có qua cầu mới hay. Chính vì thế, tục ngữ Liên xô có câu :

- Dù được ở trên thiên đàng, mà chỉ có một mình, thì cũng chẳng thể nào sống nổi.

Cô đơn không phải là không có ai, nhưng là thiếu vắng những gì thân yêu nhất, những gì hiểu biết và cảm thông với mình nhất. Kinh nghiệm cho thấy :

- Không phải bên nhau mà đã gần nhau. Không phải gần nhau mà đã quen nhau. Không phải quen nhau mà đã thương nhau. Không phải thương nhau mà đã hợp nhất với nhau, bởi vì mỗi người là một thế giới. Mỗi người là một màu nhiệm.

Đúng thế, nhiều khi đi giữa phố chợ đông người mà chúng ta vẫn cảm thấy âm thầm lẻ loi vì không thấy được một người hiểu mình. Có khi sống giữa con cháu mà chúng ta vẫn cảm thấy trống vắng vì nghĩ tới tuổi già mà tội phạm.

Thực vậy, người già thường dễ cảm thấy cô đơn hơn ai hết, sở dĩ như vậy vì các cụ cảm thấy mình bất lực, không giúp gì được cho con cho cháu. Các cụ luôn có ý nghĩ “mình hết thời rồi”. Những ưu tư suy nghĩ của các cụ dễ bị thế hệ sau cho là lạc hậu và lắm cảm. Bị thực tại từ chối, các cụ quay về với dĩ vãng, dù biết rằng hoài cổ nhiều lúc cũng thực là viễn vông.

Đặc biệt nơi các cụ bà thường có một cảm xúc băng khuâng buồn bã khi con cái đã khôn lớn, không cần tới sự chăm sóc của người mẹ. Cái cảm xúc “tổ trống” khi đàn chim con đã bay xa. Nhiều người sống những tháng ngày hiu quạnh, cảm thấy như mình thừa thãi, vô vị...

Chính vì nghĩ tới những ngày tháng quạnh hiu với một tương lai không mấy sáng sủa, mà nhiều cụ ông vẫn cần đảm bước thêm bước nữa, dù tuổi đời đã đè nặng trên đôi vai của mình, như tục ngữ đã diễn tả :

- Con nuôi cha, không bằng bà nuôi ông.

Truyền thống gia đình tại Việt Nam là “tam đại”, gồm ba đời : ông bà, cha mẹ và con cái cùng sống chung dưới một mái nhà sẽ giúp cho các cụ già bớt cô đơn và người trẻ bớt lạc lõng vì luôn được nương tựa vào nhau. Thật hạnh phúc đầm ấm khi trong bữa ăn cha mẹ biết gấp những miếng ngon miếng ngọt cho ông bà và ban tối, con cháu được sà vào vòng tay ông bà để nghe kể chuyện cổ tích.

Thế nhưng, hình ảnh trên ngày càng bị mai một, không phải vì thiếu thức ăn ngon để gấp cho nhau hay ông bà thiếu chuyện cổ tích để kể cho đàn cháu, mà vì thời gian chúng ta dành cho nhau không đủ. Cha mẹ quần quật suốt ngày để tìm chén cơm manh áo. Con cháu bù đầu vào sách vở học hành. Như vậy, tuy ba thế hệ cùng ở dưới một mái nhà, nhưng chưa thật sự sống chung một tổ ấm.

Còn bên tây phương, ông bà hay cha mẹ già thường được gửi vào viện dưỡng lão. Gã xin trích lại nơi đây những lời phát biểu của một số các cụ già sống trong viện dưỡng lão tại Pháp, được đăng trên báo “Phụ nữ Chủ nhật”.

Sống trong viện dưỡng lão chẳng khác gì sống trong một nhà tù. Một bà cụ chín mươi hai tuổi đã nói :

- Suốt ngày hình như tôi chẳng thấy một bóng dáng ai qua lại, còn con tôi thì hình như chỉ thăm tôi vào cuối tuần, chỉ thăm độ năm phút là chào mẹ...con đi.

Do cuộc sống ngày càng khó khăn, con cái khi có gia đình thường cho các cụ vào viện cho rảnh việc để lo chuyện khác. Một quan chức của viện dưỡng lão Seine cho biết :

- Thật ra cho các cụ vào viện dưỡng lão là công việc thường làm ở các nước phát triển...nhưng chỉ buồn cho các cụ là cách đối xử của con cháu mình.

Có lần thân nhân vắc đơn kiện ban giám đốc về thái độ ngược đãi, la mắng và cộc cằn của những người giúp việc, thì được trả lời :

- Chính cha mẹ các anh mà các anh còn không chăm sóc hướng chi là chúng tôi, người dựng nước lã.

Và như vậy, phải chăng phần thiệt thòi luôn nằm về phía các cụ, những người già hôm nay ?

Chuyện phiếm của Gã siêu.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ
giasoivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA